

NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

Hướng dẫn dành cho giáo viên
nhằm xóa bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non



GIỚI THIỆU

**PHẦN 1: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
TRONG BỐI CẢNH ĐA NGÔN NGỮ**

Mục lục

GIỚI THIỆU

1. Tại sao lại cần có tài liệu này?
2. Tài liệu này dành cho ai?
3. Tài liệu này được sử dụng như thế nào?
4. Tài liệu này bao gồm những nội dung gì?

Phần 1: Phát triển ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ

Chương 1: Cảm giác thoải mái, sự tham gia và ngôn ngữ.....	01
1.1. Cảm giác thoải mái và sự tham gia cao cho tất cả các trẻ.....	01
1.2. Giao tiếp như là một rào cản đến quá trình học tập của trẻ.....	03
1.3. Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non.....	06
Thuật ngữ.....	06
Chương 2: Ngôn ngữ phát triển như thế nào?.....	08
2.1. Xử lý ngôn ngữ.....	08
2.2. Những năm quan trọng: Từ 0 đến 5 tuổi.....	09
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển ngôn ngữ.....	11
Chương 3: Các khái niệm chính về phát triển đa ngữ/ song ngữ.....	13
3.1. Phát triển song ngữ tuần tự và phát triển song ngữ đồng thời.....	13
3.2. Ngôn ngữ phát triển như thế nào ở trẻ nói song ngữ?.....	14
3.3. Các đặc tính của phát triển song ngữ.....	16
3.4. Ngôn ngữ ở nhà hỗ trợ cho ngôn ngữ ở trường như thế nào?.....	16
3.5. Sự phát triển song ngữ cân bằng.....	17



Giới thiệu

1. Tại sao lại cần có tài liệu này?

Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ trẻ ở độ tuổi 3 – 6 đến trường mầm non cao. Giáo viên mầm non và cán bộ quản lý luôn kỳ vọng tất cả mọi trẻ em đều có cơ hội phát triển một cách toàn diện và phát huy tối đa tiềm năng của mình. Khi trẻ có mức độ thoải mái và sự tham gia cao trong học tập, chúng ta nhận ra rằng trẻ sẽ phát triển toàn diện. Tuy nhiên, hiện nay rất nhiều trẻ mầm non gặp những rào cản có ảnh hưởng tới quá trình học tập và sự tham gia trong lớp học, trong đó có rào cản về ngôn ngữ. Trẻ có thể phải trải nghiệm những rào cản này trong môi trường lớp học qua đồ dùng dạy học, cách thức tổ chức hoạt động và các tương tác hàng ngày (đặc biệt là tương tác giữa người lớn và trẻ).

Vì gặp phải những rào cản này trẻ không đạt cảm giác thoải mái và sự tham gia ở mức độ cao trong học tập. Những rào cản này khiến trẻ không được hưởng lợi đầy đủ và phát huy hết tiềm năng của mình. Nhiều nhóm trẻ, đặc biệt trẻ em thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số có nguy cơ không phát huy hết tiềm năng phát triển toàn diện của mình. Sinh ra tại các cộng đồng xa xôi hẻo lánh và khó khăn, những trẻ này thường lớn lên trong nghèo đói, nói ngôn ngữ mẹ đẻ khác với ngôn ngữ giảng dạy ở trường học, và trải nghiệm sự khác biệt giữa văn hóa gia đình và trường học như là những rào cản đối với việc học của trẻ.

Giáo viên mầm non và cán bộ quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ các rào cản ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ, bao gồm cả những trẻ em dân tộc thiểu số, nhờ vậy mà cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong trường lớp sẽ được cải thiện. Bằng việc phát triển các kỹ năng để hỗ trợ và tôn trọng sự đa dạng về dân tộc trong lớp học, giáo viên có thể thực hiện những bước đáng kể trong việc đảm bảo rằng tất cả mọi trẻ đều được phát triển hết tiềm năng của mình. Điều này hoàn toàn phù hợp với chương trình giáo dục mầm non mới nơi mà giáo viên và nhà trường có nhiều cơ hội để thiết kế và điều chỉnh việc thực hiện chương trình giảng dạy và khuyến khích giáo viên đưa bối cảnh địa phương vào trong môi trường lớp học.

Tài liệu này giúp giáo viên có hiểu biết sâu hơn về quá trình phát triển ngôn ngữ và làm thế nào để tạo những điều kiện tốt nhất trong lớp học để giúp trẻ phát triển toàn diện, trong khi chúng ta tôn trọng ngôn ngữ và những giá trị văn hóa riêng của trẻ. Tài liệu này hỗ trợ giáo viên áp dụng những bước đầu tiên trong quá trình xây dựng môi trường học tập giàu ngôn ngữ và tương tác.

Nội dung của tài liệu này đã được phát triển với sự tham gia và được thử nghiệm bởi giáo viên, cán bộ quản lý, Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Kon Tum, Quảng Nam, và Quảng Ngãi như một phần trong chương trình hợp tác của tổ chức VVOB – Giáo dục vì sự phát triển trong chương trình '*Giảm thiểu rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non tại các huyện khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống tại Miền Trung Việt Nam*' (2017 – 2021).

Ngoài ra, đại diện các tổ chức đối tác của VVOB, bà Veerle Boelen (Tổ chức Tư vấn Sư phạm Vương quốc Bỉ - CEF), bà Kirsten Schraeyen (Trường Đại học Thomas More Vương quốc Bỉ) và Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) đã có những đóng góp quý giá liên quan đến kiến thức, kinh nghiệm quốc tế và nguồn cảm hứng để hoàn thiện cuốn tài liệu này.

2. Tài liệu này dành cho ai?

Tài liệu này được thiết kế nhằm tới đối tượng người đọc là **giáo viên mầm non**. Nó giúp giáo viên có cái nhìn cận cảnh, sâu sắc hơn về quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ em trong bối cảnh đơn ngữ cũng như đa ngôn ngữ. Dựa trên những hiểu biết sâu sắc đó, tài liệu này sẽ cung cấp thêm các hướng dẫn cụ thể giúp giáo viên tạo môi trường giàu ngôn ngữ và môi trường giàu tương tác trong lớp học. Bằng cách đó, tài liệu cũng bổ sung thêm cho hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo (BGDĐT) cũng như Sở Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025” – Quyết định số 1008/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 02 tháng 06 năm 2016, cũng như mục đích của chương trình giáo dục mầm non mới khuyến khích giáo viên đưa bối cảnh văn hóa địa phương vào trong môi trường lớp học.

Tài liệu này hữu ích cho mọi giáo viên, bao gồm cả giáo viên dạy tại các lớp học đơn ngữ. Những sự tương tác có chất lượng trong môi trường lớp học sẽ tăng cường sự phát triển của tất cả trẻ em và phù hợp với các phương pháp lấy trẻ làm trung tâm và học thông qua chơi như được mô tả trong thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và được sửa đổi trong thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

Điều này sẽ dẫn đến việc thiết lập một thực hành phát triển ngôn ngữ vui, phù hợp với lứa tuổi – trong toàn bộ môi trường lớp học, hoạt động và các tương tác – giúp trẻ em có hoàn cảnh kinh tế xã hội và văn hóa xã hội khác nhau phát triển tối đa tiềm năng.

Ngoài ra, **các cán bộ quản lý cũng như chuyên viên các Phòng/ Sở Giáo dục và đào tạo** cũng có thể tham khảo và sử dụng tài liệu này để tổ chức các hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên do trường chủ trì hoặc do huyện/ tỉnh chủ trì.

3. Tài liệu này được sử dụng như thế nào?

Tài liệu này hướng dẫn người sử dụng - bao gồm giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên viên Phòng và Sở GDĐT – phát triển kiến thức, thái độ, và kỹ năng khác nhau về nội dung ngôn ngữ, đa ngôn ngữ, và sự đa dạng.

Trong khi chia sẻ những **kiến thức** cơ bản về sự đa dạng và phát triển ngôn ngữ, người sử dụng được yêu cầu tự suy ngẫm về những giá trị riêng của mình cũng như các hành động. Bước tiếp theo, tài liệu này cũng sẽ chia sẻ những **thực hành tốt** và các gợi ý, rồi từ đó hướng dẫn người đọc tự suy ngẫm về những thực hành hiện tại của mình và tự xây dựng kế hoạch cụ thể để cải thiện và áp dụng trong trường và lớp học.

Tài liệu này cũng có thể được sử dụng cho các hoạt động **phát triển chuyên môn giáo viên do trường chủ trì** hoặc các hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên cấp tỉnh. Các mục “Nhiệm vụ” và “Đáp án” trong tài liệu cung cấp cho người điều hành hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên (nhóm cốt cán, cán bộ quản lý, chuyên viên) những gợi ý điều hành sao cho có sự tham gia tích cực và hợp tác, và gắn kết với hợp tác tích cực của người học vào các nội dung.

Phần 4 của tài liệu đặc biệt nhằm giúp giảng viên cốt cán, cán bộ quản lý, cán bộ các Sở và Phòng giáo dục đào tạo xây dựng **môi trường thuận lợi** và **hỗ trợ** giáo viên khi họ áp dụng và thay đổi các thực hành trong lớp học.

4. Tài liệu này bao gồm những nội dung gì?

Tài liệu được mở đầu bằng phần giới thiệu chung, sau đó được chia thành 3 phần chính:

Phần 1 xây dựng hiểu biết chung về phát triển ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ.

Chương 1 giúp giáo viên hiểu về những rào cản ngôn ngữ mà trẻ em gặp phải và tác động của chúng đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ. Chương 1 cũng cung cấp những thuật ngữ quan trọng về ngôn ngữ.

Chương 2 giúp giáo viên hiểu sâu hơn về phát triển ngôn ngữ và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ.

Chương 3 tập trung vào phát triển đa ngôn ngữ và giải thích những lầm tưởng và quan niệm sai về ngôn ngữ.

Phần 2 giúp giáo viên thiết lập môi trường học tập và những tương tác giàu ngôn ngữ.

Chương 4 giới thiệu khung hướng dẫn xây dựng môi trường giàu ngôn ngữ và đưa ra những gợi ý cụ thể làm thế nào để thiết lập môi trường an toàn, tạo ra các tương tác có ý nghĩa và cung cấp các hỗ trợ về ngôn ngữ thông qua các tương tác.

Chương 5 làm phong phú thêm khung hướng dẫn bằng cách tập trung vào các tương tác trong lớp học. Giáo viên sẽ khám phá các kỹ thuật (vai trò) khác nhau để áp dụng trong khi tương tác với trẻ tại các góc chơi; thử đặt các câu hỏi khác nhau để có sự tương tác và tư duy ở mức độ cao hơn; và sử dụng các sách truyện tranh như là điểm khởi đầu để tạo ra sự tương tác vui vẻ và để thế giới quan của trẻ phong phú, có ý nghĩa hơn.

Phần 3 tập trung vào việc cách giáo viên có thể đánh giá sự đa dạng trong lớp học của mình và làm thế nào để tối ưu hóa tiềm năng, sự đa dạng của bối cảnh địa phương mà trẻ mang tới lớp học để tổ chức các hoạt động, tương tác vui và giàu ngôn ngữ.

Chương 6 giúp giáo viên hiểu rõ hơn sự khác biệt về bối cảnh và văn hóa giữa gia đình và trường học, những khác biệt này có thể là rào cản ảnh hưởng đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ ở trường học. Chương 6 cũng giúp giáo viên tìm hiểu thêm về những niềm tin hiện tại của mình về lĩnh vực giáo dục cũng như văn hóa.

Chương 7 giúp giáo viên sử dụng có thể sử dụng bối cảnh địa phương cũng như những quan điểm mới về văn hóa vào trong môi trường lớp học. Chương này sẽ hướng dẫn giáo viên toàn bộ quy trình thực hiện từ việc thu thập tài liệu để việc thiết kế các hoạt động vui chơi và giàu tương tác ngôn ngữ.

Phần 4 giúp cán bộ quản lý, các giảng viên cốt cán, cán bộ các Phòng và Sở giáo dục và đào tạo hỗ trợ quá trình học tập của giáo viên và việc thực hiện những thực hành mới trong lớp học.

Chương 8 tập trung tạo môi trường học tập thuận lợi, Chương 9 đưa ra những phương pháp khuyến khích học tập cộng tác. Chương 10 của tài liệu nhấn mạnh đến công tác hỗ trợ và khai vấn cho giáo viên.

PHẦN 1:
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
TRONG BỐI CẢNH ĐA NGÔN NGỮ



Chương 1: Cảm giác thoải mái, sự tham gia và ngôn ngữ

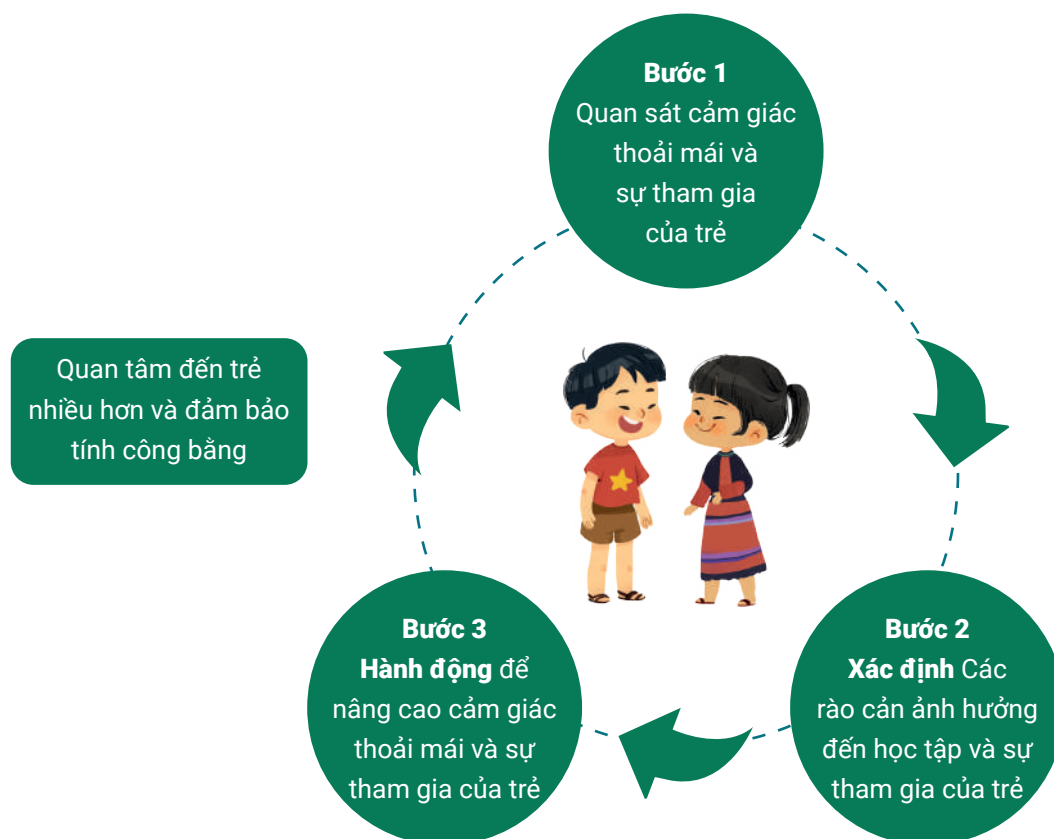


Mục tiêu của chương này là:

- Giúp bạn hiểu rõ hơn các rào cản về ngôn ngữ và giao tiếp có tác động như thế nào đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ
- Giúp bạn tự trải nghiệm về một rào cản trong giao tiếp cho bản thân
- Bắt đầu tìm ra những cách để xóa bỏ những rào cản về giao tiếp
- Giúp bạn hiểu bạn có thể đóng vai trò gì trong việc tạo ra các môi trường và tương tác giàu ngôn ngữ
- Giới thiệu đến bạn những thuật ngữ quan trọng về ngôn ngữ

1.1. Cảm giác thoải mái và sự tham gia cao cho tất cả các trẻ

Trong quá trình áp dụng quan sát trẻ theo quá trình, giáo viên quan sát mức độ thoải mái và sự tham gia của trẻ, xác định các rào cản có ảnh hưởng tới việc học và tham gia. Sau đó, giáo viên bắt đầu hành động để giảm thiểu các rào cản bằng cách thay đổi môi trường học tập, vật liệu, các hoạt động và tương tác. Điều này đảm bảo cho việc học sâu của tất cả trẻ.



Hình 1 Phương pháp quan sát trẻ theo quá trình hỗ trợ giáo viên có khả năng suy ngẫm và phản hồi liên tục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cũng như chăm sóc toàn diện cho tất cả trẻ em

Để hiểu thêm những kiến thức cơ bản về quan sát trẻ theo quá trình, bạn có thể tìm đọc tài liệu “Thực hành Quan sát trẻ theo quá trình trong trường mầm non – Tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên”.

Tài liệu này có thể tải về từ mục “ấn phẩm” tại trang web của VVOB tại Việt Nam: <https://vietnam.vvob.org/vi/tai-nguyen> hoặc tải trực tiếp bằng mã QR:



ĐIỂM HÀNH ĐỘNG

- 1** Sắp xếp lại **không gian lớp học** thành những **góc / khu vực hấp dẫn** với trẻ
- 2** Kiểm tra các **góc học tập** và bổ sung thêm đồ vật và dụng cụ
- 3** Giới thiệu những vật liệu, đồ dùng, đồ chơi và các hoạt động **mới lạ**
- 4** **Tim hiểu sở thích của trẻ** và tổ chức các hoạt động phù hợp
- 5** Cải thiện hoạt động đang diễn ra bằng cách **khích lệ và đặt ra các thách thức mới** cho trẻ
- 6** Tạo cơ hội cho trẻ tự đưa **ra sáng kiến** và hỗ trợ trẻ với **các quy tắc và thỏa thuận** thích hợp
- 7** Khám phá và cải thiện **mối quan hệ** giữa trẻ với giáo viên và giữa trẻ với trẻ
- 8** Tổ chức các hoạt động giúp trẻ khám phá thế giới **cảm xúc, hành vi và giá trị**

Hình 2 Các điểm hành động giúp giáo viên thay đổi môi trường học tập, đồ dụng, các hoạt động và tương tác với trẻ.

1.2. Giao tiếp như là một rào cản đến quá trình học tập của trẻ

Có rất nhiều trẻ mầm non gặp phải những rào cản ảnh hưởng tới quá trình học tập và tham gia của trẻ trong lớp học. Những rào cản này khiến cho trẻ không được hưởng lợi toàn diện và phát triển hết các tiềm năng của mình.



Trong bối cảnh đa ngôn ngữ (trẻ nói một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ dạy và học tại nhà trường) thì giao tiếp thường được xem như là một rào cản.



Ví dụ:

1. Vũ đến trường học. Vũ muốn kể với cô giáo những gì đã diễn ra tối qua ở nhà. Cậu bé không nói Tiếng Việt nên bắt đầu sử dụng tiếng mẹ đẻ để kể chuyện. Cô giáo không hiểu trẻ muốn nói điều gì.
2. Trong giờ vòng tròn, cô giáo Thanh giải thích rằng họ sẽ chơi một trò chơi. Giáo viên hướng dẫn luật chơi. Vũ và bạn của Vũ không hiểu ngôn ngữ mà cô giáo sử dụng (Tiếng Việt) trong lớp.

Khi một đứa trẻ không hiểu ngôn ngữ hướng dẫn của cô giáo, trẻ sẽ không cảm thấy tự tin và thoải mái. Điều này sẽ ảnh hưởng đến cảm giác thoải mái của trẻ. Khi những hướng dẫn không rõ ràng và cụ thể, sự tham gia của trẻ vào các hoạt động trong lớp học cũng có thể bị ảnh hưởng.

Giáo viên mầm non và cán bộ quản lý đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết các rào cản này. Họ có thể tiến những bước dài trong việc đảm bảo tất cả mọi trẻ được phát triển toàn diện, trong đó bao gồm cả trẻ từ các cộng đồng dân tộc thiểu số.

**Nhiệm vụ:**

Các câu hỏi suy ngẫm:

1. Bạn đã từng bao giờ trải nghiệm những rào cản về ngôn ngữ? Đã bao giờ bạn ở trong tình huống mà mình không hiểu những người xung quanh đang nói gì?
2. Bạn cảm thấy như thế nào trong những tình huống đó?
3. Bạn giải quyết vấn đề đó như thế nào?

**Nhiệm vụ:**

Bài tập để thử trải nghiệm về rào cản ngôn ngữ.

1. Thực hành trong mỗi nhóm gồm 3 người (A, B, và C)
2. Hãy cắt các thẻ màu dưới đây (Bộ thẻ 1) nhưng không đọc nội dung của từ thẻ. Đặt úp các thẻ này lên mặt bàn.
3. Mỗi thành viên trong nhóm lấy một thẻ cho mình. Nội dung trong tấm thẻ sẽ giải thích rõ cho bạn biết nhiệm vụ của bạn là gì. Hai thành viên của nhóm sẽ thực hiện các hành động, người thứ ba sẽ quan sát các hành động đó.
4. Một nguyên tắc trong hoạt động này là: Các thành viên sẽ không được nói Tiếng Việt. Bạn được phép diễn tả ý của mình qua các cử chỉ hoặc các hành động.
5. Nếu bạn muốn thực hiện hoạt động này thêm một lần nữa, bạn có thể sử dụng bộ thẻ thứ 2 và 3 (hoặc hoạt động được tổ chức nhiều hơn một nhóm thì có thể sử dụng bộ thẻ thứ 2 và 3).

**Nhiệm vụ:**

Cùng suy ngẫm về bài tập:

1. Hai thành viên nhóm là A và B có hiểu nhau không?
2. Họ đã hành động như thế nào khi gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý của mình?
3. Họ đã tự giải quyết những khó khăn về giao tiếp liên quan đến rào cản ngôn ngữ như thế nào?



Các bộ thẻ cho hoạt động “Bài tập trải nghiệm về rào cản ngôn ngữ”.

Bộ thẻ 1

A. Trong cửa hàng

(Không cho người khác xem thẻ này)

Người mua hàng

Bạn đến cửa hàng bán đồ may mặc. Bạn muốn mua một cuộn chỉ. Bạn không nhìn thấy cuộn chỉ nào ở trên kệ cả, vì vậy bạn cần phải hỏi chủ cửa hàng để mua cuộn chỉ.

Bộ thẻ 1

B. Trong cửa hàng

Người bán hàng

Một khách hàng đến mua thứ gì đó ở cửa hàng của bạn.

Bộ thẻ 1

C. Người quan sát

Quan sát những việc sau:

- A và B có thể hiểu nhau không?
- Họ phản ứng thế nào khi gặp khó khăn?
- Họ giải quyết vấn đề giao tiếp do rào cản ngôn ngữ như thế nào?



Bộ thẻ 2

A. Tại phòng khám

(Không cho người khác xem thẻ này)

Bệnh nhân

Bạn bị chó cắn và bạn nghĩ cần phải khâu vết thương lại. Bạn lo lắng vì bạn chưa được tiêm phòng bệnh dại.

Bộ thẻ 2

B. Tại phòng khám

Bác sĩ

Một bệnh nhân đến khám với một vết thương nghiêm trọng. Bạn hỏi về tình huống xảy ra tai nạn. Bạn chữa cho bệnh nhân một cách chuyên nghiệp

Bộ thẻ 2

C. Người quan sát

Quan sát những việc sau:

- A và B có thể hiểu nhau không?
- Họ phản ứng thế nào khi gặp khó khăn?
- Họ giải quyết vấn đề giao tiếp do rào cản ngôn ngữ như thế nào?



Bộ thẻ 3

A. Tại ga tàu hỏa

(Không cho người khác xem thẻ này)

Hành khách

Bạn muốn mua một vé tàu đi Huế. Bạn 75 tuổi và bạn được hưởng giá vé tàu ưu đãi dành cho người lớn tuổi. Tuy nhiên, bạn đã quên mang theo chứng minh nhân dân. Và bạn không muốn phải mua vé với giá bình thường.

Bộ thẻ 3

B. Tại ga tàu hỏa

Nhân viên ga

Một hành khách đến mua vé tàu. Nhưng có vẻ người này đang gặp khó khăn gì đó.

Bộ thẻ 3

C. Người quan sát

Quan sát những việc sau:

- A và B có thể hiểu nhau không?
- Họ phản ứng thế nào khi gặp khó khăn?
- Họ giải quyết vấn đề giao tiếp do rào cản ngôn ngữ như thế nào?



1.3. Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non

Làm thế nào để giáo viên có thể giao tiếp cũng như tạo ra những tương tác giàu ngôn ngữ và có ý nghĩa với trẻ trong lớp học? Làm thế nào để giáo viên có thể thúc đẩy quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ?

Phần dưới đây cung cấp các thông tin cơ bản về phát triển ngôn ngữ và đề xuất một số gợi ý thực tế để các trường có thể tạo ra môi trường học tập giàu ngôn ngữ nơi khuyến khích sự làm chủ của trẻ, và nơi trẻ có nhiều cơ hội để tương tác, diễn đạt và suy luận. Điều này sẽ kích thích sự phát triển toàn diện của tất cả trẻ em, dù trẻ ở trong bối cảnh phát triển đơn ngữ hay đa ngữ.

Thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích
Đơn ngữ	Trẻ sử dụng một ngôn ngữ (Ví dụ: Tiếng Việt)
Song ngữ	Trẻ sử dụng hai ngôn ngữ. Ví dụ: 1) Trẻ nói tiếng Cơ Tu ở nhà, Tiếng Việt ở trường; hoặc: 2) Trẻ nói cả tiếng Cơ Tu ở nhà (học từ mẹ) và Tiếng Việt (học từ cha). Trường hợp 1 được gọi là song ngữ tuần tự vì trẻ học hai ngôn ngữ ở hai thời điểm khác nhau; Trường hợp 2 được gọi là song ngữ đồng thời vì trẻ học hai ngôn ngữ vào cùng một thời điểm.
Đa ngữ	Thuật ngữ này tương tự như song ngữ, tuy nhiên trong trường hợp này trẻ nói nhiều hơn hai ngôn ngữ. Các thuật ngữ song ngữ và đơn ngữ được áp dụng dựa trên bối cảnh thực tế của trẻ: Hoàn cảnh của trẻ là gì? Khi tìm hiểu về một lớp học, điều quan trọng là cần xem bối cảnh ngôn ngữ trong lớp học đó là gì: Có bao nhiêu ngôn ngữ mẹ đẻ được sử dụng trong lớp học?
Ngôn ngữ ở nhà hay tiếng mẹ đẻ	Là ngôn ngữ trẻ sử dụng ở nhà để giao tiếp thường xuyên với cha mẹ và cộng đồng. Lưu ý rằng trẻ có thể có hai ngôn ngữ ở nhà. Xem ví dụ số 2 nêu trên.
Ngôn ngữ giảng dạy	Tại Việt Nam, ngôn ngữ giảng dạy chủ yếu là Tiếng Việt. Đối với những trẻ sử dụng một ngôn ngữ khác ở nhà thì ngôn ngữ sử dụng ở trường học chính là ngôn ngữ thứ hai của trẻ.
Tiếp thu ngôn ngữ	Đây là khả năng hiểu và lĩnh hội ngôn ngữ mà bạn nghe hoặc đọc. Ví dụ: Khả năng nghe và làm theo hướng dẫn của trẻ (khi trẻ nghe: "Hãy mặc áo khoác vào")
Sản sinh ngôn ngữ	Đây là khả năng diễn đạt hoặc tạo ra ngôn ngữ thông qua nói, cử chỉ, vẽ hoặc viết.
Giao tiếp bằng lời	Đây là hình thức sử dụng từ ngữ để chia sẻ thông tin với người khác. Nó có thể bao gồm cả giao tiếp bằng lời nói và viết.
Giao tiếp phi ngôn ngữ	Đây là sự truyền tải thông điệp hoặc tín hiệu thông qua giao tiếp bằng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, tư thế hoặc khoảng cách giữa hai cá nhân.



Nhiệm vụ

1. Hãy giải thích các thuật ngữ trong bảng trên bằng cách diễn đạt riêng của mình.
2. Ngôn ngữ ở nhà của trẻ trong lớp/huyện của bạn là gì?
3. Trẻ nào nói song ngữ? Trẻ nào nói đa ngữ? Trẻ nào chỉ nói đơn ngữ? (Trong lớp học, gia đình, cộng đồng của bạn).
4. Hãy thử chuyển một thông điệp nào đó đến đồng nghiệp của bạn bằng cách giao tiếp phi ngôn ngữ.
5. Bạn có biết các từ ngữ thuộc ngôn ngữ tiếp thu của bạn (bạn hiểu) nhưng bạn lại không sử dụng như là một phần của ngôn ngữ diễn tả của bạn (bạn không sử dụng)? Hãy thử tìm một vài ví dụ.



Chương 2: Ngôn ngữ phát triển như thế nào?

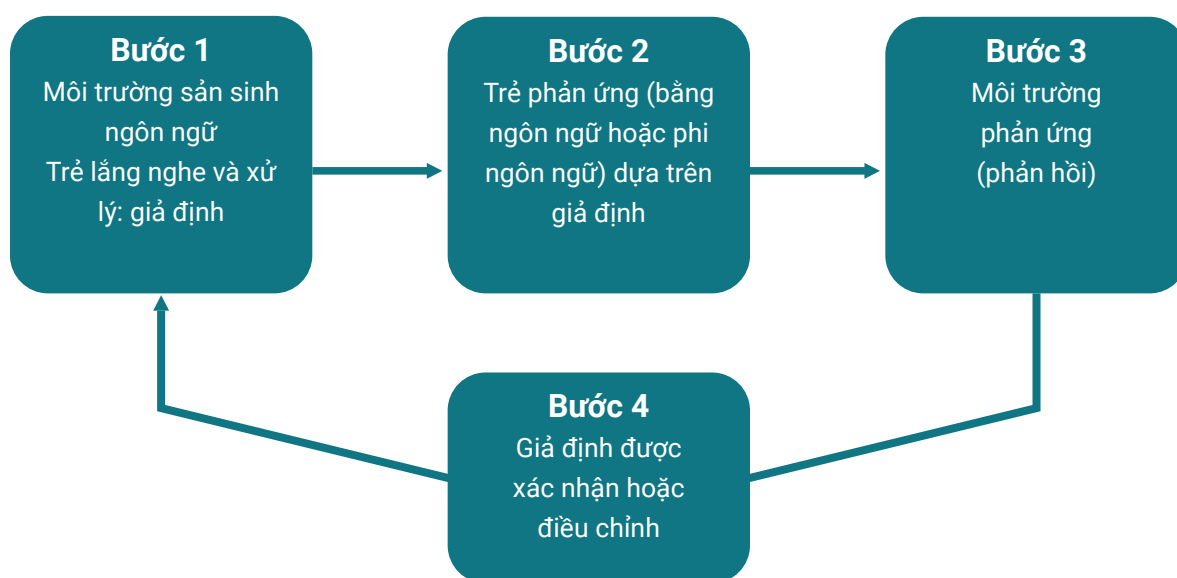


Mục tiêu của chương này là:

- Giúp bạn hiểu sâu hơn về quá trình phát triển ngôn ngữ diễn ra như thế nào
- Giúp bạn thấy rõ các giai đoạn phát triển khác nhau mà một đứa trẻ sẽ trải qua từ khi sinh ra cho đến khi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non
- Giúp bạn có thể đánh giá các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ
- Giúp bạn hiểu được những yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ và vai trò của nhà trường và giáo viên đối với quá trình đó

2.1. Xử lý ngôn ngữ

Ngôn ngữ được phát triển thông qua các tương tác. Trẻ lắng nghe thông tin đang được nói và cố gắng hiểu những nội dung đó (bước 1, hình 3). Trẻ phản ứng lại những điều đã nghe được dựa trên suy nghĩ của trẻ (bước 2). Môi trường xung quanh phản ứng/ phản hồi tương ứng lại (bước 3). Bằng những phản ứng của môi trường, trẻ biết điều đó (ý hiểu của trẻ) đúng hay sai, và từ đó trẻ học được những điều mới (bước 4).



Hình 3 Ngôn ngữ phát triển trong tương tác



Hãy cùng nghiên cứu 3 ví dụ dưới đây:

1. Một người cha nói với con mình: “Con hãy xỏ giày vào, chúng ta sẽ đi chơi”. Trẻ lắng nghe, sau đó bắt được từ khóa “giày”. Trẻ suy nghĩ rằng ba đang yêu cầu mình lấy giúp ba một đôi giày. Trẻ chạy ra đến tủ để giày và lấy một đôi giày của ba mang đến cho người cha. Người cha nói: “Không, con không phải lấy giày cho ba. Hãy xỏ giày của con vào vào chúng ta sẽ đi chơi”. Cùng lúc đó, người cha xỏ giày và đội mũ bảo hiểm của mình vào. Trẻ đã học được giả định ban đầu của mình là không chính xác. Cộng với các thông tin bổ sung mà trẻ có được (người cha vừa nói và thể hiện điều đó qua hành động), cuối cùng thì đứa trẻ đã hiểu.

- Một người cha nói với con của mình: “Con hãy xỏ giày vào, chúng ta sẽ đi chơi”. Trẻ lắng nghe, sau đó bắt được từ khóa “giày”. Trẻ nghĩ rằng sẽ đi chơi cùng ba. Trẻ chạy tới cửa, lấy giày và xỏ vào, rồi đội thêm mũ bảo hiểm và sẵn sàng ra ngoài. Cùng lúc đó, người cha cũng xỏ giày và đội mũ bảo hiểm. Trẻ đã học được rằng giả định của mình ban đầu là đúng.
- Trong ví dụ cuối cùng, bạn là giáo viên và đang trong giờ học: Một trẻ trong lớp học của bạn nói “đoi” (Bước 1). Bạn không hiểu trẻ nói gì. Lúc đó đã gần đến giờ ăn trưa và đứa trẻ chỉ vào bụng của mình và nói “đoi” một lần nữa. Bạn nghĩ rằng trẻ muốn nói trẻ đang đói bụng. Bạn sẽ nói với trẻ: “Lan, con đang đói phải không?” (bước 2). Trẻ sẽ cười và nói “Đạ” (bước 3). Bây giờ bạn đã hiểu giả định của mình là đúng (bước 4).

Quá trình này là động cơ của phát triển ngôn ngữ. Để trẻ phát triển ngôn ngữ (hoặc học một ngôn ngữ mới), trẻ cần nhiều sự tương tác trong bối cảnh có ý nghĩa, chứ không đơn thuần là dạy ngôn ngữ.



Nhiệm vụ

- Có lúc nào đó mà bạn không hiểu một đứa trẻ không? Bạn đã từng kiểm tra lại những giả định của bản thân? Hãy tìm ví dụ riêng của mình mà bạn đã trải qua chu trình như trên (xem ví dụ 3)

2.2. Những năm quan trọng: Từ 0 đến 5 tuổi

Ngôn ngữ phát triển từ những năm đầu tiên của thời thơ ấu. Trẻ sẽ có được những kỹ năng ngôn ngữ cơ bản ở độ tuổi 5. Từ 5 đến 12 tuổi, ngôn ngữ của trẻ sẽ được hoàn thiện hơn. Trong bảng dưới đây, bạn sẽ thấy các bước trong quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ lớn lên với một ngôn ngữ.



Tiến trình phát triển đơn ngữ - song ngữ	
Tiếp thu ngôn ngữ Nghe và hiểu	Sản sinh ngôn ngữ Nói và dấu hiệu
1. Giai đoạn tiền ngôn ngữ (0 – 12 tháng tuổi)	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra giọng nói - Ngừng khóc khi nghe giọng nói - Nhìn về hướng phát ra âm thanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra âm thanh vui nhộn - Khóc kiểu khác nhau cho những nhu cầu khác nhau - Cười khi nhìn thấy bạn
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra những từ đơn giản như “sữa” “ly” “cơm” - Chú ý lắng nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Bập bẹ nhiều tiếng như p, b, m. - Bắt đầu bập bẹ những âm thanh gần như có nghĩa (cùng ngữ điệu) - Bắt chước các âm thanh khác nhau

2. Giai đoạn mới bắt đầu của sử dụng ngôn ngữ (12– 30 tháng tuổi)

<ul style="list-style-type: none">- Phản ứng lại với các yêu cầu như: “đưa cho mẹ”, “lại đây”- Hiểu nhiều từ (VD: “không”, “dép”, “chén”...)	<ul style="list-style-type: none">- Cách nói 1 từ (một câu chỉ có một từ nhưng có nhiều ý nghĩa), VD: “mẹ” (có nghĩa là “bồng con”, “nước” (có nghĩa là con muốn uống nước), “xe” (có nghĩa là con muốn đi xe)- Sử dụng ít nhất 10 từ.
<ul style="list-style-type: none">- Hiểu được yêu cầu đơn giản như “lấy chăn đi con”, “mang cái này đến cho đi”.	<ul style="list-style-type: none">- Cách nói 2 từ (một câu chỉ có 2 từ), VD: “ba về” hoặc “thêm cơm”, “uống nước”- Sử dụng ít nhất 150 từ- Hỏi được những câu hỏi đơn giản, (đây là gì?)

3. Giai đoạn tiếp tục phát triển (30–60 tháng tuổi)

<ul style="list-style-type: none">- Lắng nghe trò chuyện- Hiểu những giới từ như trong, dưới, sau...- Hiểu những yêu cầu phức tạp hơn, VD: “lấy mũ bảo hiểm, giày và áo mưa của con đi”.- Hiểu các câu hỏi ai, cái gì, ở đâu- Hiểu các câu chuyện	<ul style="list-style-type: none">- Sử dụng ít nhất 300 từ và nhiều hơn mỗi ngày- Sử dụng câu phức: “con đi học”, “ngày mai mình đi công viên”, “con muốn uống nước”.- Phân biệt được ít và nhiều, đại từ nhân xưng (con, cô, dì, cậu, mẹ...) và giới từ (trên, trong, dưới, ở giữa...)- Bắt chuyện- Thể hiện cảm xúc
---	---

4. Giai đoạn phát triển hoàn thiện (>60 tháng tuổi)

<ul style="list-style-type: none">- Hiểu được câu hỏi tại sao- Hiểu hầu hết những nội dung ở trường và ở nhà- Hiểu các hướng dẫn ở trường như “khoanh tròn những thứ có thể ăn được”.	<ul style="list-style-type: none">- Sử dụng câu càng ngày càng phức tạp hơn. “mẹ ơi, con khát nước, con uống nước được không?”- Tạo kết nối và mối quan hệ- Có thể kể chuyện
---	--







Nhiệm vụ




1. Bạn có thể xác định được trẻ trong cộng đồng của mình đang ở trong giai đoạn nào của quá trình phát triển ngôn ngữ không?
2. Copy một bản của bảng phía trên và cắt thành hai cột. Để riêng hai cột tiếp thu ngôn ngữ và sản sinh ngôn ngữ riêng biệt. Cắt riêng từng dòng và trộn đều các cột. Bạn đề nghị đồng nghiệp của mình sẽ sắp xếp lại các thẻ này theo đúng thứ tự về thời gian. Để kiểm tra lại đáp án của mình, bạn có thể xem bảng phía trên.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển ngôn ngữ

Sự phát triển ngôn ngữ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Nội dung dưới đây sẽ đề cập đến những yếu tố quan trọng nhất có ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ này.

Với vai trò của trường học, chúng ta có thể có sự ảnh hưởng nào đó đến các yếu tố đó, nhưng có duy nhất một yếu tố hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta. Đó là số lượng và chất lượng của ngôn ngữ mà chúng ta cung cấp cho trẻ ở trường.

	<p>Số lượng và chất lượng ngôn ngữ tiếp xúc tại nhà và trong thời gian chơi tự do.</p> <p>Hãy cân nhắc đến các yếu tố điều kiện kinh tế xã hội. Lớn lên trong một gia đình có điều kiện kinh tế thấp có nhiều khả năng dẫn đến thiếu hụt ngôn ngữ vì nhiều lí do. Ví dụ: ít có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ dạy học chính thức, nhà có ít sách vở và ít đồ chơi, ít được đi du lịch, ít có sự tương tác với người xung quanh...</p>
	<p>Yếu tố hoàn cảnh</p> <p>Trẻ có thể học ngôn ngữ tốt hơn ở nhà bởi vì đó là môi trường “bình yên” và an toàn đối với trẻ. Hãy nghĩ đến các ví dụ về tình trạng mối quan hệ, bạo lực, căng thẳng tài chính...</p> <p>Ở trường lớp, “cảm giác an toàn” cũng đóng vai trò rất quan trọng cho việc trẻ tiếp thu ngôn ngữ.</p> <p>Trẻ có cảm giác thoải mái cao sẽ tiếp thu ngôn ngữ tốt hơn.</p>
	<p>Kiến thức về ngôn ngữ ở nhà</p> <p>Trẻ càng phát triển ngôn ngữ ở nhà tốt thì càng dễ học một ngôn ngữ mới!</p>
	<p>Đặc tính của trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ tuổi: mầm non là độ tuổi lý tưởng để học một ngôn ngữ mới; bởi vì càng lớn, trẻ học một ngôn ngữ mới sẽ khó khăn hơn. - Tính cách: trẻ hướng ngoại không ngại mắc lỗi sẽ có nhiều cơ hội thực hành và hấp thụ ngôn ngữ hơn những trẻ hướng nội/rụt rè.

 <p>Môi trường học tập tích cực an toàn và phong phú</p> <p>Các nhiệm vụ có thực và có ý nghĩa trong cuộc sống</p> <p>Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ có trọng tâm qua tương tác</p>	<p>Số lượng và chất lượng ngôn ngữ tiếp xúc ở trường</p> <p>Trẻ cần được tiếp xúc với ngôn ngữ suốt cả ngày! Hãy nghĩ đến 3 vòng tròn của môi trường học tập (ngôn ngữ) hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi rộng lớn và dễ hiểu của ngôn ngữ theo cách tự nhiên - Sử dụng sáng kiến và động lực của trẻ làm điểm khởi đầu - Hoạt động có ý nghĩa - Với nhiều sự tương tác và phản hồi - Với nhiều cơ hội nghe và nói một cách tự nhiên - Trong nhóm nhỏ
	<p>Kiến thức về thế giới</p> <p>Trẻ càng hiểu biết nhiều về thế giới xung quanh sẽ càng dễ dàng tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ.</p>
	<p>Năng lực nhận thức của trẻ</p> <p>Phát triển ngôn ngữ một phần là khả năng bẩm sinh. Có những trẻ phát triển ngôn ngữ nhanh hơn những trẻ khác nhưng tất cả trẻ đều phát triển. Trẻ cần có “thời gian thực hành”: trẻ cần có cơ hội để nói, trò chuyện, tương tác và thể hiện bản thân.</p>



Nhiệm vụ:

1. Chúng ta có những ảnh hưởng trực tiếp như thế nào đến các yếu tố nêu ở trên? Những yếu tố nào nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta?
2. Hãy giải thích?

Chương 3: Các khái niệm chính về phát triển đa ngữ/ song ngữ



Mục tiêu của chương này là:

- Giới thiệu đến bạn các khái niệm và thuật ngữ chính liên quan đến phát triển đa ngôn ngữ
- Giúp bạn hiểu rõ hơn về quá trình phát triển đa ngữ ở trẻ diễn ra như thế nào
- Giúp bạn đánh giá trẻ ở giai đoạn phát triển ngôn ngữ nào khi trẻ học ngôn ngữ mới
- Giúp bạn hiểu rõ hơn về những nhầm lẫn liên quan tới phát triển đa ngôn ngữ
- Giải thích ngôn ngữ ở nhà của trẻ và ngôn ngữ thứ hai mà trẻ học thêm có mối liên quan như thế nào; và các ngôn ngữ này hỗ trợ lẫn nhau ra sao trong quá trình trẻ học ngôn ngữ
- Giới thiệu đến bạn vai trò mà bạn có thể thực hiện để tăng cường quá trình phát triển ngôn ngữ cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ giảng dạy ở trường.

3.1. Phát triển song ngữ tuần tự và phát triển song ngữ đồng thời

Trẻ được tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ trước khi bắt đầu đi học được gọi là song ngữ **đồng thời**. Trẻ học hai ngôn ngữ cùng một lúc. (Ví dụ: Cha nói tiếng Cơ Tu, mẹ nói Tiếng Việt)

Trẻ được tiếp xúc với một ngôn ngữ trước khi bắt đầu đi học và học ngôn ngữ thứ hai khi bắt đầu đi học được gọi là song ngữ **tuần tự**. Trẻ học một ngôn ngữ trước, sau đó học một ngôn ngữ khác. (Ví dụ: tiếng Chăm ở nhà và Tiếng Việt ở trường)

Có thể kết hợp cả hai loại ở trên. (VD: ở nhà, trẻ học tiếng Chăm từ mẹ và Tiếng Việt từ cha, sau đó học tiếng Anh khi đi học ở trường).

Bảng 1 Các hình thức phát triển song ngữ

Song ngữ đồng thời	Song ngữ tuần tự	Kết hợp song ngữ đồng thời và song ngữ tuần tự
Trẻ học hai ngôn ngữ cùng một thời điểm, và trước khi đi học.	Trẻ học một ngôn ngữ trước khi bắt đầu đi học và học ngôn ngữ thứ hai ở trường.	Trẻ học hai ngôn ngữ cùng một thời điểm và trước khi đi học. Sau đó, khi bắt đầu đi học ở trường mầm non, trẻ học thêm một ngôn ngữ nữa.
<i>Ví dụ:</i> Bố nói tiếng Cơ Tu, mẹ nói Tiếng Việt	<i>Ví dụ:</i> Trẻ nói tiếng Chăm ở nhà và Tiếng Việt ở trường.	<i>Ví dụ:</i> Trẻ học tiếng Chăm (từ mẹ) và học Tiếng Việt (từ bố) từ khi còn nhỏ và trẻ học Tiếng Anh ở trường.

Mặc dù thời điểm lý tưởng để học ngôn ngữ là trong những năm đầu đời – giai đoạn não bộ phát triển nhanh nhất của trẻ – những trẻ lớn hơn vẫn có thể thông thạo ngôn ngữ thứ hai.

Mặc dù một vài trẻ nói song ngữ ban đầu sẽ bị chậm hơn so với các bạn khác khi bắt đầu đi học, nhưng trẻ sẽ sớm bắt kịp các bạn và hầu hết các trường hợp thậm chí còn **vượt trội** hơn so với các bạn cùng lứa. Trẻ nói song ngữ thường có xu hướng làm tốt hơn các nhiệm vụ đòi hỏi phải kiểm soát sự chú ý, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự linh hoạt. Những kỹ năng này giúp việc học ngôn ngữ mới hiệu quả hơn. Vì thế những người nói song ngữ có thể mạnh về phát triển nhận thức. Nói song ngữ cũng giúp trì hoãn sự suy giảm nhận thức.



Ví dụ:

1. Mai được sinh ra ở Việt Nam. Cô bé được 1,5 tuổi. Mẹ của cô bé thông thạo tiếng Khmer và Tiếng Việt (do công việc). Mai chỉ nói được tiếng Khmer. Cha của Mai được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Ông chỉ biết nói Tiếng Việt. Ông thường sử dụng Tiếng Việt để nói chuyện với Mai. Ngôn ngữ dạy và học chính thức ở trường cũng là Tiếng Việt.
2. Tèo năm nay 8 tuổi và sống ở Việt Nam. Cha mẹ của Tèo sử dụng tiếng Chăm để giao tiếp. Trường học của Tèo sử dụng Tiếng Việt là ngôn ngữ dạy và học chính thức.

Câu hỏi:

1. Mai đang trong quá trình phát triển ngôn ngữ thứ hai đồng thời hay tuần tự? Tại sao?
2. Tèo đang trong quá trình phát triển ngôn ngữ thứ hai đồng thời hay tuần tự? Tại sao?



Đáp án:

1. Mai là trẻ nói song ngữ và học cả hai ngôn ngữ cùng một thời điểm.
2. Đây gọi là trẻ nói song ngữ đồng thời.
3. Tèo là người nói song ngữ và học mỗi ngôn ngữ ở một thời điểm khác nhau.
4. Đây được gọi là trẻ nói song ngữ tuần tự.

3.2. Ngôn ngữ phát triển như thế nào ở trẻ nói song ngữ?

Các cột mốc của sự phát triển ngôn ngữ sớm đối với tất cả các ngôn ngữ đều giống nhau (những từ ngữ đầu tiên của năm 1; đến năm thứ 2 có thể sử dụng câu hai từ). Trẻ em song ngữ trải qua quá trình tương tự như trẻ chỉ học 1 ngôn ngữ. Có một vài sự khác biệt mang tính cá nhân. Một vài trẻ học nhanh hơn; vài trẻ khác thì cần nhiều thời gian hơn để trải qua các cột mốc này.

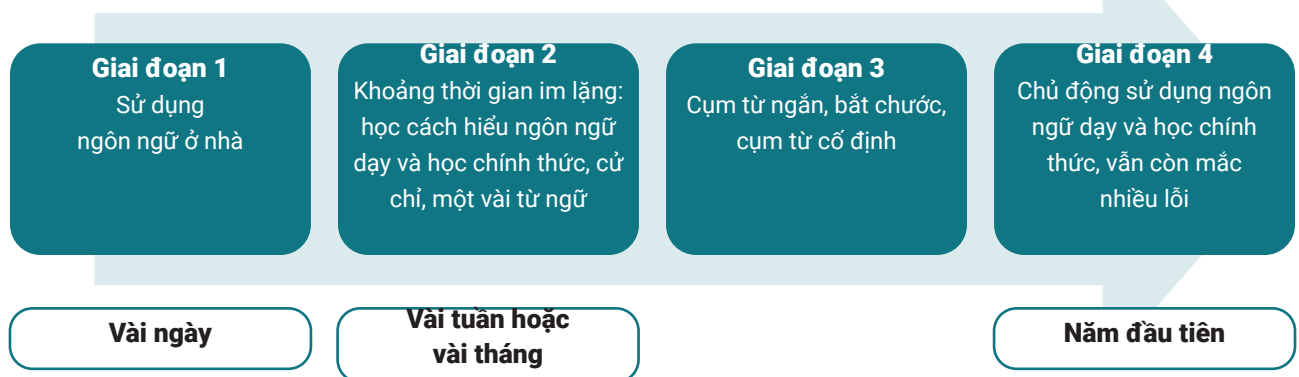
Những trẻ chỉ tiếp xúc với ngôn ngữ dạy và học chính thức khi bắt đầu đi học sẽ gặp một số khó khăn để theo kịp các bạn. Điều này có thể được so sánh với sự phát triển ngôn ngữ của những trẻ học một ngôn ngữ (từ khi sơ sinh đến khi 2 tuổi: giai đoạn im lặng hơn).

Giai đoạn im lặng có thể diễn ra trong vài tuần đến vài tháng.

Mặc dù có những sự khác biệt giữa các trẻ, nhưng thông thường khi trẻ học ngôn ngữ thứ hai sẽ trải qua 4 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1: Trẻ vẫn sử dụng rất nhiều ngôn ngữ ở nhà khi đến trường (ví dụ: Sử dụng tiếng Chăm trong khi ngôn ngữ dạy và học ở trường là Tiếng Việt). Giai đoạn này kéo dài trong vài ngày.
2. Giai đoạn 2: Giai đoạn im lặng, trẻ rất ít nói tuy nhiên đang tiếp thu dần ngôn ngữ. Trẻ sẽ hiểu được nhiều hơn mỗi ngày. Trẻ chỉ sử dụng một vài từ và chủ yếu là hành động để thể hiện bản thân. Giai đoạn này kéo dài trong khoảng vài tuần đến vài tháng.
3. Giai đoạn 3: Trẻ bắt đầu sử dụng câu ngắn. Đây thường là những cụm từ cố định mà trẻ nghe được ở lớp. Trẻ bắt chước những gì người khác nói. Trẻ sử dụng ngôn ngữ dạy và học chính thức chưa được chính xác/sáng tạo.
4. Giai đoạn 4: Vào cuối năm đầu tiên, hầu hết trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ thành thạo. Trẻ vẫn mắc lỗi nhưng đã có thể thể hiện ý mình.

Hình 4 Các giai đoạn phát triển song ngữ



Ví dụ:

Hiệu trưởng: Con có thích đi học không?

Trẻ: Có

Hiệu trưởng: Cô giáo của con tên gì?

Trẻ: Hạnh

Hiệu trưởng: Ở trường con thích làm gì?

Trẻ: Vẽ

Hiệu trưởng: Tốt quá. Con có vẽ cầu vồng không?

Trẻ: Ờ, không

Hiệu trưởng: Ở Việt Nam thường có mưa, đúng không?

Trẻ: Con thích mưa.

Câu hỏi:

1. Trong ví dụ trên, trẻ đang ở giai đoạn phát triển ngôn ngữ nào?
2. Tại sao?



Đáp án: Trẻ đang ở giai đoạn phát triển ngôn ngữ số 3. Trẻ sử dụng những câu chỉ gồm một từ (Đà, Hạnh, vẽ, không) và những câu cố định (Con thích mưa).

Sự phát triển ngôn ngữ phụ thuộc vào sự tiếp xúc ngôn ngữ. **Sự tiếp xúc ngôn ngữ** được mô tả là liên hệ mà trẻ có được với ngôn ngữ mà trẻ đang cố gắng học đó. Trẻ học ngôn ngữ thông qua các tương tác, chứ không phải thông qua việc lặp lại từ vựng nhiều lần. Trẻ có sự tiếp xúc ngôn ngữ nào khi trẻ đến trường? Nếu nhà trường/ giáo viên không cung cấp một môi trường học giàu ngôn ngữ, trẻ sẽ không tiếp thu hiệu quả ngôn ngữ mới đó.

Điều này có ý nghĩa gì đối với giáo viên và nhà trường? Giáo viên cần cung cấp một môi trường học tập giàu ngôn ngữ cho trẻ, một bối cảnh mà ở đó trẻ được bao quanh bởi nhiều hội thoại, tương tác ngôn ngữ và có nhiều cơ hội để giao tiếp với những người xung quanh. Vì thế, nó được gọi là giàu ngôn ngữ và cung cấp nhiều tương tác phong phú. Phần 2 của tài liệu này sẽ hướng dẫn bạn làm thế nào để thực hiện điều này.

3.3. Các đặc tính của phát triển song ngữ

Trẻ nói song ngữ có thể trộn lẫn các quy tắc ngữ pháp và từ vựng từ các ngôn ngữ khác nhau, nhưng không có nghĩa rằng trẻ đang nhầm lẫn. Điều này là bình thường với sự phát triển song ngữ.

Trộn lẫn các quy tắc ngữ pháp (VD: từ vựng của ngôn ngữ ở nhà được sử dụng khi nói về điều gì đó bằng ngôn ngữ dạy và học chính thức) được gọi là **chuyển đổi**.

Sử dụng các từ vựng từ các ngôn ngữ khác nhau trong cùng một câu gọi là **trộn mã**

Điều này có ý nghĩa như thế nào đối với bạn là một giáo viên? Giáo viên không nên ngăn cản hoặc phạt trẻ khi trẻ sử dụng trộn mã. Trộn mã được xem như là một giai đoạn bình thường trong quá trình phát triển ngôn ngữ. Giáo viên nên sử dụng các cử chỉ và biểu hiện khuôn mặt để giao tiếp với trẻ. Điều này sẽ có ích đối với mọi trẻ em, chứ không chỉ là đối với những trẻ nói song ngữ. Giáo viên nên nói với tốc độ chậm và sử dụng các câu ngắn. Các câu này cần đúng ngữ pháp. Ví dụ: “Cắt chiếc ly vào trong bếp”, chứ không phải “Ly bếp”. Giáo viên có thể nhấn mạnh những từ quan trọng, ví dụ: Cắt chiếc **ly** vào trong **bếp**.

Cần phải có thời gian (phụ thuộc vào thời điểm trẻ được tiếp cận cả hai ngôn ngữ), nhưng cuối cùng thì trẻ vẫn sẽ thành thạo cả 2 ngôn ngữ riêng biệt.



Nhiệm vụ

Những đặc tính nào dưới đây là của sự phát triển ngôn ngữ bình thường? Giải thích tại sao?

- Trộn mã
- Mất ngôn ngữ
- Sự lo ngại
- Lỗi chuyển ngữ



Đáp án:
Trộn mã và lỗi chuyển ngữ

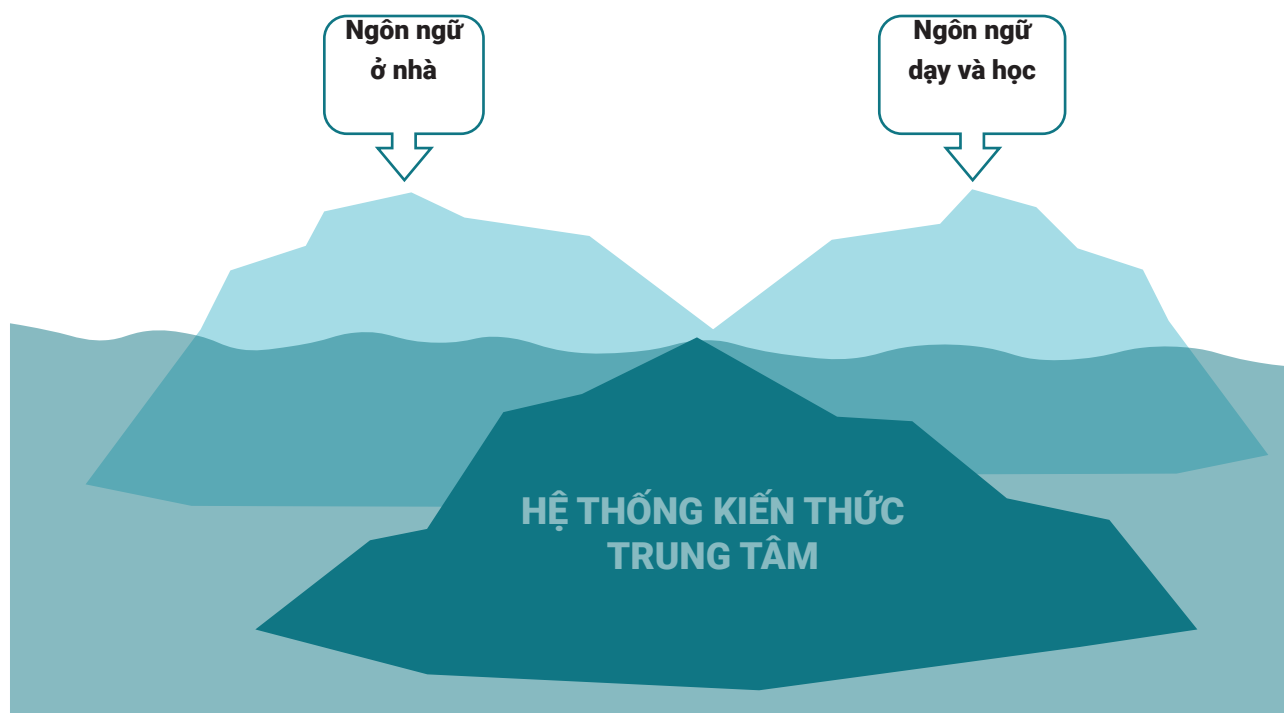
3.4. Ngôn ngữ ở nhà hỗ trợ cho ngôn ngữ ở trường như thế nào?

Khi trẻ học một ngôn ngữ, trẻ không chỉ học tên gọi hoặc từ vựng (nhấn) mà còn học về khái niệm. Ví dụ: cái ly là vật dễ vỡ, được sử dụng để đựng thứ gì đó, có thể dùng để uống nước, khi cầm thì cảm giác như thế nào... Những khái niệm này đều được tập hợp trong hệ thống kiến thức trung tâm. Tất cả những gì trẻ học được đều được lưu trữ trong hệ thống này.

Trẻ học về khái niệm của một cái ly trong ngôn ngữ ở nhà. Khi trẻ học một ngôn ngữ mới, trẻ sẽ học một từ mới (hoặc tên gọi) của cái ly, nhưng hiểu biết về khái niệm vẫn như cũ. Sau đó, cũng có những trường hợp trẻ học những khái niệm mới trước bằng ngôn ngữ thứ hai rồi mới đến ngôn ngữ ở nhà.

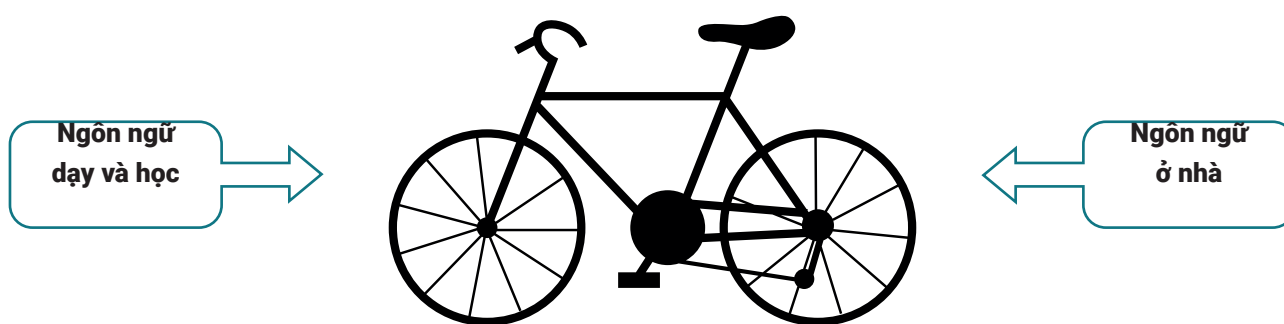
Vì vậy một ngôn ngữ được phát triển dựa trên ngôn ngữ khác và ngược lại. Điều này được thể hiện bằng hai tầng băng. Hai tầng băng này đại diện cho hai ngôn ngữ trong bối cảnh sinh hoạt và học tập của trẻ.

Không phải cả hai đỉnh đều cao bằng nhau. Sau này khi lớn lên, trẻ có thể sử dụng một ngôn ngữ nhiều hơn ngôn ngữ còn lại.



Hình 5 Hai ngôn ngữ, mỗi ngôn ngữ đóng góp vào hệ thống kiến thức trung tâm

3.5. Sự phát triển song ngữ cân bằng

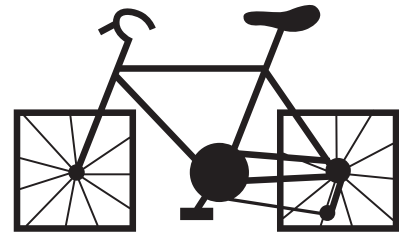
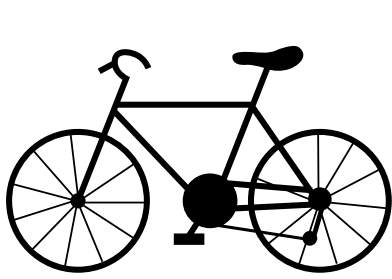


Hình 6 Ngôn ngữ ở nhà và ngôn ngữ dạy và học: bổ trợ lẫn nhau

Hãy liên tưởng đến chiếc xe đạp. Bánh xe sau đại diện cho ngôn ngữ ở nhà. Đó chính là động cơ đẩy chiếc xe đạp tiến về phía trước. Trẻ bắt đầu hình thành và phát triển nhiều khái niệm trong ngôn ngữ ở nhà của mình: những kiến thức về thế giới, hiểu biết về những sự vật, mối quan hệ, các loài vật... Ví dụ: Khi trẻ đến trường, trẻ biết cái ly là gì (một đồ vật dùng để uống nước). Trẻ sẽ không biết được từ vựng trong Tiếng Việt nhưng biết từ đó trong ngôn ngữ ở nhà. Ở trường, trẻ sẽ học nhiều từ vựng mới. Những từ này được tiếp thu dựa trên các khái niệm trẻ đã biết trong ngôn ngữ ở nhà. Đó là lí do tại sao ngôn ngữ ở nhà là động cơ chính của chiếc xe đạp: trẻ học một ngôn ngữ mới (Tiếng Việt) từ những nền tảng mà trẻ đã biết trong ngôn ngữ ở nhà.

Bánh xe trước chính là ngôn ngữ dạy và học chính thức, ở Việt Nam là Tiếng Việt. Rất dễ nhận thấy khả năng nói Tiếng Việt của một người khi giao tiếp trong xã hội, trường học và nơi làm việc. Đó là điều đầu tiên mà trẻ em và người lớn thường được nhận xét. Đó là lí do vì sao Tiếng Việt chính là bánh trước. Kết quả học tập của học sinh cấp một và cấp hai phụ thuộc vào bánh xe trước.

Dây xích, bàn đạp và bánh răng tạo nên mối liên kết giữa hai bánh xe vì thế các bộ phận cần phải phối hợp tốt thì chiếc xe mới có thể di chuyển trơn tru được (trẻ sẽ phát triển)

**Song ngữ đồng đều**

Cả hai ngôn ngữ đều phát triển tốt

Song ngữ không đồng đều

Ngôn ngữ ở trường phát triển tốt, ngôn ngữ ở nhà phát triển không tốt

Bán song ngữ

Không có ngôn ngữ nào phát triển tốt cả

Hình 7 Song ngữ đồng đều, song ngữ không đồng đều và bán song ngữ

Ngôn ngữ ở nhà phát triển tốt là nền tảng để thành công trong học tập và tiếp nhận ngôn ngữ mới. Điều này giúp sự phát triển song ngữ **cân bằng** hơn. Cha mẹ và nhà trường đều đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ. Đây là trách nhiệm chung của cả hai bên.

Chúng ta nên tránh để **mất ngôn ngữ ở nhà** bởi vì đó chính là nền tảng để học một ngôn ngữ khác. Cần phải duy trì ngôn ngữ ở nhà! Nếu không thì trẻ sẽ gặp vấn đề về cảm xúc và phát triển ngôn ngữ dạy và học chính thức thiếu chính xác.

**Nhiệm vụ:**

Hãy tự kiểm tra kiến thức của mình. Những nhận định dưới đây là đúng hay sai? Tại sao?

Nhận định	Đúng	Sai
1. Một trẻ nên học một ngôn ngữ trước khi lên 3 tuổi. Bất cứ ngôn ngữ nào học sau thời điểm này sẽ không thể lưu loát, trôi chảy.		
2. Nếu bạn cho trẻ tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ (trước độ tuổi đi học), việc phát triển ngôn ngữ sẽ bị ảnh hưởng.		
3. Khi trẻ chỉ được tiếp xúc với ngôn ngữ thứ hai khi bắt đầu đi học, trẻ sẽ trải qua một giai đoạn im lặng (khoảng thời gian trẻ không nói bất cứ điều gì khi ở lớp)		
4. Một đứa trẻ khi học nhiều hơn một ngôn ngữ, trong quá trình giao tiếp với người khác đôi lúc sẽ diễn đạt một cách kì cục. Điều này được xem là bình thường và là một phần trong quá trình phát triển song ngữ.		

5. Khi một đứa trẻ (có thể nói song ngữ) không hiểu nội dung bài học, việc giáo viên sử dụng các câu ngắn gọn và nhiều cử chỉ để giải thích là rất hữu ích.		
6. Một đứa trẻ khi đến trường và bắt đầu học Tiếng Việt thì có thể nói tiếng Việt lưu loát trong vòng 1 năm.		
7. Ở nhà Hân có thể nói tiếng Cơ Tu với cha mẹ. Bé gặp khó khăn với Tiếng Việt khi ở trường. Bạn biết rằng cha mẹ của bé có thể nói Tiếng Việt khá tốt. Bạn nên khuyên họ nói chuyện với bé bằng Tiếng Việt thay vì nói tiếng Cơ Tu.		
8. Nhà trường chịu trách nhiệm cho ngôn ngữ dạy và học chính thức còn cha mẹ chịu trách nhiệm cho ngôn ngữ ở nhà. Do đó, giáo viên không cần phải biết ở nhà trẻ sử dụng ngôn ngữ gì.		
9. Sẽ tốt hơn nếu bắt buộc trẻ luôn phải nói Tiếng Việt toàn thời gian khi ở trường		
10. Trong bối cảnh song ngữ, tập trung vào khía cạnh ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng hơn văn hóa.		
11. Việc duy trì ngôn ngữ ở nhà rất quan trọng để trẻ học được ngôn ngữ dạy và học chính thức ở trường.		
12. Khi trẻ đã học nói Tiếng Việt ở trường thì trẻ không cần phải nói ngôn ngữ ở nhà		
13. Trẻ nói song ngữ sẽ gặp vấn đề trong học tập.		
14. Ngay cả khi trẻ không thông thạo cả hai ngôn ngữ, trẻ vẫn là một người nói song ngữ thực sự.		
15. Trẻ em phải thông minh thì mới nói được song ngữ		



Đáp án:

#	Đúng	Sai	Giải thích
1		✗	Mặc dù việc bắt đầu học ngôn ngữ lý tưởng là trong những năm đầu đời, thời kỳ trí não phát triển mạnh mẽ nhất, nhưng nếu học một ngôn ngữ mới ở giai đoạn lớn hơn trẻ vẫn có thể nói lưu loát ngôn ngữ đó.
2		✗	Các cột mốc của sự phát triển ngôn ngữ sớm đối với những trẻ học nhiều hơn một ngôn ngữ cũng tương tự như trẻ học một ngôn ngữ. Trẻ em song ngữ trải qua quá trình tương tự như trẻ chỉ học 1 ngôn ngữ. Tất nhiên là trẻ cũng có sự khác nhau giữa các trẻ.
3	✗		Thực tế là trẻ sẽ cần một khoảng thời gian để bắt kịp với các bạn trong lớp. Giai đoạn im lặng có thể diễn ra trong vài tuần đến vài tháng. Xem hình 4.

4	×		Trẻ nói song ngữ có thể trộn lẫn các quy tắc ngữ pháp và từ vựng từ các ngôn ngữ khác nhau, nhưng không có nghĩa rằng trẻ đang nhầm lẫn. Điều này là bình thường với sự phát triển song ngữ. Cuối cùng thì trẻ vẫn sẽ thành thạo cả 2 ngôn ngữ riêng biệt.
5	×		Thực tế là, việc giáo viên sử dụng các cử chỉ là rất quan trọng, điều này đúng với cả những trẻ học một ngôn ngữ. Giáo viên cần sử dụng câu ngắn gọn và chính xác.
6		×	Những trẻ học ngôn ngữ thứ 2 khi bắt đầu đi học cần 2-3 năm để theo kịp các bạn khác. Hãy nhớ rằng mỗi cá nhân trẻ đều khác nhau.
7		×	Cha mẹ luôn được khuyên rằng nên nói ngôn ngữ ở nhà hoặc ngôn ngữ mà họ thành thạo nhất (= ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc). Hãy ghi nhớ: ngôn ngữ đầu vào = ngôn ngữ đầu ra nên nếu cha mẹ là một hình mẫu sai (Ví dụ: Sử dụng những câu sai trong Tiếng Việt), trẻ cũng sẽ mắc lỗi sai giống như vậy. Điều quan trọng là cha mẹ phải duy trì giao tiếp bằng ngôn ngữ ở nhà để trẻ không quên.
8		×	Cha mẹ và nhà trường đóng vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ.
9		×	Điều quan trọng là trẻ cảm thấy thoải mái khi được giao tiếp bằng ngôn ngữ ở nhà khi ở trường. Khi trẻ có cảm giác thoải mái cao, trẻ sẽ cởi mở và học tập tốt hơn.
10		×	Ngôn ngữ là một phần quan trọng của văn hóa. Trẻ nói song ngữ không chỉ học một ngôn ngữ mới mà còn học một văn hóa mới. Trẻ có thể có những giả định, niềm tin về nhiều vấn đề khác với giáo viên. Vì vậy giáo viên cần phải hiểu được văn hóa riêng của trẻ như tập quán, trang phục, cử chỉ, thức ăn, lễ hội, nghi lễ...
11	×		Chúng ta nên tránh để mất ngôn ngữ ở nhà bởi vì đó chính là nền tảng để học một ngôn ngữ khác.
12		×	Điều quan trọng là chúng ta cần phải duy trì ngôn ngữ ở nhà của trẻ! Nếu không thì trẻ sẽ gặp vấn đề về cảm xúc và việc phát triển ngôn ngữ dạy và học ở trường sẽ bị thiếu chính xác.
13		×	Mặc dù một vài trẻ nói song ngữ ban đầu sẽ bị chậm hơn so với các bạn khác khi bắt đầu đi học, nhưng trẻ sẽ sớm bắt kịp các bạn và hầu hết các trường hợp thậm chí còn vượt trội hơn so với các bạn cùng lứa. Trẻ nói song ngữ thường có xu hướng làm tốt hơn các nhiệm vụ đòi hỏi phải kiểm soát sự chú ý, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự linh hoạt. Những người nói song ngữ có thể mạnh về phát triển nhận thức.
14	×		Trẻ nói song ngữ hầu như luôn luôn có một ngôn ngữ chủ đạo có thể thay đổi theo thời gian, phụ thuộc vào tần suất sử dụng ngôn ngữ đó.
15		×	Tất cả trẻ em đều có thể trở thành người nói song ngữ cho dù trẻ có thông minh hay không. Nếu có nhu cầu về ngôn ngữ (ngôn ngữ phải hữu dụng) và được tiếp xúc đầy đủ (trẻ được tiếp xúc trực tiếp), trẻ sẽ nói thông thạo được cả hai thứ tiếng.



Nhiệm vụ:

Hãy tự kiểm tra với các câu hỏi sau:

1. Nhận định nào dưới đây là chính xác? Tại sao?
 - a, Sẽ rất tốt nếu giáo viên biết trẻ nói những ngôn ngữ nào ở nhà, tuy nhiên, điều này cũng không quá cần thiết.
 - b, Sẽ rất quan trọng nếu giáo viên biết trẻ nói những ngôn ngữ nào ở nhà để hiểu sự phát triển ngôn ngữ của trẻ khi học Tiếng Việt.
 - c, Giáo viên nói được ngôn ngữ của trẻ là cần thiết để hiểu mọi điều mà trẻ nói

2. Nhận định nào là đúng? Nếu một đứa trẻ không hiểu nội dung bài tập được giao ở lớp, giáo viên...
 - a, Nên lặp đi lặp lại cùng một câu hướng dẫn bằng Tiếng Việt cho đến khi trẻ hiểu nội dung bài tập.
 - b, Nên diễn đạt lại hướng dẫn bằng câu ngắn chỉ với những từ vựng liên quan, ví dụ: “con vẽ” cùng với việc diễn tả bằng cử chỉ.
 - c, Nên diễn đạt hướng dẫn bằng việc sử dụng những câu ngắn nhưng phải đúng ngữ pháp, hợp với việc sử dụng các cử chỉ, hành động.



Đáp án :
1. B, 2. C.

Tài liệu này được xuất bản vào tháng 02 năm 2021 bởi:

© 2021 VVOB – education for development
Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Bỉ
Điện thoại: +32 2 209 07 99; Website: www.vvob.org



Bảo lưu một số quyền

Tài liệu này là sản phẩm của các chuyên gia VVOB, dựa trên các kết quả, kinh nghiệm của các chuyên gia VVOB và các đối tác trong chương trình “Giảm thiểu rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non tại các huyện khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống”. Tài liệu này cũng được tham khảo thêm các tài liệu liên quan khác. Các kết quả, diễn giải, và kết luận được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VVOB, của Ban Giám đốc VVOB, hoặc của nhà tài trợ. VVOB không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu trong tài liệu này. Các đường biên giới, màu sắc, tôn giáo, và các thông tin được thể hiện trên hình minh họa trong tài liệu này không thể hiện quan điểm hay sự ủng hộ của VVOB về mặt pháp lý về biên giới của bất kỳ vùng lãnh thổ nào.

Quyền lợi và cấp phép xuất bản

Chịu trách nhiệm biên tập:

Sven Rooms

© 2021 VVOB - education for development



Tài liệu này được xuất bản và lưu hành dựa trên nguyên tắc tài sản sáng tạo công cộng (Creative Commons) và phi thương mại (CC BY-NC-SA 4.0). Quyền sao chép, phân phối, vận chuyển, và ứng dụng tài liệu này đều được cho phép với mục đích phi thương mại, và với các điều kiện sau đây:

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: *VVOB - education for development. 2021. “Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non - Hướng dẫn dành cho giáo viên nhằm xoá bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non”*

Mọi câu hỏi về bản quyền và quyền xuất bản vui lòng gửi về VVOB, Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium. Điện thoại: +32 2 209 07 99; E-mail: info@vvob.org; Website: www.vvob.org

Quyền phủ nhận

Tài liệu này có sử dụng trích dẫn và tham khảo một số ấn phẩm và trang web khác. VVOB không chịu trách nhiệm về các nội dung hiện tại và trong tương lai của các ấn phẩm và các trang web đó, cũng như không chịu trách nhiệm về ấn phẩm và các trang web đưa tin và trích dẫn tài liệu này của VVOB.

Tài liệu này được biên soạn và xuất bản với hỗ trợ tài chính từ chính phủ Bỉ và và Flanders. Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm của VVOB và không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ, do đó chính phủ Bỉ và Flanders không chịu trách nhiệm với bất kỳ nội dung nào của tài liệu này.

Được tài trợ bởi:





3-5 Nguyễn Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
+84 (0) 236 3923332
<https://vietnam.vvob.org>
<http://fb.com/vvobvietnam>

NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

Hướng dẫn dành cho giáo viên
nhằm xóa bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non



PHẦN 2:
THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG
VÀ NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ

Mục lục

Phần 2: Thiết lập môi trường và những tương tác giàu ngôn ngữ

Chương 4: Thiết lập môi trường học tập giàu ngôn ngữ.....	01
4.1. Môi trường học tập tích cực, an toàn, và phong phú.....	02
4.2. Các nhiệm vụ có thực và có ý nghĩa trong cuộc sống.....	04
4.3. Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ trọng tâm thông qua tương tác.....	06
4.4. Áp dụng môi trường học tập giàu ngôn ngữ.....	10
Chương 5: Các kỹ năng nâng cao nhằm tạo các tương tác giàu ngôn ngữ.....	14
5.1. Giới thiệu: Vai trò của giáo viên.....	14
5.2. Chín kỹ thuật tạo sự phong phú tại góc chơi.....	16
5.3. Đặt câu hỏi.....	20
5.4. Sử dụng sách và truyện trong một bối cảnh đa ngôn ngữ.....	26
Phụ lục 1: Chú khỉ con – Một ví dụ về cách sử dụng sách tranh trong lớp học và tại các góc.....	34
1. Chi tiết cuốn sách.....	34
2. Hoạt động giới thiệu: Những con quái vật.....	36
3. Điều cốt lõi: kể chuyện và kể lại.....	36
4. Các hoạt động mở rộng.....	38
Phụ lục 2: Trò chơi sắp xếp: Chín kỹ thuật để tạo góc chơi phong phú.....	43
Chín kỹ thuật.....	43
Chín ví dụ.....	44



PHẦN 2: THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ

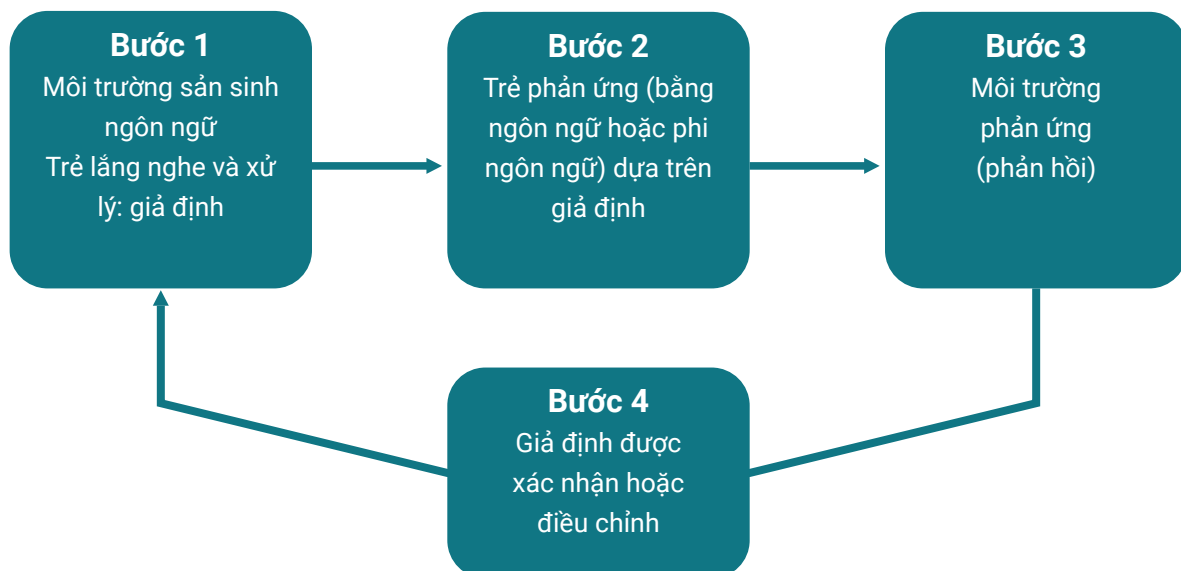
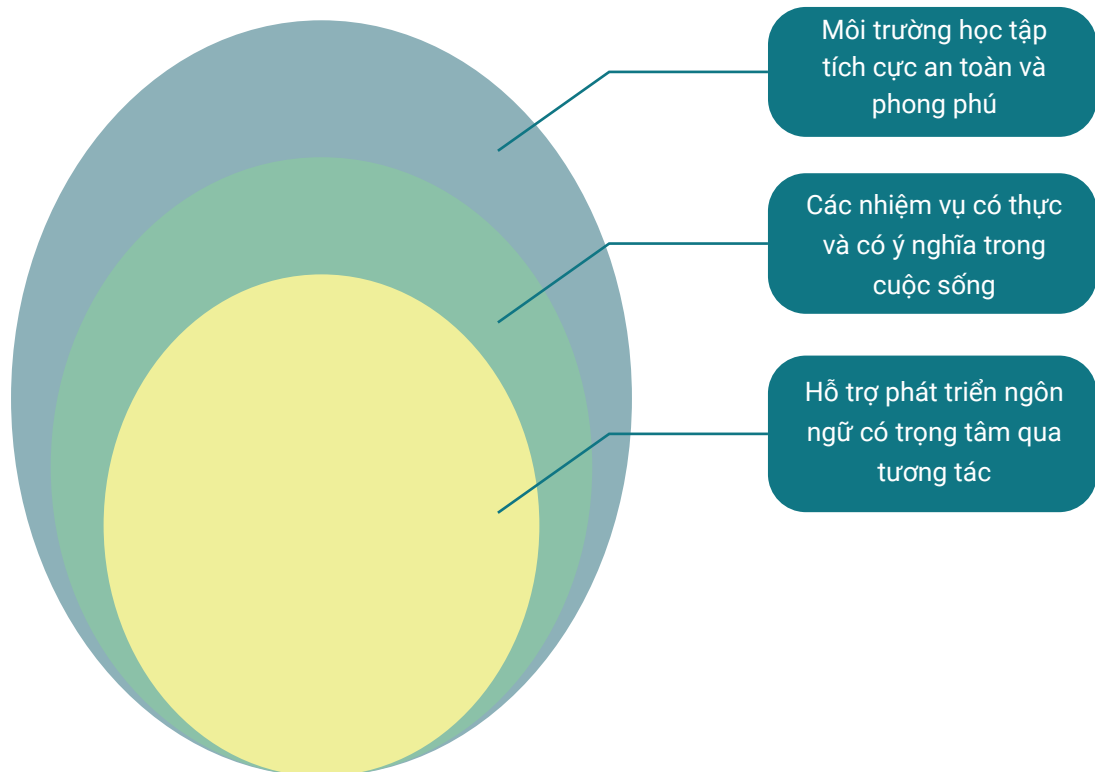


Chương 4: Thiết lập môi trường học tập giàu ngôn ngữ



Mục tiêu của chương này là:

- Giới thiệu khung hướng dẫn môi trường học tập giàu ngôn ngữ
- Cung cấp các gợi ý để áp dụng và thiết lập một môi trường an toàn, tạo các tương tác có ý nghĩa; và cung cấp các hỗ trợ về ngôn ngữ thông qua tương tác với trẻ
- Giúp bạn thử áp dụng các gợi ý này và suy ngẫm trong bối cảnh lớp học của mình
- Đưa ra các tình huống cụ thể mà bạn có thể áp dụng môi trường học tập giàu ngôn ngữ



Học ngôn ngữ tốt nhất trong bối cảnh tự nhiên. Điều này áp dụng cho mọi trẻ em khi học một ngôn ngữ, cũng như khi trẻ học thêm ngôn ngữ thứ hai.

Trẻ mầm non đang trong giai đoạn giữa của quá trình phát triển ngôn ngữ. Bên cạnh đó, **ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ cũng đang trong quá trình phát triển dang dở**. Điều tốt nhất một giáo viên có thể làm để hỗ trợ trẻ phát triển ngôn ngữ là tạo ra môi trường học tập ngôn ngữ tương tự như cách cha mẹ hỗ trợ trẻ ở nhà. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ tương tự như **bối cảnh tự nhiên mà trẻ tiếp thu ngôn ngữ ở nhà**. Hãy hình dung về cách mà bạn giao tiếp với con của bạn ở độ tuổi từ 0 – 5 ở nhà.

Giáo viên cần tạo ra môi trường học tập giàu ngôn ngữ rõ ràng. Môi trường học tập này không tự nhiên mà có được. Một môi trường học tập giàu ngôn ngữ cũng giống như tên gọi của nó: đó là một bối cảnh mà đứa trẻ được bao quanh bởi những cuộc trò chuyện và rất nhiều cơ hội để giao tiếp với người khác. Vì thế, môi trường đó giàu ngôn ngữ và cung cấp nhiều tương tác ngôn ngữ phong phú.

Xây dựng một môi trường học tập giàu ngôn ngữ là:

- Việc tận dụng mọi cơ hội để sử dụng ngôn ngữ, để tương tác, để chia sẻ trọng tâm, để nói chuyện, để thay phiên.
- Việc xây dựng một môi trường nuôi dưỡng, tạo cho trẻ tình cảm thương yêu và xây dựng sự tự tin cho trẻ.
- Việc xây dựng nên một môi trường học tập, tạo ra một nơi mà cả tình yêu thương, ngôn ngữ và học tập cùng đồng thời diễn ra.

Lưu ý:

- **Không** phải **hiều** tức là đưa ra thật nhiều câu hỏi cho trẻ. Ngược lại, việc đặt quá nhiều câu hỏi có thể tạo ra áp lực cho trẻ. Việc đặt câu hỏi dựa trên những gì trẻ đang làm, **đưa ra ngôn ngữ trong bối cảnh tự nhiên và có ý nghĩa**.
- Trẻ không chỉ học từ người lớn mà còn học được từ các bạn trong lớp. Tạo cho trẻ các cơ hội để tương tác và nói chuyện sẽ có lợi cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Trẻ tập chí tiếp thu ngôn ngữ bằng việc nghe người khác nói và tương tác.

4.1. Môi trường học tập tích cực, an toàn, và phong phú

1. Mô tả

Trong môi trường học tập tích cực, an toàn và phong phú, trẻ sẽ được hỗ trợ để đạt cảm giác thoải mái cao. Trẻ sẽ cởi mở tiếp nhận những gì đang diễn ra xung quanh và bắt đầu khám phá, học tập. Tương tác giữa trẻ với trẻ sẽ được thúc đẩy khi trẻ khám phá. Sự khám phá sẽ phong phú hơn thông qua sự tương tác. Khi đó, trẻ sẽ tiếp nhận ngôn ngữ tốt hơn.



Ví dụ:

Hôm nay là ngày đầu tiên Hạnh đi học ở trường. Hạnh nói tiếng Ba Na ở nhà. Cô giáo của Hạnh nói tiếng Việt. Cô chào Hạnh khi con đến lớp, Hạnh trả lời lại bằng tiếng Ba Na. Cô cầm tay trẻ khi cả lớp bắt đầu giờ học nhóm. Khi đến giờ chơi, Hạnh có thể lựa chọn góc chơi mà mình yêu thích. Hạnh thích chơi ở góc xây dựng. Hạnh không nói gì và chỉ ngồi bên cạnh. Cô cùng tham gia vào góc chơi, cô khuyến khích Hạnh cùng chơi. Một trẻ trai khác trong lớp cùng chơi với Hạnh và xây một chiếc cầu. Hai trẻ cùng chơi với những chiếc xe ô tô đồ chơi để đi qua cây cầu. Hạnh cảm thấy thoải mái và mỉm cười.

2. Làm thế nào để tạo môi trường học tập tích cực, an toàn, và phong phú?

Trong bảng dưới đây, bạn sẽ tìm thấy một vài điểm cần lưu ý và các gợi ý để áp dụng. Bạn cũng có thể sử dụng bảng dưới đây như một bảng kiểm của môi trường học tập tích cực, an toàn và phong phú.

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
a. Tôi cố gắng để trẻ cảm thấy dễ chịu và có cảm giác thoải mái cao.			
b. Tôi bắt đầu từ những gì trẻ biết và có thể làm được.			
c. Tôi đáp ứng nhu cầu của tất cả trẻ.			
d. Tôi đặt mục tiêu tăng cường sự tham gia cao của tất cả trẻ.			
e. Tôi đặt mục tiêu tăng cường cảm giác thoải mái cao của tất cả trẻ.			
f. Tôi tạo cơ hội để trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ giao tiếp ở nhà (ngôn ngữ đầu tiên mà trẻ được học và nói một cách tự nhiên, không hẳn là tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp.			
g. Trẻ có thể thể hiện bản thân bằng bất cứ cách nào nếu trẻ cảm thấy tự tin khi nói Tiếng Việt (Ví dụ: cử chỉ, hình vẽ, sự chỉ trỏ, ngôn ngữ giao tiếp ở nhà, biểu hiện khuôn mặt,...). Tôi đáp lại tất cả những nỗ lực giao tiếp của trẻ.			
h. Tôi tạo không gian phù hợp và đủ thời gian cho trẻ bày tỏ ý kiến của mình:			
- Sau khi tôi đặt câu hỏi (thường là “câu hỏi mở”), tôi cho trẻ đủ thời gian để hiểu câu hỏi, suy nghĩ, và đưa ra câu trả lời.			
- Sau khi trẻ nói điều gì đó, tôi giữ im lặng thêm một chút để trẻ có thể tiếp tục nói nếu trẻ muốn.			
- Tôi giảm thời gian đưa ra hướng dẫn và giảng bài, đồng thời tương tác với trẻ nhiều hơn.			
- Tôi cho trẻ thấy phản ứng của mình thông qua biểu hiện gương mặt, thông qua việc giao tiếp bằng ánh mắt (tương tác với tầm mắt ngang nhau giữa tôi và trẻ) và cử chỉ cho trẻ thấy rằng tôi đang hứng thú với những gì trẻ đóng góp vào hoạt động/bài học, trẻ nói và làm, thậm chí cả khi tôi thấy khó hiểu rõ những gì trẻ đang nói/bày tỏ.			
- Tôi cố gắng hiểu những gì trẻ đang cố gắng nói và nói lại điều trẻ muốn nói bằng ngôn ngữ đúng/chính xác.			
i. Tôi hoan nghênh ý kiến của trẻ, ngay cả khi trẻ không dùng lời để nói ra (Ví dụ: Trẻ chỉ vào quả bóng. Tôi nói: “Con có muốn chơi với quả bóng đó không?”).			
j. Tôi không dùng các hình thức phạt trẻ khi mắc lỗi về ngôn ngữ. Tôi nhắc lại những gì trẻ nói bằng ngôn ngữ chính xác. Tôi làm mẫu cho trẻ học theo. (Ví dụ: Trẻ nói: “Chó ăn.” Tôi nói: “Đúng rồi. Con chó đang ăn.”).			

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
k. Tôi đưa ra nhận xét tích cực và khen ngợi trẻ. (Ví dụ: “Con làm giỏi lắm. Toà tháp làm bằng các hộp giấy của con rất đẹp”).			
l. Tôi có thái độ tích cực với ngôn ngữ giao tiếp ở nhà của trẻ và cái tôi của trẻ			
m. Tôi tìm hiểu sự đa dạng trong lớp của mình. Tôi hiểu rõ những khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, ẩm thực, âm nhạc,... và sử dụng những thông tin này để tổ chức các hoạt động và chuẩn bị đồ dùng đồ chơi trong lớp học của mình.			
n. Trẻ có thể tự do đưa sáng kiến: trẻ có thể khởi xướng các hoạt động hoặc đề xuất các đồ dùng đồ chơi hoặc chủ đề. Trẻ có thể đưa ra lựa chọn của mình. Tôi hoan nghênh các ý tưởng và đề xuất của trẻ.			
o. Tôi cho phép trẻ được tự thử nghiệm mọi thứ. Tôi chỉ hỗ trợ trẻ khi trẻ thực sự gặp khó khăn.			
p. Tôi tìm những chủ đề và đề tài hấp dẫn với trẻ (cách tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm)			
q. Tôi cùng chơi với trẻ trong nhóm nhỏ (Ví dụ : kể chuyện, đọc sách, chơi trong các góc,...) hoặc thậm chí trò chuyện, chơi riêng với cá nhân trẻ. Bằng cách này, trẻ cảm thấy an toàn hơn.			

4.2 Các nhiệm vụ có thực và có ý nghĩa trong cuộc sống

1. Mô tả

Để hỗ trợ sự tham gia của trẻ, các hoạt động học và đồ dùng cần được thiết kế có sự liên quan đến sở thích, hoạt động hàng ngày và môi trường sống xung quanh của trẻ. Trẻ học ngôn ngữ thông qua trải nghiệm. Ngôn ngữ là một phương tiện để hướng tới những mục đích hay mục tiêu có chức năng, thúc đẩy, liên quan. Cần chắc chắn rằng trẻ có những mục đích hoặc mục tiêu như vậy.



Ví dụ:

Hạnh nói tiếng Ba Na ở nhà và học Tiếng Việt ở trường. Trẻ đã có thể nói được một vài từ Tiếng Việt. Hôm nay, Hạnh chơi ở góc bán hàng. Cô giáo đi tới quầy hàng và hỏi: “Chúc một ngày tốt lành, cô Hạnh, hôm nay cô đang bán gì vậy?” Hạnh trả lời “Xoài”. Cô giáo nói: “Bao nhiêu tiền một ký **xoài** vậy?”



2. Làm thế nào để tạo ra các nhiệm vụ có thực và ý nghĩa?

Trong bảng dưới đây, bạn sẽ tìm thấy một vài điểm cần lưu ý và các gợi ý để áp dụng. Bạn cũng có thể bảng dưới đây như một bảng kiểm của môi trường học tập tích cực, an toàn và phong phú.

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
a. Tôi thường chọn các hoạt động dựa trên sở thích của trẻ, ngay cả khi đó không phải là hoạt động trong kế hoạch của tôi			
b. Tôi đưa ra các hoạt động để nâng cao sự tham gia của tất cả trẻ. Trẻ tham gia một cách tích cực và nhiệt tình.			
c. Những hoạt động của tôi khuyến khích trẻ giữ vai trò chủ đạo, trải nghiệm và khám phá.			
d. Tôi dạy ít hơn, và hỗ trợ nhiều hơn. Tôi kích thích quá trình học tập của trẻ bằng việc chơi cùng và ngồi cùng bàn với trẻ,...			
e. Tôi cung cấp ngôn ngữ mới, từ mới, cấu trúc câu mới gắn với hoạt động một cách tự nhiên. Tôi không tập trung quá nhiều vào việc bổ sung từ vựng qua việc cho trẻ gọi tên nhiều đồ vật. (Ví dụ: Khi trẻ đang chơi ở góc bán hàng, tôi không gọi tên tất cả đồ vật có trong cửa hàng mà tôi hỏi “Cô đang bán gì vậy cô Hà?”, “Tôi có thể mua gạo được không? Những quả xoài này đã chín chưa?” hoặc thậm chí những câu hỏi mở rộng hơn như là “Tối nay tôi nên nấu cơm với gì nhỉ?”).			
f. Các hoạt động tôi tổ chức thường có tính thiết thực, thử thách, tạo động lực và có tính tương tác.			
g. Tôi đặt ra các mục tiêu học tập phù hợp và hấp dẫn.			
h. Tôi thách thức trẻ để trẻ kết nối những gì trẻ đã có thể làm được và những gì tôi khuyến khích trẻ làm (vùng phát triển gần nhất).			
i. Tôi thách thức trẻ theo cách khác biệt. Tôi lưu ý sự khác nhau giữa các trẻ bằng cách tạo ra những lộ trình học tập và sự hỗ trợ khác nhau cho từng trẻ.			
j. Tôi thiết kế các nhiệm vụ mở. Điều đó có nghĩa là sẽ có nhiều câu trả lời hoặc nhiều sản phẩm cho một nhiệm vụ (Ví dụ: Khi vẽ một bông hoa thì không phải tất cả các bông hoa đều giống nhau. Trẻ có thể quyết định sẽ cắt một bông hoa từ trong tờ báo và tô màu lên).			
k. Tôi thúc đẩy việc học bằng cách làm phong phú hoạt động. (Ví dụ: hai trẻ đang chơi với các khối hình trong góc xây dựng. Tôi đến và hỏi “Ai có thể xây 1 tòa tháp cao nhất với 5 khối hình này nào?” Khi một trẻ đã xây được tòa tháp cao nhất, tôi sẽ hỏi tiếp câu hỏi mở: “Tại sao tòa tháp của con lại cao hơn tòa tháp kia?” “Con cần thêm bao nhiêu khối hình nữa để có thể xây tòa tháp cao bằng tòa tháp cao nhất kia?”).			

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
l. Tôi sử dụng những khoảnh khắc hàng ngày để bổ sung ngôn ngữ cho trẻ. (Ví dụ: khi trẻ đi vệ sinh, tôi nói: “Chúng ta cùng rửa tay nhé. Tại sao chúng ta phải rửa tay sau khi đi vệ sinh? Vào giờ ăn trưa, tôi hỏi: “Con thích ăn món gì nhất?” “Sáng nay/tối qua con đã ăn gì ? “Yên ơi, con mang gì cho bữa trưa nay vậy?”).			
m. Tôi sử dụng các hoạt động có sự vận động, sử dụng giai điệu, âm nhạc và di chuyển để làm phong phú thêm ngôn ngữ cho trẻ.			

4.3. Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ trọng tâm thông qua tương tác

1. Mô tả

Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cần thực hiện theo từng bước, cụ thể và trọng tâm. Việc hỗ trợ này diễn ra thông qua sự tương tác. Tương tác giữa trẻ với giáo viên và các trẻ khác với nhau giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và vượt qua những trở ngại về ngôn ngữ. Những tương tác hiệu quả sẽ mang lại những tác động tích cực ngay lập tức đến mức độ tham gia của trẻ.



Ví dụ:

Hạnh nói tiếng Ba Na ở nhà và học Tiếng Việt ở trường. Trẻ đã có thể nói được một vài từ Tiếng Việt.

Hôm nay, Hạnh chơi ở góc bán hàng. Cô giáo đi tới quầy hàng và hỏi: “Chúc một ngày tốt lành, cô Hạnh, hôm nay cô đang bán gì vậy?” Hạnh trả lời: “**Xoài**”. Cô giáo nói: “Ah, cô Hạnh đang bán **quả xoài**. Con của tôi cũng rất thích ăn quả xoài. Bao nhiêu tiền một ký **xoài** vậy?” (Giáo viên cần chắc chắn rằng trẻ phát âm từ xoài một cách chính xác và rõ ràng). “Tôi nên mua gì thêm cho bữa tối nhỉ?”.



2. Làm thế nào để cung cấp những hỗ trợ trọng tâm thông qua tương tác?

Trong bảng dưới đây, bạn sẽ tìm thấy một vài điểm cần lưu ý và các gợi ý để áp dụng. Bạn cũng có thể sử dụng bảng dưới đây như một bảng kiểm của môi trường học tập tích cực, an toàn và phong phú.

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
a. Tôi chú ý đến những gì trẻ làm, trẻ nói hoặc muốn nói. Tôi đáp lại bằng việc đưa ngôn ngữ vào. (Ví dụ: tôi cùng chơi với trẻ, tôi làm theo những gì trẻ đang làm, tôi để trẻ chủ động trong hoạt động. Tôi mô tả những gì trẻ làm bằng lời nói. Tôi bắt đầu trò chuyện với trẻ.)			
b. Tôi điều chỉnh ngôn ngữ của mình:			
- Tôi nói chuyện rõ ràng, không sử dụng cách nói của trẻ con. (Ví dụ: khi nói về xe, tôi dùng từ xe, không dùng từ Bíp bíp).			
- Tôi nói chuyện với tốc độ bình thường, không nói nhanh.			
- Tôi sử dụng câu ngắn và đúng ngữ pháp, không ngắn như kiểu dùng để nhắn tin (Ví dụ: tôi nói "Tôi không thích đường", tôi không nói "không thích").			
- Tôi nhấn mạnh từ quan trọng trong câu (nội dung cần truyền tải) (Ví dụ: "con muốn uống nước hay sữa ?").			
- Tôi sử dụng trực quan (cử chỉ, hình ảnh, vật dụng, biểu cảm gương mặt...)			
- Tôi mô tả bằng ngôn ngữ điều mà trẻ đang làm. (Ví dụ: "Phúc đang xây dựng một tòa nhà thật là cao. Trẻ đang bang khoản không biết có nên đặt thêm một khối hộp nữa hay không?Ồ, Phúc, hãy cẩn thận. Đừng làm rung tòa nhà!")			
- Tôi mô tả những gì tôi đang làm (Ví dụ: "Cô lấy cái kéo ra. Đây là cái kéo. Cô cắt quả táo từ trang giấy này ra.")			
- Tôi đưa ra từng hướng dẫn một, không phải hàng loạt các hướng dẫn cùng lúc. Khi trẻ hiểu ngôn ngữ tốt hơn, tôi có thể đưa ra những hướng dẫn phức tạp hơn.			
- Tôi nói lại những gì mình muốn nói bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa. Tôi lặp lại nhiều lần để giúp chuyển vốn từ vựng mới từ nhớ ngắn hạn sang nhớ dài hạn.			
- Tôi có thể sử dụng từ ngữ trẻ dùng theo ngôn ngữ mẹ đẻ. Tôi nhờ cha mẹ trẻ hướng dẫn thêm. Khi gặp từ ngữ có thể nói bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ, tôi sẽ lặp lại từ đó bằng ngôn ngữ đó.			
- Tôi cố tình đưa thêm các từ vựng mới, bao gồm cả một số từ vựng trừu tượng hơn.			

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
c. Bằng biểu cảm gương mặt, ánh mắt và cử chỉ, tôi cho trẻ biết tôi quan tâm đến những đóng góp của trẻ, đến điều trẻ nói và làm, ngay cả khi tôi thấy những gì trẻ đang nói rất khó hiểu. Trẻ sẽ cảm thấy có động lực giao tiếp và tìm cách diễn đạt lại.			
d. Phản hồi của tôi tập trung chủ yếu vào nội dung trẻ nói không phải cách trẻ nói (lỗi sai).			
e. Tôi xem xét trẻ có hiểu ngôn ngữ tôi muốn đưa vào hay không.			
f. Tôi chú ý đến bất kỳ phản ứng nào của trẻ.			
g. Tôi đánh giá xem mình có hiểu đúng những gì trẻ đang cố gắng bày tỏ hay không.			
h. Tôi liên hệ “từ ngữ mới” đến các kinh nghiệm trẻ đã có hoặc với ngôn ngữ mà trẻ đã biết. Tôi cố gắng khơi gợi những kinh nghiệm và ngôn ngữ này bằng cách nói chuyện hoặc sử dụng trực quan.			
i. Tôi hỏi những câu hỏi mở và câu hỏi kích thích tư duy. Đôi khi, tôi trả lời các câu hỏi của trẻ bằng việc hỏi thêm một số câu hỏi khác để kích thích trẻ suy nghĩ.			
j. Tôi giúp trẻ thể hiện mình, thể hiện những điều trẻ đang nghĩ và đang làm bằng lời nói.			
k. Tôi thúc đẩy sự tương tác giữa trẻ với trẻ, không bằng lời nói. Tôi tổ chức làm việc nhóm để tăng cường sự tương tác có ý nghĩa. (Ví dụ: 4 trẻ cùng xây 1 cái nhà. Ngôi nhà cần phải có một cửa ra vào và 2 cửa sổ.).			
l. Tôi tương tác với từng cá nhân trẻ hoặc trong nhóm nhỏ bất cứ khi nào có thể.			
m. Tôi chú ý đến sự tương tác giữa trẻ với trẻ, khuyến khích và tác động khi cần (Ví dụ: tôi thấy hai trẻ đang chơi trong góc bán hàng. Một trẻ (tên là Phúc) lấy từ trong hộp ra vài quả cà chua và đưa cho bạn kia thấy (tên là Yến) - là chủ cửa hàng. Tôi nói: “Anh Phúc muốn mua cà chua à. Anh Phúc phải trả bao nhiêu tiền đây cô Yến nhỉ?)			
n. Tôi kích thích trẻ phản ứng/tương tác bằng việc cố ý tạo lỗi, (Ví dụ: tôi lấy giỏ đội lên đầu và nói: “Mũ đẹp quá! Mình thích cái mũ này lắm. Trông mình đội cái mũ này có xinh không?”) hoặc nói ngược lại (Ví dụ: Chúng tôi đang trò chuyện về thời tiết. Đó là một ngày trời rất nóng. Tôi lấy một cái áo lạnh ra và nói: “Ồ hôm nay trời lạnh quá. Cô thấy rất lạnh. Để cô mặc áo khoác vào nhé. Và cả khăn, mũ nữa.”).			
o Tôi chơi và làm việc cùng trẻ. Tôi tham gia vào hoạt động của trẻ và sử dụng cơ hội này để phát triển ngôn ngữ liên quan cho trẻ vào những thời điểm thích hợp.			

Là giáo viên...	Tôi làm việc này		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
p. Tôi điều chỉnh ngôn ngữ đầu ra của trẻ một cách gián tiếp qua phản ứng của tôi về những gì trẻ nói.			
q. Tôi diễn tả những gì trẻ chưa nói. (Ví dụ: Tôi thấy Phúc đang chọn cà chua ở góc bán hàng. Tôi nói: “Phúc ơi, con muốn mua cà chua à?”, và “Phúc ơi, con muốn mua bao nhiêu cà chua?”).			
r. Tôi lặp lại những gì trẻ nói theo cách đúng hơn. Tôi làm mẫu. (Ví dụ: trẻ: “Chó ăn”. Tôi nói: “Đúng rồi, con chó đang ăn.”).			
s. Tôi nhắc lại lời trẻ nói và mở rộng, có nghĩa là tôi phát triển thêm ý và đưa thêm ngôn ngữ vào (Ví dụ: trẻ nói: “chó ăn”. Tôi nói: “Đúng rồi, con chó đang ăn cục xương” (mở rộng) hoặc “con chó đang ăn vì nó đói bụng.” (câu phức tạp hơn)).			
t. Tôi quan sát và tương tác với trẻ để biết được sự tiến bộ của trẻ về ngôn ngữ (đánh giá liên tục một cách không chính thức).			
u. Tôi làm thêm các đồ dùng học tập ngôn ngữ, ví dụ sách hoặc poster, các bảng lựa chọn, lịch...trong lớp học.			
v. Tôi kích thích phân tích và suy luận (so sánh, dự đoán, giải quyết vấn đề, suy ngẫm) (Ví dụ: “Cô không biết tòa nhà nào cao nhất. Làm thế nào để chúng ta biết?” hoặc “Theo các con, điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đặt thêm một khối hộp nữa lên đỉnh tòa nhà cao này?” hoặc “Tại sao bài tập này lại khó vậy nhỉ?”.)			
w. Tôi thách thức trẻ mô tả một hành động hoặc một quá trình (Ví dụ: Làm thế nào mà con tìm ra được cách này vậy Phương?)			
x. Tôi tạo các cơ hội để trẻ kể hoặc kể lại câu chuyện bằng cách sử dụng kịch, tranh ảnh, bảng vẽ, các loại thẻ...			



Nhiệm vụ:

Một môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong lớp học của tôi.

1. Sử dụng các phần 4.1 – 4.3 như một bảng kiểm
2. Những điểm nào bạn đã áp dụng rồi?
3. Những điểm nào bạn chưa từng làm/ áp dụng?
4. Những điểm nào mà bạn nghĩ sẽ thử áp dụng trong những tuần tới?

4.4. Áp dụng môi trường học tập giàu ngôn ngữ

Trong phần này, chúng ta sẽ cùng phân tích các tình huống và các hoạt động cụ thể để áp dụng kiến thức và hiểu biết về phát triển ngôn ngữ cũng như làm thế nào để tạo môi trường giàu ngôn ngữ.



Nhiệm vụ:

Các kỹ năng ngôn ngữ của trẻ

Trong lớp trẻ nói:

Bạn Ly: Cô ơi, cái kéo?

Bạn Duy: Cô ơi, muốn cắt giấy. Con....? (diễn tả hành động cắt bằng cách sử dụng hai ngón tay tạo thành chiếc kéo)



Câu hỏi:

1. Trẻ nào có ở giai đoạn phát triển ngôn ngữ cao hơn? Duy hay Ly?
2. Tại sao?
3. Là giáo viên, bạn sẽ phản ứng lại tình huống này như thế nào?



Nhiệm vụ:

Hỗ trợ ngôn ngữ cho trẻ (vòng tròn 3)

Tình huống 1:

Châu: "Vẽ xe"

Giáo viên: "Ồ, con vẽ xe đẹp quá"

Tình huống 2:

Châu: "Vẽ xe"

Giáo viên: "Không phải. Con đang vẽ xe."

Tình huống 3:

Châu: "Vẽ xe"

Giáo viên: "Ồ, con vẽ xe đẹp quá. Xe của ai vậy con?"

Tình huống 4:

Châu: "Vẽ xe"

Giáo viên: "Đúng rồi. Con đang vẽ xe."

Câu hỏi:

1. Cách tương tác hỗ trợ ngôn ngữ nào bạn thích nhất?
2. Tại sao?



**Nhiệm vụ:**

Cơ hội để tiếp thu ngôn ngữ

Tình huống 1:

Cô giáo mang một hộp nhạc cụ đến tiết học nhạc ở lớp. Cô giáo lấy các nhạc cụ khỏi hộp, giới thiệu tên gọi từng loại nhạc cụ và cách chơi các loại nhạc cụ đó với trẻ. Sau đó trẻ có thể thử chơi với các nhạc cụ.

Tình huống 2:

Trong bữa sáng, bữa trưa hoặc bữa xế trẻ được phép nói chuyện. Trẻ có thể nói về bất kỳ chủ đề nào. Giáo viên cũng ngồi ăn và trò chuyện cùng với trẻ.

Tình huống 3:

Trẻ đang vẽ. Giáo viên hỏi xem trẻ đang vẽ cái gì. Giáo viên đề nghị trẻ kể một “câu chuyện” về những gì trẻ đang vẽ.

**Câu hỏi:**

1. Tình huống nào tạo cơ hội tốt nhất để trẻ tiếp thu ngôn ngữ?
2. Tại sao?
3. Làm thế nào để làm phong phú hoặc thay đổi các tình huống để tạo cơ hội tốt cho trẻ tiếp thu ngôn ngữ?

**Nhiệm vụ:**

Từ vựng để tiếp thu ngôn ngữ

Trẻ em – đi – cặp – giày – cắt – tên –
như là - ngồi – đất nện – bàn – lớn nhất
– nước ngọt - ăn

Câu hỏi:

1. Những từ nào mà trẻ có thể học đầu tiên tại trường?
2. Tại sao?





Đáp án:

1. **Kỹ năng ngôn ngữ của trẻ:** Duy có các kỹ năng ngôn ngữ tốt nhất. Duy hiểu cái kéo là đồ vật gì. Duy chỉ không biết tên gọi/từ vựng cho đồ vật ấy. Nhưng trẻ có thể mô tả ý nghĩa (cắt, hành động, giầy). Ly có thể có khái niệm về đồ vật, nhưng Ly không biết chắc chắn.
2. **Hỗ trợ ngôn ngữ cho trẻ:** Hồ trợ ngôn ngữ tốt nhất là trong tình huống 3, sau đó là tình huống 1, rồi đến tình huống số 4. Trong tình huống số 2 giáo viên đã sửa lỗi giúp cho trẻ và tạo một môi trường không an toàn cho trẻ.
- Tình huống 3: Giáo viên sửa lỗi sai cho trẻ; mở rộng thêm bằng cách thêm từ "đẹp"; Có sử dụng một câu hỏi mở; kích thích phần ứng của trẻ và cung cấp thêm các cơ hội tương tác ngôn ngữ. (Giáo viên sửa lỗi có nghĩa là giáo viên sẽ cung cấp các đoạn/câu đúng ngữ nghĩa cho trẻ như một phần tương tác bình thường trong đoàn hội thoại với trẻ. Giáo viên sẽ không nói: "Điều này là sai, điều kia là đúng")
- Tình huống 1: Giáo viên sửa lỗi sai cho trẻ và mở rộng thêm đoàn hội thoại.
- Tình huống 4: Giáo viên sửa lỗi
- Tình huống 2: Chỉ giáo viên sửa lỗi -> môi trường không an toàn
- (Ví dụ này sẽ được phân tích rõ hơn trong phần dưới đây).
3. **Cơ hội học tập có ý nghĩa:** tình huống số 2
- Tình huống 2: đề trong tình huống này hoàn toàn mở, dẫn dắt theo sở thích và trẻ chủ động. Giáo viên cùng tham gia giờ ăn với trẻ tạo một mối quan hệ gần gũi và một cảm giác an toàn cho trẻ. Giáo viên có thể kích thích ngôn ngữ hoặc mở rộng ngôn ngữ dựa trên tình huống bắt đầu bởi trẻ và giáo viên cũng có thể khuyến khích thêm. Trẻ đang học mà không biết điều đó.
- Tình huống 3: Trẻ được khuyến khích nói thông qua việc giáo viên sử dụng các câu hỏi. Điều này giúp giáo viên có thể hiểu được nội dung của bức tranh (điều này không phải lúc nào cũng dễ dàng). Trẻ nói dựa trên kinh nghiệm của trẻ. Trẻ thể hiện bản thân mà không có cảm giác rằng đây là một bài học ngôn ngữ. Khi giáo viên viết lại những lời trẻ nói (bằng ngôn ngữ chính xác) trẻ sẽ có cảm giác được đánh giá cao và được ghi nhận. Điều đó khiến trẻ cảm thấy quan trọng.
- Tình huống 1: Cô giáo chỉ đảo và thực hiện mới việc; trẻ không có cơ hội trải nghiệm. Để xuất thay đổi: Để trẻ lấy các đồ vật ra khỏi chiếc hộp, giáo viên hỏi các câu hỏi, sau đó giáo viên có thể đưa ra các từ vựng đúng.
4. **Các từ vựng cho tiếp thu ngôn ngữ:** Nhưng từ đầu tiên: trẻ, giày, cát, đất nặn, ăn. Tại sao? Trẻ nghe những từ này nhiều nhất: "Cởi giày ra", "tất cả các con có thể đi ăn trưa", "chúng ta có thể chơi với đất nặn", "chiếc kéo",... (Lưu ý: câu trả lời có thể được điều chỉnh dựa trên tình huống ở trường học. Nhưng từ vựng mà trẻ học nhanh nhất là những từ vựng mà được sử dụng thường xuyên nhất.

Khi áp dụng môi trường giàu ngôn ngữ, chúng ta cần lưu ý:

1. Ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là việc biết các từ vựng, nó còn nhiều hơn thế. Sử dụng ngôn ngữ là khả năng trẻ có thể giải thích, mô tả, và thể hiện chính mình. Giáo viên cần tập trung vào nội dung của thông điệp mà trẻ muốn chia sẻ, chứ không chỉ là cách trẻ nói điều đó.
2. Trẻ học ngôn ngữ tốt nhất trong các tương tác và trong các tình huống có ý nghĩa. Các tình huống càng tự nhiên (ví dụ: trong giờ ăn trưa) thì trẻ sẽ học ngôn ngữ nhiều hơn. Trẻ có thể học từ vựng cũng như các khái niệm nhanh hơn khi những từ vựng và khái niệm đó được lặp lại thường xuyên (ví dụ: các từng vựng trong các hoạt động thường nhật trong lớp học).
3. Mỗi cụm từ, câu trả lời, hay nỗ lực giao tiếp của trẻ sẽ tạo ra một cơ hội mới cho giáo viên để tiếp tục hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ.



Ví dụ:

Trẻ nói: “Con vẽ xe hơi”

Giáo viên có thể:

Trả lời	Giáo viên đã làm gì?	Tại sao điều này lại hữu ích?
“Con đã vẽ một chiếc xe hơi”	Nhắc lại hoặc điều chỉnh điều mà trẻ cố gắng nói.	Bằng cách này giáo viên sẽ đưa ra một mẫu câu đúng (đây là cách chúng ta thường gọi là “gián tiếp sửa lỗi”) và kiểm tra lại xem mình có hiểu nội dung trẻ nói một cách chính xác hay không.
“Con đã vẽ một chiếc xe thật đẹp”	Tương tự như trên và mở rộng nội dung trẻ đã nói	Bằng cách này giáo viên sẽ cung cấp cho trẻ những từ vựng hoặc cụm từ
“Con đã vẽ một chiếc xe hơi đẹp. Chiếc xe này của ai vậy?”	Tương tự như trên và bổ sung thêm một câu hỏi	Bằng cách này giáo viên kích thích phản ứng từ trẻ và tạo thêm cơ hội mới để tương tác với trẻ.

Chương 5: Các kỹ năng nâng cao nhằm tạo các tương tác giàu ngôn ngữ



Mục tiêu của chương này là:

- Giới thiệu các kỹ năng nâng cao nhằm tạo các tương tác giàu ngôn ngữ
- Đưa ra những hướng dẫn cụ thể làm thế nào để tạo các tương tác vui và giàu ngôn ngữ thông qua việc giới thiệu:
 - + Các kỹ thuật mà giáo viên có thể áp dụng trong các góc chơi
 - + Các cách đặt câu hỏi ở những dạng khác nhau
 - + Phương pháp sử dụng sách truyện
- Giúp bạn áp dụng và suy ngẫm trong môi trường lớp học của mình
- Đưa ra các tình huống cụ thể mà bạn có thể áp dụng môi trường học tập giàu ngôn ngữ

Trong phần này chúng ta sẽ cùng nhìn cụ thể đến những phương pháp để tạo môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong lớp học.

5.1. Giới thiệu: Vai trò của giáo viên

Trong môi trường học tập chất lượng, giáo viên thực hiện bốn vai trò chính: Giáo viên là người lập kế hoạch, là người quan sát, là người tổ chức, và là người ghi chép lại quá trình học tập của trẻ. Đối với từng vai trò này, giáo viên có nhiều cơ hội hỗ trợ học tập ngôn ngữ cho trẻ.

Các vai trò khác nhau của giáo viên trong lớp học:

1. Giáo viên là người lập kế hoạch:

Giáo viên **lên kế hoạch** và **chuẩn bị** giáo án. Bằng cách này, giáo viên kết hợp nhiều mục tiêu và áp dụng các điểm hành động trong lớp học. **Giáo viên tích cực tìm kiếm các cơ hội học tập ngôn ngữ và chuẩn bị các từ vựng mới, các cụm từ và các câu hỏi có liên quan và có ý nghĩa.**

2. Giáo viên là người quan sát:

Giáo viên **quan sát** mức độ tham gia và cảm giác thoải mái của trẻ. Giáo viên xác định sở thích và nhu cầu của trẻ cũng như đưa ra những phản hồi có ý nghĩa cho quá trình học tập của trẻ. **Trẻ sẽ học ngôn ngữ tốt hơn trong những lĩnh vực gây hứng thú, có liên quan và có ý nghĩa với trẻ.**

3. Giáo viên là người tổ chức:

Giáo viên **tổ chức** quá trình học tập. Giáo viên tạo môi trường học tập an toàn, hỗ trợ những sáng kiến của trẻ, và tạo các cơ hội nói chuyện và tương tác với trẻ. **Thông qua các tương tác đó, trẻ học được ngôn ngữ. Giáo viên phản hồi lại những điều trẻ nói và làm, thông qua tương tác nhằm cung cấp hỗ trợ ngôn ngữ và kích thích sự tương tác hơn nữa.**

4. Giáo viên là người ghi chép:

Giáo viên **ghi chép** lại quá trình học tập của trẻ. Đây không chỉ đơn thuần cách đánh giá trẻ, mà nó còn là quá trình thảo luận và đánh giá tiến trình học tập của trẻ sau hoặc thậm chí đang tổ chức một hoạt động. Việc ghi chép lại các hoạt động học này có thể được chia sẻ và thảo luận với giáo viên để cùng học tập.



Ví dụ:
 Minh nói: “Đi chợ. Nóng”. Giáo viên viết lại:
 “Hôm nay chúng ta đã cùng nhau đi chợ.
 Thời tiết hôm nay rất nóng”.



Ví dụ:
 Hoạt động được diễn ra như thế nào? Mỗi trẻ sẽ cùng tham gia đánh giá lại xem mình đã trải qua ngày học hôm đó như thế nào.

	Hôm nay mình đã làm tốt nhất có thể! Mình cũng không cần nhiều trợ giúp.
	Hôm nay, mình đã cần một số trợ giúp.
	Hôm nay mình đã cần rất nhiều trợ giúp! Nhưng mình sẽ cố thử làm lại lần nữa!



Ví dụ:
 Sau khi làm một thí nghiệm về đồ vật nào nổi, đồ vật nào chìm, giáo viên và trẻ cùng làm việc cùng nhau để suy ngẫm lại kết quả của thí nghiệm đó.

Nổi hay Chìm

Tên của đồ vật	Nổi	Chìm
đồng xu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
bút chì	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
quả bóng/ quả banh	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
que gỗ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
bút chì màu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
dây chun cao su	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>



Ví dụ:

Sau một chuyến thăm đến một trang trại, giáo viên và trẻ cùng kể lại các hoạt động diễn ra trong ngày. Giáo viên sử dụng điện thoại để chụp hình hoặc vẽ lại từng bước cô và trò đã trải qua: đi bộ đến trang trại, cùng ngắm các con vật, cùng cho chú lợn ăn, cùng cắt cỏ...

5.2. Chính kỹ thuật tạo sự phong phú tại góc chơi

Khi trẻ đang chơi tại các góc, hầu hết giáo viên ưu tiên thời gian của mình để tập trung quán xuyên lớp học thông qua việc đảm bảo mọi trẻ biết tìm đến góc chơi của mình cũng như hiểu các hướng dẫn của giáo viên. Đây là một vai trò của giáo viên, tuy nhiên những sự tập trung đó không đem lại nhiều cơ hội học tập vui cho trẻ. Khi giáo viên dành **nhều thời gian hơn** tại một góc chơi, giáo viên có thể tương tác nhiều hơn với trẻ cũng như đưa thêm nhiều hỗ trợ hơn cho việc học của trẻ.

Có một vài kỹ thuật mà giáo viên có thể áp dụng trong lớp học. Mỗi một kỹ thuật dưới đây sẽ đưa ra những cơ hội học tập để kích thích ngôn ngữ và tương tác. Một vài kỹ thuật sẽ do giáo viên làm chủ trong khi một vài kỹ thuật khác trẻ có cơ hội chủ động hơn. Đôi khi giáo viên có thể kết hợp áp dụng nhiều kỹ thuật cùng một lúc, tuy nhiên giáo viên nên tập trung áp dụng chỉ một kỹ thuật vào một thời điểm. Điều quan trọng là cần phải dành đủ thời gian ở mỗi góc chơi.

Quan sát và giúp xây dựng góc chơi

Thông qua những cuộc trò chuyện ngắn với trẻ lúc bắt đầu, bạn có thể phân vai cho trẻ và hướng dẫn trẻ biết chi tiết với vai trò đó trẻ sẽ làm gì, cần những vật dụng nào và điều gì sẽ diễn ra.

Sau đó bạn sẽ lui lại để trẻ chơi và bắt đầu quan sát. Bạn không tham gia vào hoạt động chơi nhưng sẽ quan sát những gì đang diễn ra. Bạn có thể mô tả bằng từ ngữ những gì bạn thấy đang diễn ra. Thông qua việc quan sát, bạn có thể thu thập thông tin để sử dụng sau này (ví dụ: sở thích của trẻ, đồ dùng yêu thích, cấp độ và nội dung góc chơi,...)



Ví dụ:

Bạn đến góc chơi đi chợ và hỏi: “Bạn nào bán trái cây vậy? Bạn nào bán cá vậy? Ai sẽ đi chợ và mua đồ? Các con sẽ làm gì? Các con cần mang theo gì? Mình đi chợ như thế nào nhỉ?” Rồi bạn để trẻ chơi với nhau và quan sát trẻ tham gia như thế nào, bạn mô tả điều bạn thấy “À, mẹ đang mua cà chua và đậu ở chợ này”.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua một quyển truyện đã được đọc

Tạo ra một góc mà trẻ có thể đóng vai trong câu chuyện đã được đọc trước đó. Trẻ có thể chơi ở góc xây dựng, góc gia đình,... phụ thuộc vào nội dung của truyện. Bạn có thể lựa chọn để sử dụng các chi tiết trong truyện ở các góc khác nhau. Hãy cung cấp cho trẻ các vật dụng cần thiết hoặc để trẻ tự thu thập và làm vật dụng cho câu chuyện.



Ví dụ:

Bạn đưa trẻ quyển truyện có tựa đề “Con vịt của Jules”, với một vài con vịt đồ chơi nhỏ, một chiếc áo thun có hình con vịt ở mặt sau áo.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua việc đóng vai

Bạn tự chọn và đóng một vai, sử dụng các vật dụng hỗ trợ. Thông qua việc đóng vai, bạn sẽ cho trẻ biết vai mà bạn đóng ở ngoài đời thật diễn ra như thế nào.



Ví dụ:

Bạn đóng vai người mua hàng ở chợ: “Tôi là một ông bố. Hôm nay tôi muốn nấu món ăn yêu thích cho hai đứa con của tôi.” Bạn quay sang hỏi hai đứa trẻ chúng muốn ăn món gì. Rồi quyết định món sẽ nấu. Đi cùng với trẻ đến góc chợ và đóng vai khách hàng. “Chào chị! Hôm nay tôi muốn nấu món này cho con của tôi. Tôi cần phải mua gì chị nhỉ? Nấu món này thì cần những nguyên liệu gì? Giá bao nhiêu hả chị?” (đây là một số câu hỏi bạn có thể thảo luận với trẻ (các trẻ đóng vai con của bạn và các trẻ đóng vai người bán hàng ở chợ).



Ví dụ:

Bạn đóng vai mẹ của chú gấu bị ốm. “Bác sĩ ơi, giúp tôi với. Con gái của tôi bị ốm. Nó ho và còn bị sốt nữa”.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ bằng cách đưa ra vấn đề cần giải quyết

Bạn đóng vai trong trò chơi của trẻ và đưa ra một vấn đề/ tình huống cần giải quyết. Điều này sẽ giúp thêm ý tưởng cho trò chơi và là cơ hội để trẻ nói nhiều hơn.



Ví dụ:

Ở góc chợ, bạn đi đến người bán giày và hỏi: Tôi muốn mua giày cho con trai tôi, nhưng nếu giày không vừa thì tôi phải làm như thế nào?”



Ví dụ:

Tại góc chợ, bạn đi đến góc bán giày và nói: “Ồ không, đôi giày này chỉ có hai chiếc giày phải, cô không thể mua đôi giày này để đi được. Chúng ta phải làm gì bây giờ?”

Chơi cùng trẻ

Bạn tham gia chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Bạn chỉ hỗ trợ và giúp trẻ tương tác với bạn hoặc giữa các trẻ với nhau.



Ví dụ:

Bạn tham gia vào một hoạt động tại góc xây dựng. Bạn nói: “Các con xem bạn Ly đang làm gì này. Có vẻ như đây là một ý tưởng rất là tốt để xây một tòa tháp lớn hơn, các con nghĩ sao?”

Thì thầm một vài ý tưởng với trẻ

Bạn chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Thỉnh thoảng, bạn thì thầm vào tai của một trẻ và cho trẻ biết trẻ nên nói hoặc làm gì.



Ví dụ:

Bạn chơi cùng trẻ tại góc chợ. Bạn thì thầm vào tai của người bán trái cây: “giờ con có thể nói là: ‘Chào chị, chị cần mua gì?’”



Ví dụ:

Bạn chơi cùng trẻ tại góc bác sĩ. Bạn thì thầm vào tai bác sĩ: “con có thể hỏi: ‘chị có đau ở đâu không? Có bị buồn nôn không?’”

Quản lý/ điều hành

Bạn không chơi cùng trẻ nhưng theo dõi những gì đang diễn ra ở góc. Bạn cho lời khuyên, khuyến nghị và dẫn dắt.



Ví dụ:

“Mấy khối gạch để xây nhà cô để trong hộp kia”.

Đánh giá và rút kinh nghiệm cùng trẻ

Bạn thảo luận với một số trẻ hoặc cả lớp về trò chơi vừa rồi. Bạn khuyến khích trẻ mô tả trẻ đã làm gì, bạn bổ sung thành các đoạn hoàn chỉnh cho câu trả lời của trẻ. Điều này sẽ thúc đẩy các trẻ khác vào các lần kế tiếp.



Ví dụ:

“Các con có nhớ người bán giày đã nói gì khi các con hỏi phải làm gì khi giày không vừa không?”

Cùng nhau tài liệu hóa và ghi chép

Sau khi chơi xong bạn ngồi lại với một vài trẻ để “lưu giữ” một số trải nghiệm, khám phá, kết luận hoặc đồng thuận.



Ví dụ:

Sau khi chơi xong bạn ngồi lại với một vài trẻ để “lưu giữ” một số trải nghiệm, khám phá, kết luận hoặc đồng thuận.



Ví dụ:

“Vật nào chúng ta chưa nghĩ ra nhỉ? Cô trò mình cùng viết ra những gì chúng ta phải nghĩ cho lần tới nào.”

(Nguồn tài liệu: ‘De Activiteit’, Landelijk centrum voor ontwikkelingsgericht onderwijs, Nederland’).



Nhiệm vụ:

Bạn hãy tìm các ví dụ khác cho từng kỹ thuật nêu trên? Hãy mô tả hoàn cảnh đó và giải thích tại sao bạn nghĩ ví dụ bạn đưa ra là cho kỹ thuật mà bạn chọn?



Nhiệm vụ:

Tạo một bản copy của 9 kỹ thuật ở góc chơi. Cắt rời nội dung của từng kỹ thuật (giữ tên của từng kỹ thuật cùng với phần mô tả cùng nhau) và cắt rời các ví dụ của từng kỹ thuật riêng biệt nhau. Hãy đề nghị đồng nghiệp của mình sắp xếp các thẻ này để các ví dụ phù hợp với tên của kỹ thuật và phần mô tả của kỹ thuật đó.



Nhiệm vụ:

Thời gian để thực hành.

Trong những tuần tới, hãy thử áp dụng một kỹ thuật khác mỗi khi đến giờ chơi tại các góc. Hãy nhớ rằng, trước hết là vai trò quản lý/ điều hành: đảm bảo rằng tất cả các trẻ đều hiểu rõ nhiệm vụ và đã tham gia vào hoạt động tại góc chơi của mình. Sau đó giáo viên lựa chọn một góc và dành thời gian tại góc chơi đó để áp dụng một kỹ thuật cụ thể.

1. Bạn lựa chọn kỹ thuật nào? Tại sao?
2. Bạn lựa chọn góc chơi nào? Tại sao?
3. Bạn học được điều gì?
4. Bạn sẽ làm điều gì khác trong lần tiếp theo?

5.3. Đặt câu hỏi



Nhiệm vụ:

Hãy liệt kê 5 câu hỏi mà bạn đã hỏi trẻ trong lớp học của mình hôm nay hoặc trong một vài ngày trước

1. Giới thiệu

Chúng ta có nhiều cách khác nhau để đặt các câu hỏi với trẻ.

Các câu hỏi có thể được chia thành:

- a. Các câu hỏi đóng là các câu hỏi mà câu trả lời chỉ đơn giản là “có” hoặc “không”, hoặc với các câu trả lời chỉ với một từ.

Ví dụ: Con có đói không? Màu này là màu gì?

Các câu hỏi đóng không kích thích tư duy và tương tác. Sự tư duy, giao tiếp và ngôn ngữ sẽ kết thúc ngay sau khi trẻ đưa ra câu trả lời.

Tuy nhiên các câu hỏi đóng sẽ rất hữu ích để kiểm tra những điều trẻ đang cố gắng muốn nói. Ví dụ: Khi Lan nói “Đoi”. Bạn không hiểu trẻ nói gì. Lúc đó đã gần đến giờ ăn trưa và trẻ đưa tay lên bụng mình và nói “đoi” một lần nữa. Bạn nghĩ rằng trẻ đang đói. Bạn có thể hỏi lại: “Lan, con đang đói phải không?” Bằng việc sử dụng dạng câu hỏi có/ không này, bạn sẽ kiểm tra được xem mình có hiểu đúng ý của trẻ không và bạn có thể giúp trẻ phát âm chính xác từ trẻ nói sai.

Các câu hỏi đóng có thể là điểm xuất phát để tạo ra nhiều tương tác mở hoặc các thảo luận. Một vài trẻ sẽ nói có và một vài trẻ khác sẽ nói không, và bạn có thể xây dựng nên một đoạn hội thoại từ đó.

- b. Các câu hỏi mở là những câu hỏi yêu cầu tư duy nhiều hơn và các câu trả lời cũng phức tạp hơn là các câu trả lời chỉ có một từ.

Ví dụ: Con nghĩ như thế nào về sân chơi mới này? Hoặc tại sao trông con buồn vậy?

Các câu hỏi mở kích thích tư duy, giao tiếp và các tương tác. Nó tạo ra những cơ hội để phát triển ngôn ngữ và các tương tác có chất lượng.

Khi phân tích các câu hỏi mà chúng ta thường hỏi trẻ trong lớp, chúng ta thấy khá thường xuyên là:

- Chúng ta đã hỏi rất nhiều các câu hỏi đóng (Ví dụ: Con mệt phải không?) và rất ít những câu hỏi mở.
- Chúng tập trung vào các thông tin thực tế hoặc kiến thức (ví dụ: Đây là gì? Đây là màu gì?) hơn là việc tập trung vào các ý tưởng, ý kiến hay sự suy luận của trẻ.
- Chúng ta cung cấp rất ít thời gian cho trẻ suy nghĩ sau khi đưa ra câu hỏi. Trẻ không có đủ thời gian để suy nghĩ và tìm cách để trả lời.

Có một vài dạng câu hỏi có thể kích thích nhiều tương tác hơn so với các dạng câu hỏi khác. Tuy nhiên, mỗi dạng câu hỏi đều có mục đích sử dụng và lợi thế riêng. Giáo viên cần biết trong tình huống nào thì sử dụng dạng câu hỏi nào. Sẽ rất hữu ích nếu giáo viên sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau khi giao tiếp với trẻ.

Để hỗ trợ quá trình phát triển ngôn ngữ, một số điểm quan trọng cần lưu ý:

- Chúng cần hỏi nhiều dạng câu hỏi khác nhau, bao gồm cả các câu hỏi đóng và câu hỏi mở.
- Chúng ta cần hỏi những câu hỏi để kích thích tư duy, suy luận, và giải quyết vấn đề.
- Chúng ta cần hỏi những câu hỏi để thúc đẩy thêm sự tương tác.
- Chúng ta hỏi và cho trẻ đủ thời gian để trẻ suy nghĩ trả lời.
- Chúng ta kích thích các tình huống mà ở đó trẻ có thể hỏi các câu hỏi và có thời gian để trả lời lẫn nhau.

Việc sử dụng đúng câu hỏi không phải lúc nào cũng dễ dàng, nên việc **chuẩn bị** trước các câu hỏi là rất quan trọng và sau đó có thể hỏi thêm các câu hỏi khác tùy thuộc vào bối cảnh thực tế.

Dưới đây liệt kê 5 dạng câu hỏi khác nhau. Các dạng câu hỏi này được sắp xếp theo tiềm năng tương tác: Những dạng đầu tiên có thể dẫn đến những tương tác ngôn ngữ nhiều hơn những dạng câu hỏi sau.

2. Những câu hỏi về kinh nghiệm và trí tưởng tượng của trẻ

Đây hoàn toàn là các câu hỏi mở. Các câu hỏi này không có câu trả lời cố định. Câu trả lời không bao giờ là sai. Giáo viên nên sẵn sàng đón nhận bất kỳ câu trả lời nào của trẻ đưa ra. Các câu hỏi này nhằm kích thích sự tư duy của trẻ, xuất phát từ kinh nghiệm và trí tưởng tượng của trẻ. Dạng câu hỏi này thường đưa đến tương tác và đối thoại giữa giáo viên và trẻ, nhưng cũng bao gồm cả những tương tác giữa trẻ với nhau vì trẻ có thể đưa ra các câu trả lời hoàn toàn khác nhau.



Ví dụ:

"Nếu trong phòng con xuất hiện một con rắn, con sẽ làm gì?"



Ví dụ:

Một ngày tuyệt vời sẽ như thế nào? Con sẽ làm gì để khiến nó trở nên đặc biệt?



Ví dụ:

Nếu con muốn trồng một cây gì đó ở trong vườn, con sẽ trồng cây gì?



Ví dụ:

Con nghĩ gì về sân chơi mới?

3. Câu hỏi về sự đối lập

Đây là cách mà người nói (ở đây là giáo viên) nói theo cách ngược lại so với thực tế hoặc cố tình làm điều gì đó sai.



Ví dụ:

Vào một ngày thời tiết rất nóng, cô giáo nói: "Ahhh, hôm nay lạnh quá".



Ví dụ:

Tại góc xây dựng, các trẻ đang xây một tòa nhà rất cao. Bạn cho trẻ biết là bạn sẽ xếp thêm một khối hộp rất nặng ở trên đỉnh của tòa nhà.



Ví dụ:

"Sẽ không đáng sợ nếu trong phòng ngủ của con có một con rắn, có phải không?"

Điều này ngay lập tức kích thích phản ứng của trẻ, ngay kể cả đối với những trẻ rụt rè hoặc chưa có đủ vốn từ vựng để tự diễn đạt. Trẻ sẽ phản ứng một cách tự nhiên, phản ứng của trẻ có thể bằng ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ. Giáo viên có thể đọc được những biểu cảm phi ngôn ngữ của trẻ và sau đó diễn đạt lại bằng lời.



Ví dụ:

Vào một ngày thời tiết rất nóng, cô giáo nói: "Ahhh, hôm nay lạnh quá".

Minh nói to trong lớp: "Nóng!"

Giáo viên: "Con có chắc là ngày hôm nay nóng không?"

Minh gật đầu.

Giáo viên: "Minh nói rằng ngày hôm nay rất nóng. Các bạn khác nghĩ sao? Làm sao các con biết được điều đó?"

.....



Ví dụ:

Tại góc xây dựng, các trẻ đang xây một tòa nhà rất cao. Bạn cho trẻ biết là bạn sẽ xếp thêm một khối hộp rất nặng ở trên đỉnh của tòa nhà.

Tú và Ly (hét lên): “Đừng, cô ơi!”

Cô giáo: “Tại sao cô không nên đặt khối hộp này lên trên đỉnh của tòa nhà?”

Tú và Ly: “Không” (trong khi vừa nói vừa lắc đầu)

Cô giáo: “Oh, Các con không muốn cô xếp khối hộp này lên trên đỉnh của tòa nhà. Tại sao lại không vậy?”

Tú: “Đỡ”

Ly: (chỉ rằng tòa nhà sẽ đổ xuống)

Cô giáo: Các con thật là những kỹ sư tài năng. Nếu mà chúng ta đặt thêm khối hộp này trên đỉnh tòa nhà, tòa nhà sẽ đổ ngay”.

Ví dụ này cho thấy đối với những trẻ có hạn chế về khả năng diễn đạt bằng Tiếng Việt thì vẫn có thể tham gia vào các đoạn hội thoại có ý nghĩa nhằm kích thích phát triển tư duy của trẻ.

4. Tại sao và như thế nào

Các câu hỏi Tại sao và Như thế nào sẽ kích thích các câu trả lời và các câu dài hơn từ trẻ. Ngay cả khi một trẻ chỉ có thể trả lời một từ, giáo viên có xây dựng câu trả lời, biến nó thành một câu hoàn chỉnh.



Ví dụ:

Con rắn bắt con mồi như thế nào?

Giáo viên: “Con rắn sẽ bắt con mồi như thế nào?”

Ly: “nọc độc”

Giáo viên: “Đúng rồi, một vài loài rắn có nọc độc có thể giết con chuột.” “Làm thế nào mà nọc độc vào được con chuột? Có phải con rắn có một cái tiêm không?”

Ly: (dùng cử chỉ mô tả con rắn cắn con mồi)

Cô giáo: “Đúng rồi, con rắn cần phải cắn vào con mồi để bơm nọc độc vào con mồi”. “Không phải tất cả mọi loài rắn đều sử dụng nọc độc, nhưng phải hết sức cẩn thận khi chúng ta nhìn thấy rắn”.



Ví dụ:

Giáo viên: “Các con giúp cha mẹ cho gà ăn ở nhà như thế nào?”

Hạnh: “Vào buổi chiều, con lấy một ít hạt ngô và mang đến góc vườn. Những chú gà trong vườn sẽ chạy đến và ăn các hạt ngô đó...”

Giáo viên: “Vậy là con vớt các hạt ngô đó ở góc vườn. Mỗi lần cho gà ăn con đều đem bỏ các hạt ngô ở cùng một chỗ trong vườn ah?”

Hạnh: “Dạ, lúc nào cũng vậy ạ”

Giáo viên: “Tại sao con lại cho gà ăn ở cùng một chỗ?”

5. Câu hỏi đóng

- Các câu hỏi Có/không
- Ai/ Cái gì/ Ở đâu
- Hoặc cái này/ Hay cái kia



Ví dụ:

- Con rắn có thể bay không?
- Con rắn sống ở đâu?
- Con rắn ăn gì?
- Đây là cái gì?

Câu hỏi này thường thiên về kiểm tra kiến thức. Trẻ sẽ có ít cơ hội để có nhiều câu trả lời và thường thì câu trả lời chỉ là các câu trả lời ngắn (một từ vựng).

Tuy nhiên, các câu hỏi đóng có thể hữu ích để hỗ trợ ngôn ngữ trong những trường hợp mà trẻ không hoàn toàn tự tin với ngôn ngữ mới mà trẻ học ở trường.



Ví dụ:

Trẻ: Đói (Trẻ xoa bụng khi nói)

Cô giáo: Lan, con đang đói phải không?*

Trẻ: Dạ

Giáo viên: Còn bạn nào cũng đang đói bụng nữa không? Có lẽ đã đến giờ ăn trưa rồi đó.

*Giáo viên lặp lại những gì trẻ nói bằng ngôn ngữ đúng, chuẩn phát âm và đồng thời kiểm tra xem mình có chắc chắn hiểu ý trẻ hay không. Trẻ sẽ cảm thấy được cô ghi nhận ý kiến của mình và nhận được sự hỗ trợ của giáo viên trong cách dùng từ chính xác.

Các câu hỏi đóng có thể là điểm xuất phát để tạo ra nhiều tương tác mở hoặc các thảo luận. Một vài trẻ sẽ nói có và một vài trẻ khác sẽ nói không, và bạn có thể xây dựng nên một đoạn hội thoại từ đó.

6. Câu hỏi để xác định vị trí của sự vật



Ví dụ:

Con rắn nằm ở đâu trong bức tranh này?

Dạng câu hỏi này không kích thích tương tác bằng lời nói. Trẻ chỉ đơn thuần chỉ đến sự vật nào đó. Giáo viên đôi khi sử dụng kỹ thuật này để tìm hiểu xem trẻ có hiểu một số từ nhất định (ngôn ngữ thụ động hay tiếp thu ngôn ngữ).

Tuy nhiên, bằng việc tích hợp cùng những từ đó ở các dạng câu hỏi mang tính kích thích tư duy của trẻ hơn, giáo viên vẫn có thể nắm bắt được sự hiểu biết của trẻ.



Nhiệm vụ:

Bạn hãy tìm các ví dụ khác của từng dạng câu hỏi? Mức độ tương tác của các câu hỏi ví dụ của bạn ở mức nào?



Nhiệm vụ:

Hãy xem lại các ví dụ về 5 câu hỏi bạn đã đưa ra (các câu hỏi mà bạn đã hỏi trẻ trong lớp học của mình hôm nay hoặc trong một vài ngày trước)

1. Các câu hỏi mà bạn đã sử dụng thuộc dạng nào?
2. Làm thế nào để bạn có thể hỏi các câu hỏi có nhiều tiềm năng tương tác hơn?



Nhiệm vụ:

1. Chọn một chủ đề cho tuần/ tháng này
2. Chọn một bài học hoặc một hoạt động góc.
3. Thực hành tìm ra các câu hỏi hay cho bài học hoặc hoạt động góc đã lựa chọn.

5.4. Sử dụng sách và truyện trong một bối cảnh đa ngôn ngữ

Các câu chuyện thường khá trừu tượng. Trẻ khám phá một thế giới (hư cấu) không luôn luôn phản ánh thế giới thực tế của trẻ. Do đó, chúng ta cần giới thiệu thế giới đến với trẻ thông qua các cách khác nhau, ví dụ: thông qua việc tận dụng những lời dẫn dắt giới thiệu ban đầu (trước khi câu chuyện thực sự bắt đầu), thông qua việc kể và kể lại câu chuyện, dùng các hoạt động mở rộng.

Mục tiêu của việc sử dụng các loại sách nhằm mở rộng thế giới quan cũng như cho trẻ tiếp xúc với ngôn ngữ phong phú. Trẻ sẽ được tiếp xúc với các từ vựng mới (đôi khi trẻ đã biết những từ vựng này trong ngôn ngữ ở nhà của trẻ, tuy nhiên trẻ chưa biết chúng trong Tiếng Việt), và phát triển các kỹ năng nhận thức và giao tiếp.

Kể chuyện và sử dụng sách là một phương pháp tuyệt vời để tạo ra các cơ hội tương tác với trẻ. Sử dụng cuốn sách là một khởi đầu tốt để tập trung vào một chủ đề nào đó. Chúng ta có thể tập trung vào chủ đề của cuốn sách trong một hoặc hai tuần. Điều này có nghĩa là, trong các hoạt động của bạn, bao gồm cả các hoạt động góc, các vật liệu học được sử dụng trong lớp học cần phải liên kết với nội dung của cuốn sách mà bạn đang sử dụng.

Phần dưới đây sẽ giới thiệu làm thế nào để việc sử dụng sách hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ và tạo ra các tương tác giàu ngôn ngữ. Mỗi bước sẽ được minh họa bằng một ví dụ. Tất cả các bước hay các hoạt động không nhất thiết phải thực hiện và hoàn thành trong một ngày. Trong phụ lục 1 của cuốn tài liệu này, bạn có thể tìm thấy một ví dụ tham khảo khác.

1. Lựa chọn sách tranh

Hãy cố gắng tìm một cuốn sách đẹp, vui nhộn, thú vị và được điều chỉnh cho phù hợp với mức độ phát triển của trẻ.

- Có thể câu chuyện liên quan tới một chủ đề trong lớp của bạn?
- Có thể câu chuyện liên quan tới sở thích và kinh nghiệm của trẻ?
- Có thể câu chuyện liên quan tới thế giới hàng ngày xung quanh trẻ?
- Có thể trẻ mang một cuốn sách đến lớp?
- Có thể cuốn sách sẽ hấp dẫn óc hài hước hoặc trí tưởng tượng của trẻ?
- Có thể đó là một cuốn truyện? Tuy nhiên nó cũng có thể là một cuốn sách thực tế? Trong phần này, chúng tôi sẽ tập trung vào sách truyện.
- Hãy chắc chắn rằng bạn cũng rất thích cuốn truyện.

Khi bạn đã lựa chọn được cuốn truyện, bạn cần phải đọc lại cuốn truyện một cách cẩn thận và xác định nội dung của cuốn truyện là gì? **Nội dung cốt lõi** của cuốn truyện là gì? **Ý chính** là gì? Điều này đôi khi không dễ dàng. Thông thường, những nội dung cốt lõi của các cuốn truyện sẽ trừu tượng và mới mẻ đối với trẻ.



Ví dụ:

Tham khảo	Berebrouckx, A. (1998). De eend van Jules. Antwerpen: Uitgeverij Zwijsen Belgie Nv.
Nội dung câu chuyện	Jules là một cậu bé may mắn vì cậu mới có một chiếc áo phông mới. Chiếc áo phông có hình một chú vịt rất đẹp trên đó. Jules rất tự hào về điều đó. Hôm nay, cậu bé sẽ mặc chiếc áo mới đi học. Cậu mặc chiếc áo mới vào và không tìm thấy chú vịt nữa. Cậu bé tìm khắp mọi nơi, nhưng không thể tìm lại chú vịt.
Ý nghĩa	Ý nghĩa của cuốn sách không phải nói về chú vịt! Ý nghĩa cốt lõi của câu chuyện là về một thứ gì đó đã mất. Đó là về tìm kiếm và buồn như thế nào khi bạn mất đi thứ gì đó. Cuối cùng, cậu bé đi bộ đến trường, lòng rất buồn bã. Chúng ta có thể nhìn thấy chú vịt nằm sau lưng áo của Jules, nhưng Jules không hề biết điều đó.
Thể loại	Sách tranh và có bao gồm chữ
Trình độ	3 – 5 tuổi (cuốn sách phù hợp hơn với trẻ ở độ tuổi nhỏ)



(Nguồn: Berebrouckx, A. (1998). De eend van Jules. Antwerpen: Uitgeverij Zwijsen Belgie Nv.)

2. Hoạt động giới thiệu

Bạn sẽ tổ chức hoạt động này trước khi kể chuyện. Với hoạt động giới thiệu này, bạn dẫn dắt trẻ đến với nội dung chính của câu chuyện. Bạn có thể hỏi **những câu hỏi** đa dạng và từ đó giới thiệu và lặp lại những **từ ngữ** cụ thể một cách tự nhiên.



Ví dụ:

Loại hoạt động	Một trẻ biến mất dưới chiếc khăn lớn
Nhóm trẻ	5-6 trẻ
Vật liệu	Một chiếc khăn lớn
Quá trình	Sử dụng một chiếc khăn quàng hoặc một mảnh vải cỡ lớn để trùm lên một trẻ trong lớp. Giáo viên hỏi các trẻ khác xem bạn của mình đang ở đâu.
Từ vựng	Một số từ vựng có thể được giới thiệu theo một cách tự nhiên: Trốn – biến mất – đoán – đi – tìm – tìm lại - ở dưới
Gợi ý một số câu hỏi có thể sử dụng	Giáo viên có thể hỏi trẻ một số câu hỏi sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Ly ở đâu? Chuyện gì xảy ra với bạn Ly vậy?- Chúng ta có thể tìm ở đâu trong lớp?- Làm sao mà chúng ta không thấy bạn Ly nữa?- Chúng ta để mất bạn Ly rồi sao?- Có ai mất gì nữa không? Con mất gì? Con cảm thấy như thế nào?- Làm sao con tìm lại được ai đó?

3. Kể chuyện

Hãy đọc câu chuyện được viết trong sách. Cho trẻ xem hình ảnh. Đừng dừng lại hay đặt câu hỏi. Nếu cần, bạn có thể biến đổi ngôn ngữ trong sách để dễ hiểu hơn hoặc rút gọn câu. Nhưng điều này sẽ không cần thiết khi bạn đã chọn một cuốn sách phù hợp với lứa tuổi của trẻ. Trước tiên, bạn có thể kể câu chuyện này cho những trẻ có các kỹ năng về ngôn ngữ yếu hơn (1); sau đó tổ chức kể lại câu chuyện cho nhóm trẻ đó (2) và sau đó kể lại câu chuyện thêm một lần nữa cho tất cả trẻ ở nhiều trình độ khác nhau (3) (nhóm có kỹ năng ngôn ngữ tốt hơn và hạn chế hơn). Điều này sẽ giúp cho những trẻ có kỹ năng ngôn ngữ kém cảm thấy tự tin hơn để tham gia.



Ví dụ:

Loại hoạt động	Giáo viên kể chuyện
Nhóm	Hoạt động kể chuyện này có thể tổ chức cho cả nhóm lớn hoặc chỉ một nhóm 5 – 6 trẻ. Các trẻ khác trong lớp có thể chơi tự do hoặc tham gia vào các góc chơi khác mà trẻ có thể tự chơi.
Vật liệu	Cuốn sách
Quá trình	Giáo viên chỉ đọc nội dung của cuốn truyện được viết trong sách. Cho trẻ xem các bức tranh. Giáo viên không cần hỏi thêm trẻ các câu hỏi. Nếu cảm thấy cần thiết, bạn có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản hơn để kể chuyện hoặc giảm bớt chữ. Tuy nhiên, điều này là không cần thiết nếu bạn đã chọn được cuốn sách đúng độ tuổi của trẻ để tổ chức hoạt động này.

4. Kể lại câu chuyện

Hoạt động kể lại câu chuyện được tổ chức cho một nhóm nhỏ (khoảng 5 - 6 trẻ). Các trẻ khác có thể chơi tự do hoặc tại các góc mà trẻ có thể chơi độc lập tại các góc đó.

Dùng sách có hình ảnh hoặc các hình ảnh được lựa chọn từ trong sách.

Bạn có thể dùng từ ngữ của mình và điều chỉnh ngôn ngữ để phù hợp với trẻ. Đặt câu hỏi và tương tác với trẻ. Đây là lúc để tương tác! Lặp lại các từ khóa trong một ngữ cảnh tự nhiên. Khi bạn kể lại câu chuyện, trẻ sẽ tự tin hơn với câu chuyện. Việc kể lại câu chuyện nhiều hơn hai lần thì vẫn mang những tác động tích cực đến trẻ. Trẻ sẽ có thể bắt đầu tự chúng kể câu chuyện, kể cho nhau, chúng sẽ có thể vẽ lại câu chuyện hoặc đóng vai câu chuyện.



Ví dụ:

Loại hoạt động	Giáo viên kể lại câu chuyện
Nhóm trẻ	5-6 trẻ*. Các trẻ khác trong lớp có thể chơi tự do hoặc tham gia vào các góc chơi khác mà trẻ có thể tự chơi.
Vật liệu	Cuốn sách hoặc lựa chọn một số tranh từ cuốn sách
Quá trình	Bạn có thể sử dụng ngôn ngữ riêng của bạn và điều chỉnh ngôn từ sao cho phù hợp với độ tuổi của trẻ. Bạn hỏi các câu hỏi và tương tác với trẻ. Đây là thời gian để cho các tương tác. Bạn hãy lặp lại các từ vựng quan trọng trong một bối cảnh tự nhiên. Khi bạn kể lại câu chuyện, trẻ sẽ trở nên tự tin hơn với câu chuyện đó. Việc kể lại câu chuyện nhiều hơn 2 lần vẫn đem lại những ích lợi cho trẻ. Trẻ có thể tự bắt đầu kể lại câu chuyện, hay kể cho các bạn khác nghe, trẻ cũng có thể vẽ lại nội dung của câu chuyện cũng như đóng vai về câu chuyện đó.
Ví dụ	(Phần này linh hoạt thay đổi dựa trên những tương tác và sự tham gia của trẻ). Giáo viên: "Chúng ta hãy cùng đọc sách nào. Các con có còn nhớ chuyện gì đã xảy ra không?" Ly: "Bạn Jules con vịt. Biến mất" Giáo viên: "Ồ đúng rồi. Cậu bé Jules bị mất con vịt trên áo của cậu ấy. Nào chúng ta hãy cùng đọc câu chuyện này nào". Minh: "Jules có một chiếc áo mới với một chú vịt". Giáo viên: "Đúng rồi, và hôm nay cậu bé sẽ mặc chiếc áo lần đầu tiên."

5. Hoạt động mở rộng

Với các hoạt động mở rộng bạn có thể làm phong phú thêm vốn hiểu biết của trẻ về một chủ đề nào đó trong cuốn sách. Bạn cũng có thể giới thiệu cho trẻ nhiều từ vựng hơn. Ngoài việc chuẩn bị trước cho các hoạt động bạn dự định sẽ thực hiện, bạn cũng chuẩn bị trước các **câu hỏi** mà bạn sẽ hỏi trẻ và chuẩn bị những **từ vựng** mới để giới thiệu đến trẻ.

Thực hiện các hoạt động mở rộng trong một nhóm nhỏ (5 - 6 trẻ). Các trẻ khác trong lớp có thể chơi tự do hoặc tham gia vào các góc chơi khác mà trẻ có thể tự chơi.



Ví dụ 1:

Loại hoạt động	Giáo viên và trẻ cùng thảo luận về những chú vịt
Nhóm	5-6 trẻ
Đồ dùng	Những chú vịt, khăn
Quá trình	Đặt 1 vài con vịt đồ chơi trên bàn. Cùng với trẻ, giáo viên nêu các điểm giống và khác nhau giữa các con vịt. Màu sắc cũng được nêu. Giáo viên có một tấm vải. Trẻ được yêu cầu nhắm mắt lại. Tiếp theo giáo viên phủ tấm vải lên các chú vịt. Trẻ sẽ thảo luận chuyện gì xảy ra với các chú vịt và các chú vịt có thể nằm ở đâu. Sau đó, mỗi trẻ (theo thứ tự) được yêu cầu nhắm mắt lại và đoán xem chú vịt nào đã biến mất dưới tấm vải.
Từ vựng	Một số từ vựng có thể giới thiệu một cách tự nhiên: <i>Màu sắc, cỡ, to, nhỏ, nhỏ hơn, giấu, biến mất, tìm kiếm...</i>
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số nhận xét và câu hỏi có thể sử dụng: <ul style="list-style-type: none">- Con có biết con vịt sống ở đâu không?- Con vịt bơi có tốt không?- Chú vịt nhỏ màu vàng sẽ đi đâu?- Nếu con giấu đồ vật nào đó đi, con có mất nó không? Ai đã từng mất đồ nào?- Con có dám cho tay vào bên dưới mảnh vải này không?- Con có nghĩ là chú vịt lớn màu cam sẽ quay lại?



Ví dụ 2:

Loại hoạt động	Vẽ và tô màu
Nhóm	5-6 trẻ
Đồ dùng	Áo phông (hoặc các bức hình áo phông in sẵn để tô màu), màu vẽ
Quá trình	Giáo viên vẽ một chú vịt (hoặc sử dụng hình vẽ mẫu) lên chiếc áo phông của từng trẻ. Trong khi làm, cô có thể trò chuyện cùng trẻ rằng chú vịt sẽ trông như thế nào và nó sẽ ở đâu trên áo phông (ở mặt sau). Sau đó trẻ có thể lựa chọn màu để tô cho chú vịt, có thể là màu vàng hoặc màu cam. Điều cũng có thể được thực hiện bằng một bản vẽ của một chiếc áo phông.
Từ vựng	Một số từ vựng có thể được giới thiệu một cách tự nhiên: <i>bụng, lưng, phía trước, trên, dưới, vẽ, cắt, áo, yêu thích...</i>
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số nhận xét và câu hỏi có thể sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Con đã từng bao giờ vẽ lên một tấm vải chưa? - Mẹ của con có cho phép con vẽ lên quần áo của mình không? - Con muốn thấy hình ảnh ở phía trước bụng con hay ở phía sau lưng áo? Tại sao con lại thích điều đó hơn? - Con có con vật yêu thích không? Con có muốn có hình con vật đó trên áo phông của con không? - Con thích một con vịt màu vàng hay con thích con vịt màu cam?

Tất cả các hoạt động trên không nhất thiết cần phải được thực hiện trong một ngày. Sẽ tốt hơn nếu giáo viên dành đủ thời gian thực hiện từng hoạt động một để trẻ có thể khám phá, tương tác, và học tập. Ví dụ: Các hoạt động giới thiệu cuốn sách được thực hiện vào thứ Hai, hoạt động kể chuyện thực hiện vào thứ Ba, các hoạt động mở rộng khác được thực hiện vào thứ Tư và thứ Năm, sau đó hoạt động kể lại câu chuyện vào thứ Sáu. Ngoài ra, các hoạt động cũng có thể được thực hiện song song với các hoạt động khác (tổ chức đồng thời) trong thời gian hoạt động góc. Cần cân nhắc điều chỉnh các hoạt động cũng như đồ dùng học tập theo chủ đề của câu chuyện mà bạn đang kể.

**Nhiệm vụ:**

1. Lựa chọn một cuốn truyện (1')
2. Đọc nội dung cuốn truyện (10')
3. Xác định cốt truyện hay nội dung chính của cuốn truyện (10')
4. Thiết kế một hoạt động giới thiệu (20')
5. Thiết kế hai hoạt động mở rộng (20')

**Nhiệm vụ:**

1. Xem lại các hoạt động mà bạn thiết kế theo yêu cầu phía trên
2. Cân nhắc điều chỉnh các hoạt động thêm phong phú hơn; phát triển thêm các hoạt động mở rộng.
3. Bạn có thể hỏi trẻ các câu hỏi nào cho từng hoạt động? Hãy chuẩn bị các câu hỏi đó trước.
4. Bạn dự định sẽ giới thiệu các từ vựng nào cho mỗi hoạt động?
5. Những kỹ thuật nào mà bạn có thể sử dụng? Xác định kỹ thuật nào mà bạn có thể áp dụng trong mỗi góc chơi.

**Nhiệm vụ:**

1. Chọn một chủ đề
2. Chọn một cuốn truyện
3. Hãy thiết kế các hoạt động cho tất cả các góc chơi có liên quan tới chủ đề và câu chuyện
4. Hãy chuẩn bị các câu hỏi và các kỹ thuật mà bạn có thể áp dụng trong hoạt động

**Nhiệm vụ:**

1. Hãy áp dụng tất cả các hoạt động đã được thiết kế phía trên trong lớp của bạn?
2. Nó diễn ra như thế nào?
3. Cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong các hoạt động này như thế nào?
4. Những tương tác với trẻ diễn ra như thế nào? Ai là người nói chủ yếu?
5. Bạn có theo dõi những sáng kiến của trẻ không? Như thế nào?
6. Bạn muốn thay đổi điều gì?

(Lưu ý: Các nhiệm vụ nêu trên sẽ có giá trị hơn và phong phú hơn nếu bạn thực hiện các hoạt động đó cùng với các đồng nghiệp của mình).

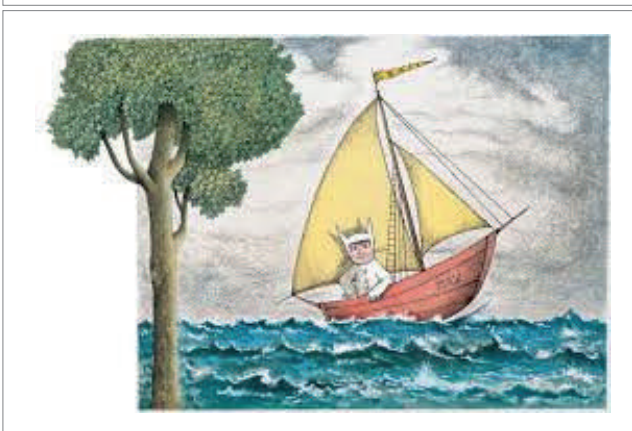
Phụ lục 1: Ở nơi quỷ sứ giặc non Một ví dụ về cách sử dụng sách tranh trong lớp học và tại các góc

Bạn sẽ tìm thấy trong phần này một ví dụ khác về cách sử dụng sách tranh ở trong lớp học và tại các góc chơi. Phần mô tả dưới đây được lồng ghép với các phương pháp đã được giới thiệu trong các phần trước của tài liệu:

- Xuất phát từ **cảm giác thoải mái** và **sự tham gia** của trẻ và áp dụng 8 điểm hành động để cải thiện
- Thiết lập **môi trường học tập giàu ngôn ngữ** bằng cách tạo ra các hoạt động (a) an toàn, (b) có ý nghĩa và (c) cung cấp các hỗ trợ về ngôn ngữ thông qua các tương tác
- Áp dụng nhiều **kỹ thuật** khác nhau ở các góc chơi để tăng cường sự tương tác
- Sử dụng nhiều dạng **câu hỏi** khác nhau

1. Thông tin chi tiết về cuốn sách

Nguồn tham khảo	Sendak, M (1963). Where the wild things are. New York: Harper & Row
Nội dung	Max là một cậu bé tinh nghịch. Max mặc một bộ trang phục giống một chú chó sói. Cậu bị mẹ phạt vì quậy phá quá và phải đi ngủ khi cậu bé còn chưa được ăn tối. Tuy nhiên, buổi tối đó phòng ngủ của cậu bắt đầu biến đổi thành một thế giới khác. Max đã dong thuyền lạc tới một hòn đảo có rất nhiều quái vật thường được gọi là “những con quỷ sứ giặc non”. Cậu được tôn làm vua của chúng. Max cùng lũ quỷ sứ giặc non tổ chức một bữa tiệc rất vui vẻ và huyền ảo. Mặc dù vậy, Max vẫn cảm thấy cô đơn. Cuối cùng, Max dong thuyền quay trở về về nhà.
Ý nghĩa câu chuyện	Một giấc mơ về những con quái vật
Thể loại	Truyện tranh và chữ
Đối tượng	Trẻ 4 – 5 tuổi, dành cho lứa tuổi trẻ lớn





(Nguồn: Sendak, M (1963). Where the wild things are. New York: Harper & Row.)

2. Hoạt động giới thiệu: Những con quái vật

Loại hoạt động	Giáo viên giới thiệu hình ảnh một con quái vật thông qua việc sử dụng các tranh, ảnh hoặc bằng một món đồ chơi. Giáo viên kể cho trẻ nghe về những con quái vật. Giáo viên có thể giới thiệu từ “quỷ sứ giặc non” mà được sử dụng trong cuốn sách (nhưng lúc này chưa cần giới thiệu về cuốn sách trong hoạt động giới thiệu này).
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Những con quái vật nhồi bông hoặc những hình ảnh về các con quái vật
Quá trình	Giáo viên mang con quái vật nhồi bông hoặc tranh ảnh về những con quái vật tới lớp học. Giáo viên giới thiệu về chủ đề quái vật. Giáo viên hỏi trẻ về những điều trẻ đã biết về quái vật cũng như cảm xúc của trẻ khi nói về những con quái vật. Tất cả những kinh nghiệm của trẻ và điều trẻ chia sẻ đều được ghi nhận. Tất cả các con quái vật không nhất thiết đều trông giống nhau. Hãy cùng khám phá xem quái vật trông như thế nào và chúng cư xử ra sao. Ngoài ra, hãy cùng khám phá những cảm xúc của con người liên quan tới chủ đề quái vật.
Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo 1 cách tự nhiên: quái vật, những điều kinh khủng, sợ hãi, khóc, giấc mơ, ác mộng...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Các câu hỏi giáo viên có thể hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Các con đã bao giờ nhìn thấy quái vật chưa? Đó là khi nào, ở đâu? - Những con quái vật trông thế nào? - Liệu chúng ta có thể hóa trang thành những con quái vật không? - Những con quái vật đó chúng cư xử như thế nào? - Các con có sợ những con quái vật không? - Các con thường làm gì khi cảm thấy sợ hãi?

3. Điều cốt lõi: kể chuyện và kể lại câu chuyện

1. Kể chuyện

Loại hoạt động	Giáo viên kể chuyện
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Sách
Quá trình	Giáo viên kể lại câu chuyện thông qua việc đọc nội dung trong cuốn sách. Giáo viên vừa kể chuyện vừa chỉ vào các bức tranh trong cuốn sách để trẻ có thể quan sát được.

2. Kể lại câu chuyện

Loại hoạt động	Giáo viên và trẻ cùng tham gia kể lại câu chuyện
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Sách
Quá trình	Dựa vào các câu hỏi và nhận xét của giáo viên và trẻ để kể chuyện. Giáo viên đã trẻ chú ý đến những kinh nghiệm và cảm xúc của trẻ.
Các câu hỏi có thể sử dụng	<p>Trong phần nội dung kể về Max là một cậu bé tinh nghịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Max đang làm gì vậy? - Các con đoán xem ba mẹ của Max sẽ nghĩ gì về điều này? - Tại sao Max lại phải đi ngủ khi cậu còn chưa được ăn tối? - Lúc này Max cảm thấy thế nào? - ... <p>Trong phần nội dung kể về việc Max ở trong rừng và trên chiếc thuyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều gì đang xảy ra vậy? Điều gì xảy ra trong phòng ngủ của Max? - Các con muốn ở trong khu rừng đó không? - Điều gì sẽ xảy ra bây giờ? - Các con nghĩ xem, Max đang đi đâu? - ... <p>Trong phần nội dung kể về hòn đảo – xứ sở quỷ sứ giặc non:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Max có cảm thấy sợ hãi không? - Các con có thấy sợ không? - Con quái vật nào mà các con cảm thấy sợ nhất? - Max đang làm gì trên hòn đảo này? - Các con sẽ làm gì nếu mình cũng bị lạc vào xứ sở này? - ... <p>Trong phần nội dung Max trở thành quỷ sứ giặc non bệ hạ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao Max được tôn làm vua của các loài quái vật? - Họ đã cùng làm gì suốt cả đêm? - <p>Trong phần nội dung Max quay trở về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các con đoán xem Max cảm thấy thế nào trong bức tranh này (bức tranh cậu bé ngồi trước lều của mình)? - Tại sao Max lại cảm thấy như vậy? - Nếu là mình, các con sẽ cảm thấy thế nào? - Max đang nhớ nhà. Cậu thấy nhớ nơi có ai đó yêu thương mình. Các con đã từng bao giờ thấy nhớ nhà chưa? - Max đã làm gì? - Những con quái vật trên đảo có đồng ý với ý định của Max không? - Điều gì xảy ra khi Max về nhà? - Các con có nghĩ điều này thực sự xảy ra với bạn Max?

4. Các hoạt động mở rộng

1. Bốn cảm xúc

Loại hoạt động	4 cảm xúc cơ bản của con người
Nhóm	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Chiếc gương và cuốn sách
Quá trình	<p>Trẻ sẽ cùng quan sát những con quái vật trong cuốn sách. Những con quái vật trong sách trông thế nào? Mũi, mắt, miệng của những con quái vật trông thế nào? Chúng đã làm khuôn mặt của mình trông ra sao? Trẻ đứng trước gương và giả vờ mình là một con quái vật bằng cách kéo khuôn mặt của mình giống với một con quái vật.</p> <p>Giáo viên đề cập lại những cảm xúc đã được nói tới trong cuốn sách: Sợ hãi, buồn, vui sướng, tức giận. Các con có thể tạo ra những khuôn mặt tức giận, sợ hãi, vui, buồn khi đứng trước gương không? Các con có thể nhận ra cảm xúc của nhau không?</p>
Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo một cách tự nhiên: gương mặt, mũi, miệng, môi, răng, sợ hãi, buồn, vui...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<p>Một số câu hỏi và phản hồi có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những con quái vật trông như thế nào? - Các con có thể làm khuôn mặt mình đáng sợ giống như một con quái vật không? - Các con sẽ cảm thấy thế nào nếu mình gặp một con quái vật? Lúc đó khuôn mặt của các con trông sẽ như thế nào? - Các con có nghĩ rằng những con quái vật cũng có thể cảm thấy sợ hãi? Tại sao? -

2. Làm mặt nạ những con quái vật hoặc vẽ hình các con quái vật

Loại hoạt động	Vẽ hoặc làm mặt nạ quái vật (có thể tổ chức cả hai hoạt động)
Nhóm	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Màu vẽ, sáp màu, bìa cứng, ruy băng, kéo, dập ghim, đĩa giấy...
Quá trình	<p>Giáo viên yêu cầu trẻ cùng nhắm mắt và tưởng tượng đến một con quái vật (bất kỳ con quái vật nào). Giáo viên hướng dẫn trẻ bằng cách sử dụng các câu hỏi (Các con có thể thấy rõ con quái vật đó trông thế nào không? Khuôn mặt của con quái vật trong thế nào? Khuôn mặt đó có màu gì? Các con thấy da mặt của con vật thế nào?). Trẻ bắt đầu vẽ những con quái vật (Mỗi con quái vật trông sẽ khác nhau, giáo viên cho phép sự khác biệt này). Từ những bức tranh trẻ vẽ về sự hình dung của mình về những con quái vật, trẻ có thể bắt đầu thiết kế mặt nạ quái vật.</p> <p>Trẻ có thể bắt đầu với hoạt động làm mặt nạ quái vật mà không cần thực hiện hoạt động vẽ.</p>

Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo một cách tự nhiên: Tượng tượng, mặt nạ, khuôn mặt, làn da, mặt, thô, mịn, màu sắc, lông, răng nhọn và dẹt, lông, mỏ, lỗ mũi,...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi và phản hồi giáo viên có thể trao đổi với trẻ: <ul style="list-style-type: none"> - Các con con thấy rõ con quái vật trông như thế nào không? - Các con sẽ buộc sợi ruy băng với chiếc mặt nạ như thế nào? -

3. Thiết kế hòn đảo quái vật trong lớp học

Loại hoạt động	Trẻ trang trí, thay đổi không gian lớp học hoặc một góc chơi trở thành thế giới của những con quái vật hoặc hòn đảo của quái vật.
Nhóm	Hoạt động này có thể được xem như một hoạt động góc dành cho 5 – 6 trẻ. Hoạt động này cũng có thể thực hiện cho toàn lớp học.
Đồ dùng	Các đồ dùng trong lớp học, các bức tranh vẽ của trẻ, quần áo, đèn lồng...
Quá trình	<p>Giáo viên gợi ý cho trẻ để thiết kế một hòn đảo của quái vật. Hòn đảo đó trông sẽ như thế nào nhỉ? Thế giới của những con quái vật trông ra sao?</p> <p>Trẻ bắt đầu động não. Giáo viên có thể hỗ trợ tư duy bằng cách ghi chép lại các ý tưởng của trẻ trên một sơ đồ tư duy trực quan. Giáo viên cũng có thể hỏi trẻ muốn thay đổi cách bố trí các góc hay lớp học như thế nào. Sau trẻ có thể bắt đầu thực hiện các ý tưởng.</p> <p>Nếu hoạt động này được tổ chức cho toàn bộ lớp học, giáo viên lấy một vài ý tưởng từ hoạt động thảo luận phía trên rồi chia trẻ thành các nhóm nhỏ để thực hiện các ý tưởng (Ví dụ: Trẻ nói rằng: (1) trẻ muốn vẽ các con quái vật thật đáng sợ, (2) trẻ muốn làm cho lớp học trở nên tối hơn, (3) trẻ muốn thu thập những âm thanh đáng sợ. Đối với những ý tưởng này, giáo viên có thể chia trẻ thành 3 nhóm trẻ khác nhau. Mỗi nhóm sẽ có ý tưởng và kế hoạch thực hiện các hoạt động riêng. Giáo viên có thể hỗ trợ từng nhóm bằng cách gợi ý các ý tưởng để thực hiện hoạt động của nhóm.</p> <p>Lưu ý: Giáo viên có thể cân nhắc việc duy trì không gian trang trí lớp học như vậy trong 1 hoặc 2 tuần khi trẻ học về chủ đề này.</p>
Từ vựng	Một số từ vựng có thể được giới thiệu theo một cách tự nhiên: Thiết kế, xây dựng, thế giới, vật liệu, sáng, tối, ...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi hay phản hồi có thể sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Thế giới của những con quái vật trông như thế nào? - Làm thế nào để chúng ta có thể trang trí lớp học thành một hòn đảo của những con quái vật? - Chúng ta sẽ nên làm gì? - Chúng ta sẽ thực hiện điều đó như thế nào? Chúng ta cần những vật liệu gì để xây dựng hòn đảo quái vật? - Các con sẽ cảm thấy thế nào nếu mình bị lạc vào thế giới của những con quái vật? -

4. Xây dựng chướng ngại vật

Loại hoạt động	Trẻ xây dựng chướng ngại vật
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Các đồ dùng, vật liệu để xây dựng các chướng ngại vật
Quá trình	<p>Max đang bơi thuyền từ phòng ngủ của mình đến hòn đảo của những con quái vật. Hòn đảo đó ở rất xa. Những con sóng biển cao và những cơn gió thổi mạnh trên biển. Trên hòn đảo, cậu bé chơi nhiều hoạt động thú vị: nhảy múa, leo trèo cây... Trong lớp học, cô giáo yêu cầu trẻ làm một con đường từ góc này của lớp học (nơi trang trí căn phòng của Max) đến góc bên kia của lớp học (hòn đảo của quái vật) với nhiều hoạt động vận động khác nhau.</p> <p>Trẻ sẽ cùng nhau xây dựng một chướng ngại vật. Trẻ sẽ tự quyết sẽ xây dựng chướng ngại vật trên đường đi như thế nào và cần sử dụng các vật liệu gì. Giáo viên sẽ đề cập đến “Điều gì sẽ xảy ra trong thế giới của những con quái vật?” Các hoạt động có thể phải thực hiện để vượt qua chướng ngại vật bao gồm: nhảy, lăn, tạo những khuôn mặt đáng sợ giống quái vật trước gương, bò, bơi lội, chèo thuyền...</p> <p>Các hoạt động có thể điều chỉnh tùy thuộc vào các vật liệu, đồ dùng của lớp học. Trước khi bắt đầu thực hiện, giáo viên có thể kiểm tra một lượt các hoạt động, đưa ra các ví dụ cụ thể hoặc yêu cầu trẻ giải thích về những việc sẽ cần phải làm.</p>
Từ vựng	Các từ vựng giáo viên có thể giới thiệu theo một cách tự nhiên: lặp lại, thêm một lần nữa, chạy, nhanh, nhảy, chậm, ngã, bơi thuyền, bơi, khó, cẩn thận, dễ, thách thức...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<p>Một số câu hỏi hay phản hồi giáo viên có thể sử dụng (tùy thuộc vào các chướng ngại vật):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các con nghĩ xem các con quái vật sẽ chạy/ di chuyển như thế nào? - Những con đường trên đảo quái vật sẽ trông như thế nào nhỉ? - Liệu chúng ta có thể thiết kế những con đường đó đi lại khó khăn hơn không? - Con đường như vậy đã đủ khó khăn, trở ngại cho việc đi lại chưa? - Các con sẽ sử dụng những vật liệu gì để xây dựng con đường này? - ...

5. Vượt chướng ngại vật

Loại hoạt động	Trẻ sẽ tham gia vào hoạt động vượt chướng ngại vật đã được xây dựng bởi một nhóm trẻ
Nhóm	Toàn bộ lớp học
Đồ dùng	Các đồ dùng, vật liệu phục vụ cho hoạt động vượt chướng ngại vật.
Quá trình	Trước khi bắt đầu, giáo viên có thể mời những trẻ đã tham gia vào việc xây dựng chướng ngại vật (công nhân) sẽ cùng giáo viên làm mẫu việc làm thế nào để vượt qua tất cả các chướng ngại vật, đưa ra các ví dụ hay giải thích làm thế nào để vượt qua từng thách thức.
Từ vựng	Các từ vựng giáo viên có thể giới thiệu theo một cách tự nhiên: lặp lại, thêm một lần nữa, chạy, nhanh, nhảy, chậm, ngã, bơi thuyền, bơi, khó, cẩn thận, dễ, thách thức...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<p>Một số câu hỏi hay phản hồi giáo viên có thể sử dụng (tùy thuộc vào các chướng ngại vật):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đừng chạy quá nhanh, nếu không các con sẽ bị ngã ra khỏi thuyền. - Chúng ta là những quái vật thực sự. Nhưng mà những con quái vật sẽ chạy như thế nào nhỉ? - Các con có thấy hoạt động này khó không? Làm thế nào để việc vượt qua các chướng ngại vật này trở nên khó khăn hơn? - Các con có nhớ: Bạn Max có bị ngã không? - Trong khi nhảy vượt chướng ngại vật: Trong truyện, các con quái vật đã trèo lên cây có phải không? Chúng đã làm như thế nào? - Nhảy một lần bằng cả hai chân trong vòng và nhảy một lần bằng cả hai chân giữa các vòng. - ...

6. Vẽ hình mẫu hoa văn cho quái vật và kết cấu trực quan

Loại hoạt động	Hoạt động vẽ các hoạt tiết, hoa văn: Vẽ các hình quái vật trực quan.
Nhóm	5-6 trẻ
Đồ dùng	Các hình mẫu của quái vật, bút chì (ngoài ra có thể sử dụng các loại vật liệu khác như hạt gạo, hoa giấy, lông vũ, hạt cát, sỏi...)
Quá trình	<p>Trẻ nhận một tờ mẫu quái vật có sẵn. Trẻ sẽ vẽ trang trí thêm các bộ phận khác cho con quái vật bao gồm lông, da...Con quái vật đó trông sẽ như thế nào? Giáo viên có thể chia sẻ một vài mẫu hoa văn tương tự (như con voi, cá...). Trẻ vẽ các hoa văn cho con quái vật.</p> <p>Một hoạt động khác: trẻ sẽ trang trí da của một con quái vật bằng các mảnh giấy vụn, hạt cát hoặc sỏi nhỏ, các loại hạt, lông vũ, hoa giấy, gạo...</p>
Từ vựng	Từ vựng có thể được giới thiệu theo một cách tự nhiên: da, lông vũ, thô, mịn, đường kẻ sọc, đường vằn, các vòng tròn, các hình vuông...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<p>Một số câu hỏi hoặc phản hồi giáo viên có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các con đang vẽ con quái vật gì vậy? - Nếu con quái vật có làn da như vậy, khi sờ vào sẽ như thế nào? Các con có muốn chạm vào một con quái vật như vậy không? - Vẽ như họa tiết, hoa văn như vậy có khó không? - Các con đã sử dụng những vật liệu nào để tạo ra những hoa văn như vậy? - ...

Tất cả các hoạt động trên không nhất thiết cần phải được thực hiện trong một ngày. Sẽ tốt hơn nếu giáo viên dành đủ thời gian thực hiện từng hoạt động một để trẻ có thể khám phá, tương tác, và học tập. Ví dụ: Các hoạt động giới thiệu cuốn sách được thực hiện vào thứ Hai, hoạt động kể chuyện thực hiện vào thứ Ba, các hoạt động mở rộng khác được thực hiện vào thứ Tư và thứ Năm, sau đó hoạt động kể lại câu chuyện vào thứ Sáu. Ngoài ra, các hoạt động cũng có thể được thực hiện song song với các hoạt động khác (tổ chức đồng thời) trong thời gian hoạt động góc. Cần cân nhắc điều chỉnh các hoạt động cũng như đồ dùng học tập theo chủ đề của câu chuyện mà bạn đang kể.

Phụ lục 2: Trò chơi sắp xếp: Chín kỹ thuật để tạo góc chơi phong phú

Chín kỹ thuật

Quan sát và giúp xây dựng góc chơi

Thông qua những cuộc trò chuyện ngắn với trẻ lúc bắt đầu, bạn có thể phân vai cho trẻ và hướng dẫn trẻ biết chi tiết về vai trò đó trẻ sẽ làm gì, cần những vật dụng nào và điều gì sẽ diễn ra.

Sau đó bạn sẽ lui lại để trẻ chơi và bắt đầu quan sát. Bạn không tham gia vào hoạt động chơi nhưng sẽ quan sát những gì đang diễn ra. Bạn có thể mô tả bằng từ ngữ những gì bạn thấy đang diễn ra. Thông qua việc quan sát, bạn có thể thu thập thông tin để sử dụng sau này (ví dụ: sở thích của trẻ, đồ dùng yêu thích, cấp độ và nội dung góc chơi,...).

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua một quyển truyện đã được đọc

Tạo ra một góc mà trẻ có thể đóng vai trong câu truyện đã được đọc trước đó. Trẻ có thể chơi ở góc xây dựng, góc gia đình... phụ thuộc vào nội dung của truyện. Bạn có thể lựa chọn để sử dụng các chi tiết trong truyện ở các góc khác nhau. Hãy cung cấp cho trẻ các vật dụng cần thiết hoặc để trẻ tự thu thập và làm vật dụng cho câu chuyện.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua việc đóng vai

Bạn tự chọn và đóng một vai, sử dụng các vật dụng hỗ trợ. Thông qua việc đóng vai, bạn sẽ cho trẻ biết vai mà bạn đóng ở ngoài đời thật diễn ra như thế nào.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ bằng cách đưa ra vấn đề cần giải quyết

Bạn đóng vai trong trò chơi của trẻ và đưa ra một vấn đề/tình huống cần giải quyết. Điều này sẽ giúp thêm ý tưởng cho trò chơi và là cơ hội để trẻ nói nhiều hơn.

Chơi cùng trẻ

Bạn chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Bạn chỉ hỗ trợ và giúp trẻ tương tác, với bạn hoặc giữa các trẻ với nhau.

Thì thầm một vài ý tưởng với trẻ

Bạn chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Thỉnh thoảng, bạn thì thầm vào tai của một trẻ và cho trẻ biết trẻ nên nói hoặc làm gì.

Quản lý/ điều hành

Bạn không chơi cùng trẻ nhưng theo dõi những gì đang diễn ra ở góc. Bạn cho lời khuyên, khuyến nghị và dẫn dắt.

Đánh giá và rút kinh nghiệm cùng trẻ

Bạn thảo luận với một số trẻ hoặc cả lớp về trò chơi vừa rồi. Bạn khuyến khích trẻ mô tả trẻ đã làm gì, bạn bổ sung thành các đoạn hoàn chỉnh cho câu trả lời của trẻ. Điều này sẽ thúc đẩy các trẻ khác vào các lần kế tiếp.

Cùng nhau tài liệu hóa và ghi chép

Sau khi chơi xong bạn ngồi lại với một vài trẻ để “lưu giữ” một số trải nghiệm, khám phá, kết luận hoặc đồng thuận.

Chín ví dụ:



Ví dụ:

Bạn đến góc chơi chợ và hỏi: “Bạn nào bán trái cây vậy? Bạn nào bán cá vậy? Ai sẽ đi chợ và mua đồ? Các con sẽ làm gì? Các con cần mang theo gì? Mình đi chợ như thế nào nhỉ?” Rồi bạn để trẻ chơi với nhau và quan sát trẻ tham gia như thế nào, bạn mô tả điều bạn thấy “À, mẹ đang mua cà chua và đậu ở chợ này”.



Ví dụ:

Bạn đưa trẻ quyển truyện có tựa đề “Con vịt của Jules”, với một vài con vịt đồ chơi nhỏ, một chiếc áo thun có hình con vịt ở mặt sau áo.



Ví dụ:

1. Bạn đóng vai người mua hàng ở chợ: “Tôi là một ông bố. Hôm nay tôi muốn nấu món ăn yêu thích cho hai đứa con của tôi.” Bạn quay sang hỏi hai đứa trẻ chúng muốn ăn món gì. Rồi quyết định món sẽ nấu. Đi cùng với trẻ đến góc chợ và đóng vai khách hàng. “Chào chị! Hôm nay tôi muốn nấu món này cho con của tôi. Tôi cần phải mua gì chị nhỉ? Nấu món này thì cần những nguyên liệu gì? Giá bao nhiêu hả chị?” (đây là một số câu hỏi bạn có thể thảo luận với trẻ (các trẻ đóng vai con của bạn và các trẻ đóng vai người bán hàng ở chợ).
2. Bạn đóng vai mẹ của chú gấu bị ốm. “Bác sĩ ơi, giúp tôi với. Con gái của tôi bị ốm. Nó ho và còn bị sốt nữa”.



Ví dụ:

1. Ở góc chợ, bạn đi đến chỗ người bán giày và hỏi: Tôi muốn mua giày cho con trai tôi, nhưng nếu giày không vừa thì tôi phải làm như thế nào?”
2. Tại góc chợ, bạn đi đến góc bán giày và nói: “Ồ không, đôi giày này chỉ có hai chiếc giày phải, cô không thể mua đôi giày này để đi được. Chúng ta phải làm gì bây giờ?”



Ví dụ:

Bạn tham gia tại góc xây dựng. Bạn nói: “Các con xem bạn Ly đang làm gì này. Có vẻ như đây là một ý tưởng rất là tốt để xây một tòa tháp lớn hơn, các con nghĩ sao?”



Ví dụ:

1. Bạn chơi cùng trẻ tại góc chợ. Bạn thì thầm vào tai của người bán trái cây: “giờ con có thể nói là: ‘Chào chị, chị cần mua gì?’”
2. Bạn chơi cùng trẻ tại góc bác sĩ. Bạn thì thầm vào tai bác sĩ: “con có thể hỏi: ‘chị có đau ở đâu không? Có bị buồn nôn không?’”



Ví dụ:

“Mấy khối gạch để xây nhà cô để trong hộp kia”.



Ví dụ:

“Các con có nhớ người bán giày đã nói gì khi các con hỏi phải làm gì khi giày không vừa không?”



Ví dụ:

1. “Bạn đang hỏi trẻ vật nào có thể nổi trên mặt nước và vật nào thì chìm. Hãy vẽ các vật có thể nổi lên một tờ giấy này và vật chìm trên tờ giấy kia.”
2. “Vật nào chúng ta chưa nghĩ ra nhỉ? Cô trò mình cùng viết ra những gì chúng ta phải nghĩ cho lần tới nào.”

Tài liệu này được xuất bản vào tháng 02 năm 2021 bởi:

© 2021 VVOB – education for development
Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Bỉ
Điện thoại: +32 2 209 07 99; Website: www.vvob.org



Bảo lưu một số quyền

Tài liệu này là sản phẩm của các chuyên gia VVOB, dựa trên các kết quả, kinh nghiệm của các chuyên gia VVOB và các đối tác trong chương trình “Giảm thiểu rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non tại các huyện khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống”. Tài liệu này cũng được tham khảo thêm các tài liệu liên quan khác. Các kết quả, diễn giải, và kết luận được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VVOB, của Ban Giám đốc VVOB, hoặc của nhà tài trợ. VVOB không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu trong tài liệu này. Các đường biên giới, màu sắc, tôn giáo, và các thông tin được thể hiện trên hình minh họa trong tài liệu này không thể hiện quan điểm hay sự ủng hộ của VVOB về mặt pháp lý về biên giới của bất kỳ vùng lãnh thổ nào.

Quyền lợi và cấp phép xuất bản

Chịu trách nhiệm biên tập:

Sven Rooms

© 2021 VVOB - education for development



Tài liệu này được xuất bản và lưu hành dựa trên nguyên tắc tài sản sáng tạo công cộng (Creative Commons) và phi thương mại (CC BY-NC-SA 4.0). Quyền sao chép, phân phối, vận chuyển, và ứng dụng tài liệu này đều được cho phép với mục đích phi thương mại, và với các điều kiện sau đây:

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: *VVOB - education for development. 2021. “Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non - Hướng dẫn dành cho giáo viên nhằm xoá bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non”*

Mọi câu hỏi về bản quyền và quyền xuất bản vui lòng gửi về VVOB, Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium. Điện thoại: +32 2 209 07 99; E-mail: info@vvob.org; Website: www.vvob.org

Quyền phủ nhận

Tài liệu này có sử dụng trích dẫn và tham khảo một số ấn phẩm và trang web khác. VVOB không chịu trách nhiệm về các nội dung hiện tại và trong tương lai của các ấn phẩm và các trang web đó, cũng như không chịu trách nhiệm về ấn phẩm và các trang web đưa tin và trích dẫn tài liệu này của VVOB.

Tài liệu này được biên soạn và xuất bản với hỗ trợ tài chính từ chính phủ Bỉ và và Flanders. Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm của VVOB và không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ, do đó chính phủ Bỉ và Flanders không chịu trách nhiệm với bất kỳ nội dung nào của tài liệu này.

Được tài trợ bởi:



Belgium
partner in development



Flanders
State of the Art



3-5 Nguyễn Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
+84 (0) 236 3923332
<https://vietnam.vvob.org>
<http://fb.com/vvobvietnam>

NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

Hướng dẫn dành cho giáo viên
nhằm xóa bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non



**PHẦN 3:
TÔN TRỌNG VÀ SỬ DỤNG SỰ ĐA DẠNG
TRONG BỐI CẢNH VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG**

Mục lục

Phần 3: Tôn trọng và sử dụng sự đa dạng trong bối cảnh văn hóa địa phương

Chương 6: Đề cao giá trị đa dạng văn hóa trong bối cảnh địa phương.....	01
6.1. Tại sao bối cảnh địa phương lại quan trọng?.....	01
6.2. Thực trạng hiện nay về đa dạng văn hóa trong hệ thống giáo dục.....	03
6.3. Niềm tin của chúng ta là gì?.....	04
6.4. Làm thế nào để đề cao sự đa dạng văn hóa?.....	12
1) Văn hóa là gì?.....	12
2) Định kiến, khuôn mẫu, kỳ thị là gì?.....	14
3) Làm thế nào để tôn trọng và đề cao sự đa dạng văn hóa?.....	15
Chương 7: Sử dụng bối cảnh địa phương và những cách nhìn mới về văn hóa trong môi trường lớp học.....	17
7.1. Giới thiệu.....	17
7.2. Thu thập các tư liệu từ cộng đồng về văn hóa địa phương.....	18
1) Làm thế nào để thu thập các câu chuyện?.....	19
2) Làm thế nào để thu thập và mô tả lại các câu chuyện?.....	19
7.3. Thiết kế các hoạt động vui chơi và giao tương tác ngôn ngữ.....	23
1) rà soát và lựa chọn các câu chuyện/ tư liệu văn hóa đã được thu thập.....	23
2) Thiết kế hoạt động.....	24



PHẦN 3:
TÔN TRỌNG VÀ SỬ DỤNG
SỰ ĐA DẠNG VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG



Chương 6: Đề cao giá trị đa dạng văn hóa địa phương



Mục tiêu của chương này là:

- Giúp bạn hiểu rõ hơn sự khác biệt về bối cảnh về văn hóa gia đình và trường học có thể là một rào cản ảnh hưởng đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ
- Giúp bạn hiểu thêm về hiện trạng đa dạng văn hóa trong các lớp học mầm non
- Để khám phá những niềm tin của bạn về giáo dục và văn hóa
- Giúp bạn hiểu sâu về các khái niệm như văn hóa, sự đa dạng văn hóa, thành kiến, sự kỳ thị và phân biệt đối xử
- Hiểu rõ hơn về các chuẩn mực xã hội và cách thức ứng xử trong đời sống hằng ngày

Trong chương này, đặc biệt là tại mục 6.3, chúng tôi sẽ sử dụng mô hình học tập trải nghiệm của Kolb (White et al., 2009) để diễn giải các nội dung của chương. Thông qua các ví dụ cụ thể, những hình ảnh và các câu hỏi, độc giả sẽ có những trải nghiệm học tập thú vị. Những câu hỏi suy ngẫm được đưa ra sau mỗi ví dụ sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn tại sao vấn đề lại xảy ra theo hướng đó. Điều này sẽ giúp chúng ta rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và có dự kiến thay đổi các thực hành hiện tại nếu cần.

6.1. Tại sao bối cảnh địa phương lại quan trọng?

Hiện nay rất nhiều trẻ mầm non gặp những rào cản có ảnh hưởng tới quá trình học tập và sự tham gia trong lớp. Những rào cản này khiến trẻ không được hưởng thụ hết các nội dung giáo dục và phát huy hết tiềm năng của mình. Trong bối cảnh đa dạng về văn hóa, sinh ra tại các cộng đồng xa xôi hẻo lánh và khó khăn, những trẻ này thường lớn lên trong nghèo đói, nói ngôn ngữ mẹ đẻ khác với ngôn ngữ giảng dạy ở trường học, khả năng giao tiếp thường được coi là một rào cản đối với việc học của trẻ.

Trẻ thường trải nghiệm sự khác biệt giữa văn hoá và bối cảnh ở nhà và ở trường học. Khi đến trường, trẻ không thực sự cảm thấy thoải mái như ở nhà và điều này tạo ra những ảnh hưởng không tốt đến việc học của trẻ đặc biệt khi trẻ ở độ tuổi nhỏ. Khi các hoạt động trong lớp học, các đồ dùng, đồ chơi và các nội dung bài học không có sự liên quan tới bối cảnh văn hóa địa phương và những điều trẻ đã biết, trẻ sẽ không cảm thấy tự tin hoặc thoải mái để tham gia học tập. Trẻ cảm thấy bối cảnh sống của mình không được ghi nhận hoặc không quan trọng. Trẻ gặp khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức ở trường học vì trong nhiều tình huống, nội dung bài học không thực sự liên quan đến đời sống hàng ngày của trẻ. Sự khác biệt giữa bối cảnh địa phương và trường học này cũng tạo nên những ảnh hưởng đến sự tham gia vào các hoạt động học của trẻ. Sự tham gia của trẻ sẽ được nâng cao khi các hoạt động học và các đồ dùng dạy và học tập được thiết kế một cách có ý nghĩa và liên quan tới bối cảnh sống của trẻ.



Ví dụ:

Tại trường mẫu giáo Vành Khuyên thuộc một tỉnh miền núi nơi còn nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống Tết sắp đến và nhà trường đang chuẩn bị cho lễ hội mùa xuân. Cô Hà - một giáo viên người Kinh - dạy trẻ cách gói bánh Chung trong ngày tết. Khi dạy, cô không đề cập đến văn hóa ngày Tết tại địa phương, hay yêu cầu trẻ chia sẻ những điều trẻ đã biết và những thói quen của trẻ trong ngày Tết. Linh cũng như bao trẻ khác trong lớp là người dân tộc Mơ Nâm. Ở bản của Linh, người dân cũng mừng năm mới nhưng không gói bánh Chung. Dân tộc của Linh có bản sắc riêng cho ngày Tết. Cả bản làng cùng tổ chức liên hoan và làm chuồng mới cho đàn trâu. Linh không thể chia sẻ được những hiểu biết của bản thân về ngày Tết của dân tộc mình với những điều cô giáo dạy trong lớp. Sự tham gia của Linh không cao trong hoạt động đó.

Giáo viên mầm non và cán bộ quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong môi trường giáo dục ở trường ở lớp. Thông qua việc nâng cao năng lực giáo viên về việc sử dụng các giá trị của sự đa dạng văn hóa cho các hoạt động trong lớp, giáo viên có thể thực hiện những bước tiến đáng kể để đảm bảo rằng tất cả các trẻ đều có cơ hội phát triển hết tiềm năng của mình. Điều này hoàn toàn phù hợp với chương trình giáo dục mầm non mới với định hướng là giáo viên và nhà trường đẩy mạnh việc thiết kế và điều chỉnh các hoạt động giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương, tăng cường việc đưa sử dụng bối cảnh địa phương trong các hoạt động.

Tài liệu này giúp giáo viên có hiểu biết sâu hơn về việc tạo nên những tình huống/hiện trạng thích hợp nhất trong lớp học trong khi tôn trọng và sử dụng ngôn ngữ của trẻ và bối cảnh văn hoá địa phương để giúp trẻ phát triển hết tiềm năng của mình. Tài liệu này hỗ trợ giáo viên áp dụng những bước đầu tiên trong quá trình xây dựng môi trường học tập hướng tới sự đa dạng về văn hóa và phù hợp với bối cảnh địa phương.



Nhiệm vụ:

Cô giáo Ninh hiện đang công tác tại điểm trường lẻ của một trường mầm non ở Tây Nguyên. Chủ đề học tập của tháng về “Gia đình của bé”. Cô giáo sử dụng hình ảnh trực quan về một gia đình trong một hoạt động với trẻ. Cô yêu cầu Vũ (một trẻ bốn tuổi, gia đình trẻ đến từ cộng đồng dân tộc Ba Na) mô tả lại những gì trẻ quan sát được từ bức ảnh mà giáo viên đưa ra.

1. Hãy mô tả những gì con nhìn thấy trong bức ảnh.
2. Đây có phải hình ảnh bữa ăn tối của gia đình con hay của các gia đình trong bản của con không?
3. Chúng ta hãy nhìn bức ảnh qua cái nhìn của Vũ. Hình ảnh này có đại diện cho hoạt động gia đình của nhà bạn Vũ không?
4. Sử dụng bức ảnh này có ảnh hưởng như thế nào đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của Vũ như thế nào?
5. Tại sao Vũ lại như thế?



6.2. Thực trạng về việc sử dụng sự đa dạng văn hóa trong các hoạt động giáo dục

Một nghiên cứu khoa học được thực hiện bởi Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) tại tỉnh Kon Tum mô tả lại cách thức mà các trường học cũng như hệ thống giáo dục hiện hành đang vận dụng sự đa dạng văn hóa trong giáo dục. Các phát hiện chính được như sau:

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng kiến thức, thái độ, và các thực hành/các hoạt động hướng tới việc sử dụng sự đa dạng văn hóa bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các chính sách hiện hành liên quan tới chủ trương thúc đẩy sử dụng ngôn ngữ chính thức trong hệ thống giáo dục – Tiếng Việt. Trường học gặp nhiều khó khăn trong việc lồng ghép ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ vào trong môi trường lớp học.

Khi được hỏi về khái niệm văn hoá và những giá trị của sự đa dạng văn hoá trong môi trường lớp học, giáo viên và những người làm công tác giáo dục đều hiểu về văn hóa như là một điều gì đó cố định. Họ xem văn hoá chỉ được hiểu một cách hạn hẹp là *những gì con người CÓ và những gì con người LÀM*. Các đồ dùng đồ chơi mang tính chất bản sắc văn hóa được đưa vào chương trình giảng dạy và thông qua việc sắp xếp môi trường lớp học. Chúng ta có thể nhìn thấy các đặc trưng văn hóa thông qua việc trang trí lớp học và các đồ dùng đồ chơi, các hoạt động đặc trưng văn hoá của từng dân tộc thiểu số được tổ chức như các lễ hội, trang phục trong các buổi lễ hội v.v.. Tuy nhiên, những thành tố về cách mà *con người NGHĨ* về các yếu tố văn hóa đó không được đề cập tới và không có nhiều thông tin.

Giáo viên, cán bộ quản lý, và cán bộ giáo dục đã chỉ ra những khoảng lệch về thành tích và sự phát triển giữa người Kinh và các dân tộc thiểu số, và họ đã nghĩ tới các giải pháp nhằm giải quyết những sự khác biệt to lớn này. Họ đã nỗ lực để thực hiện các can thiệp giáo dục nhằm rút ngắn các khoảng lệch giữa học sinh người Kinh và người dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, với cách tiếp cận này ngụ ý rằng dân tộc và ngôn ngữ thường được xem là một khiếm khuyết, là một vấn đề chứ không được xem như là một lợi thế hay một cơ hội. Điều này cũng tạo ra một vấn đề khi mà nhóm dân tộc chiếm đa số dường như đã ở địa vị cao hơn so với nhóm dân tộc thiểu số. Do đó có thể tạo ra những tác động đến cảm giác thoải mái của trẻ cũng như của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Họ bắt đầu có cảm giác tự ti. Mặt khác, vấn đề này cũng ảnh hưởng đến những kỳ vọng và phương pháp tiếp cận của giáo viên đối với trẻ em người dân tộc thiểu số, từ đó có những tác động trực tiếp đến kết quả học tập của trẻ.

Từ kết quả của nghiên cứu cho thấy mức độ cần thiết của việc cần có nhận thức sâu sắc hơn về sự đa dạng văn hóa, cùng nhau xem xét lại những khoảng lệch về vị thế dân tộc thiểu số và các thực hành. Bắt đầu với những kiến thức và thực hành sâu sắc hơn về văn hóa và sự đa dạng văn hóa, nhà trường và giáo viên sẽ dành nhiều không gian, thời gian hơn cho việc sử dụng tiếng mẹ đẻ sẽ giúp trẻ có cơ hội trải nghiệm và học tập trong một môi trường học tập an toàn và thân thiện (xem thêm phần 2). Ngoài ra, bằng cách điều chỉnh lại niềm tin cố hữu về các dân tộc thiểu số cũng như suy ngẫm về sự khác biệt văn hóa, giáo viên có thể tìm ra những cách thức mới để đưa những quan điểm văn hóa cởi mở hơn của họ vào phương pháp sư phạm. Trong quá trình này, sự tham gia của cộng đồng đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Qua đó, nhà trường và cộng đồng sẽ cùng nhau học tập và chia sẻ một cách bình đẳng và tìm kiếm những cơ hội có thể phối hợp với nhau để cải thiện chất lượng giáo dục cho trẻ.

6.3. Niềm tin của chúng ta là gì?

Để tôn trọng và đề cao giá trị của sự đa dạng văn hóa, trước hết chúng ta cần tìm hiểu về niềm tin của chính mình. Niềm tin của chúng ta sẽ quyết định cách chúng ta hành động.

Khi nhìn vào mỗi bức ảnh hoặc mỗi tình huống, chúng ta thường có xu hướng ngay lập tức đưa ra nhận định và các ý kiến. Nhưng những ý kiến hay phán xét đó thường đến từ đâu? Tại sao chúng ta lại đưa ra các ý kiến hay phán xét đó?

Niềm tin, kiến thức và sự hiểu biết của chúng ta được tạo ra dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau:

- Kiến thức và kinh nghiệm sẵn có của mỗi cá nhân
- Những điều chúng ta nghe thấy, nhìn thấy trên các phương tiện truyền thông (internet, mạng xã hội, truyền hình, sách báo...)
- Kinh nghiệm của chúng ta dẫn đến những ý kiến mà chúng ta có xu hướng tuân theo.
- Từ những gì chúng ta được dạy từ nhỏ (từ trường học, từ cha mẹ, từ những người xung quanh trong cộng đồng...)
- Từ những điều chúng ta nghe được từ ai đó mà chúng ta tin rằng họ là chuyên gia trong lĩnh vực đó.

Nhưng những gì chúng ta đã nghe, những gì chúng ta được dạy, những gì chúng ta đọc có phải luôn luôn đúng? Thường thì thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào những quan điểm cá nhân của mỗi người. Đôi khi chúng ta suy nghĩ hoặc kết luận về một sự vật, hiện tượng xung quanh chỉ là dựa trên những giả định của bản thân mà không thực sự hiểu rõ lý do tại sao.

Sự hiểu biết của chúng ta sẽ được mở rộng bởi sự tò mò. Bằng cách đặt thêm những câu hỏi khác nhau, chúng ta có thể biết điều chúng ta cho là đúng có thực sự đúng hay không.

Hãy cùng tìm hiểu các ví dụ dưới đây. Các ví dụ này sẽ giúp bạn khám phá những niềm tin của mình và suy ngẫm sâu hơn về những niềm tin đó.

Trong phần 6.4, chúng ta sẽ cùng khám phá niềm tin của bản thân mình về văn hóa và cách chúng ta có thể nhìn nhận những sự khác biệt này theo hướng cởi mở hơn và tôn trọng sự khác biệt hơn.



Nhiệm vụ 1: Nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhà và ở trường

Làm việc theo từng nhóm nhỏ từ 3 đến 4 giáo viên (hoặc có thể làm việc theo nhóm gồm phụ huynh và giáo viên. Bạn có thể thực hiện hoạt động này như một bài tập cá nhân, tuy nhiên sẽ thú vị hơn nếu thảo luận theo nhóm).

Hãy suy nghĩ về cách mà bạn muốn nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhà hoặc ở trường? Việc đó diễn ra cụ thể như thế nào? Tại sao bạn lại mong muốn nuôi dạy trẻ như vậy? Hãy thể hiện kết quả thảo luận bằng cách vẽ ra một bức tranh.



Nhiệm vụ 2: Mô tả những bức tranh

Làm việc theo từng cặp. Hãy cùng xem các bức ảnh phía dưới. Hãy gọi tên những gì bạn nhìn thấy trong từng bức ảnh và chia sẻ những gì bạn đã biết hoặc những gì bạn nghĩ về những hình ảnh đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....





Nhiệm vụ 2: Suy ngẫm

1. Hãy quan sát hình ảnh dưới đây. Có sự khác biệt nào giữa cách mà bạn nghĩ về một người có hình xăm ở phía trên và người có hình xăm ở dưới đây? Tại sao?
2. Bạn biết về những điều mà bạn đã biết như thế nào?
 - Có phải bạn đã viết ra là con hổ trông rất nguy hiểm, đáng sợ? Tại sao bạn biết hổ là loài vật rất nguy hiểm và đáng sợ? Bạn đã bao giờ tận mắt gặp con hổ trong đời thật chưa?
 - Bạn đã mô tả người có hình xăm là “dân xã hội đen” không? Tại sao bạn lại cho rằng người người có hình xăm là “dân xã hội đen”? Tại sao bạn lại nghĩ họ là những người đáng sợ và không tử tế?
 - Những suy nghĩ này đến từ đâu?
3. Bạn đã từng bao giờ cân nhắc liệu những gì mà bạn nghĩ về sự vật hoặc con người xung quanh là luôn luôn đúng hay không?
Khi nhìn vào mỗi bức ảnh hoặc mỗi tình huống, chúng ta thường có xu hướng ngay lập tức đưa ra nhận định và các ý kiến. Sẽ tốt hơn khi hỏi vậy các ý kiến /nhận định này đến từ đâu?
4. Chúng ta học được gì từ những ví dụ trên?
5. Bạn sẽ áp dụng những bài học đó như thế nào?



Nhiệm vụ 3: Cùng khám phá một vài tình huống

Tình huống 1: Bất động

Đi làm về bà Hồng mở cửa thấy ông Vũ nằm bất động trên đi văng. Tủ mở toang, có vết máu tươi ở thành ghế.

Chuyện gì đã xảy ra?

Tình huống 2: Vượt sông

Dù không biết bơi mà chị An lại phải vượt sông sâu 30m bằng đu dây vì cây cầu bắc ngang sông mới bị sập trong trận lũ vừa qua. Không may chị An bị tuột tay.

Số phận chị An sẽ ra sao?

Tình huống 3: Im thin thít

Nghe tiếng động, ngó xuống tầng 1 bà Lệ thấy người đàn ông vừa rời khỏi tủ, tay vẫn cầm tập tiền còn Ngân Giang nằm sóng xoài trên mặt đất không động đậy.

Bà Lệ nên làm gì?



Nhiệm vụ 3: Suy ngẫm

1. Bạn có chắc mình đọc và diễn giải các tình huống một cách chính xác?
 - a. Tình huống 1:
 - Có thể chồng bà Hồng vừa mới đập một con muỗi nên có vết máu trên thành ghế?
 - Có thể không có điều gì xảy ra với chồng bà Hồng, ông ấy chỉ đang nằm ngủ?
 - b. Tình huống 2:
 - Có thể dòng sông đã cạn và An có thể đi bộ qua?
 - Biết đâu có một chiếc thuyền đến đón An?
 - Có thể An bị tuột tay ngay ở điểm xuất phát khi bám vào dây đu?
 - c. Tình huống 3:
 - Có thể người đàn ông đó là chồng của bà Lệ?
 - Có thể Ngân Giang là tên của một chú chó?
2. Hiểu biết của chúng ta được tạo ra như thế nào? Kiến thức, hiểu biết, niềm tin của chúng ta đến từ đâu?
3. Liệu tất cả những gì chúng ta tin cũng luôn luôn đúng? Hãy thử đưa ra một ví dụ khác?
4. Những bài học mà bạn rút ra được từ các ví dụ này là gì?
5. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?



Nhiệm vụ 4: Góc nhìn: Một câu chuyện khác

Trên một chuyến tàu, có một người đàn ông đi cùng bốn người con. Trên tàu, lũ trẻ nghịch ngợm, hò hét, khóc lóc rất ồn ào và không chịu ngồi yên trên ghế. Những hành khách trên toa tàu bắt đầu cảm thấy khó chịu về việc này. Một lát sau, một người đàn ông khác trên tàu đến gần và đề nghị người cha nói với lũ trẻ hãy giữ yên lặng và ngồi im trên ghế. Người cha trả lời: "Tôi xin lỗi, tôi không biết phải nói lũ trẻ như thế nào. Lũ nhỏ đang cảm thấy rất buồn và thất vọng, tôi cũng vậy. Mẹ lũ trẻ vừa qua đời ngày hôm qua. Tôi cũng đã mất đi người bạn đời của mình".



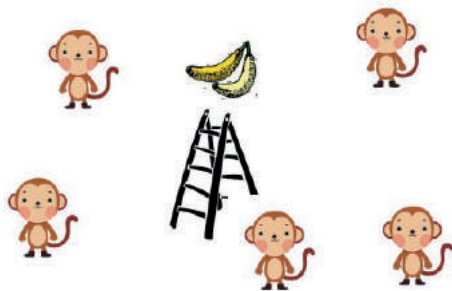
Nhiệm vụ 4: Suy ngẫm

1. Nếu bạn là một hành khách trên chuyến tàu đó, bạn nghĩ gì khi thấy những đứa trẻ đang gây ồn ào đó?
2. Bạn có thay đổi những suy nghĩ của mình sau khi biết những gì đã xảy ra với lũ trẻ ngày hôm qua?
3. Đã có bao giờ những người khác hiểu lầm về bạn vì họ không có đầy đủ thông tin? Đã bao giờ bạn hiểu lầm người khác vì mình thiếu thông tin? Hãy đưa ra ví dụ của mình.
4. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
5. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?



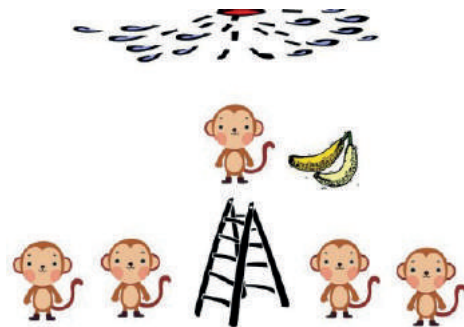
Nhiệm vụ 5: Chúng ta có thực sự hiểu những điều chúng ta đang làm?

Ví dụ 4: Câu chuyện về năm chú khỉ



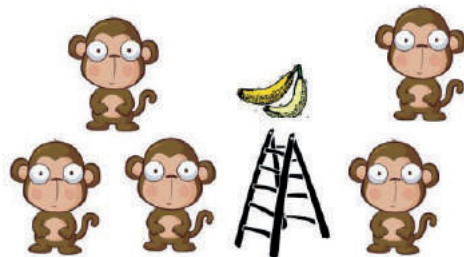
Một nhà nghiên cứu khoa học đã cho 5 chú khỉ cùng vào cùng một khu vườn. Có một nải chuối được treo trên một sợi dây, và có một cái thang dẫn đến nải chuối.

Khi con khỉ đầu tiên đi ăn chuối, nhà khoa học dùng nước đá phun lên đầu cả năm con khỉ trong 5 phút. Một thời gian sau, khi một con khỉ thứ hai thử cố gắng đi lấy chuối, nhà nghiên cứu một lần nữa phun nước lạnh vào cả năm con khỉ trong năm phút. Sau đó, nhà nghiên cứu đặt chiếc vòi đi và không bao giờ chạm vào nó nữa. Tuy nhiên, khi một con khỉ thứ ba cố gắng trèo lên thang để lấy những quả chuối, bốn con còn lại lập tức tấn công nó để ngăn cản nó trèo lên chiếc thang đó. Chúng sợ hình phạt phun nước lạnh sẽ đến ngay sau đó





Nhà khoa học tiếp tục thay thế một con khỉ cũ bằng một con khỉ mới khác. Khi con khỉ này trèo lên thang để lấy chuối, bốn con khác tấn công nó, bao gồm cả con khỉ mới thay vào đợt trước. Cứ như vậy, nhà khoa học tiếp tục thay thế lần lượt tất cả 5 con khỉ cũ. Mỗi khi con khỉ mới tới đi lấy chuối, những con khác lại tấn công, ngay cả khi chúng, với tư cách là những con khỉ mới, chưa bao giờ chịu hình phạt phun nước lạnh lên đầu vì trèo lên để lấy những quả chuối.



1. Hãy đưa ra những ví dụ về những việc mà chúng ta làm "bởi vì đó là cách chúng tôi luôn làm"?
2. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
3. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

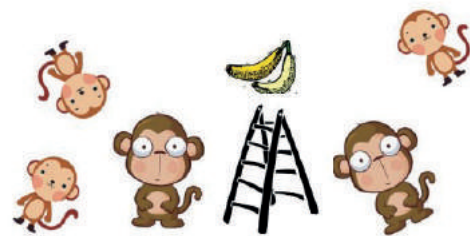
Nguồn: Câu chuyện này dựa trên một nghiên cứu của Stephenson, tuy nhiên trong thí nghiệm của Stephenson không liên quan đến chiếc thang hay những quả chuối. Câu chuyện kể trên là một câu chuyện có liên quan tới nghiên cứu của Stephenson nhưng nó không phải là báo cáo của một thí nghiệm thực tế.

Thông tin tham khảo:

Stephenson, G. R. (1967). *Cultural acquisition of a specific learned response among rhesus monkeys*. In: Starek, D., Schneider, R., and Kuhn, H. J. (eds.), *Progress in Primatology*, Stuttgart: Fischer, pp. 279-288.). https://www.throwcase.com/wp-content/uploads/2015/08/Cultural-Acquisition-of-Specific-Learned-Response_Stephenson_1966.pdf

Pictures: <https://balancedworklife.com/5-monkeys-experiment/>

Sau đó, nhà khoa học thay thế một trong 5 con khỉ đó bằng một con khỉ khác. Con khỉ mới này không tham gia thí nghiệm ban đầu, nó chưa bao giờ bị phun nước lạnh lên đầu. Và ngay khi nó định trèo lên chiếc thang để đi lấy chuối ăn, bốn con khỉ cũ lao tới tấn công và ngăn cản nó thực hiện ý định. Nếu nó cố gắng một lần nữa, những con còn lại tấn công nó thêm một lần nữa. Dần dần, con khỉ mới học được rằng không nên trèo lên thang để lấy những quả chuối vì nó sẽ bị tấn công ngay lập tức.



Và do đó, tất cả những con khỉ mới dù chưa bao giờ bị dội nước lạnh lên đầu, đã học được rằng không nên nỗ lực lấy những quả chuối đó.

Sau thí nghiệm đó, các nhà nghiên cứu đưa ra giả thuyết rằng, nếu họ hỏi những con khỉ tại sao chúng không trèo lên thang để lấy chuối ăn, tất cả chúng sẽ trả lời "bởi vì đó là cách mà chúng luôn làm".



Nhiệm vụ 6: Giả định

Bạn nhìn thấy gì trong vòng tròn màu đỏ dưới đây? Tại sao bạn lại nghĩ như vậy?

A **B** C

Chúng ta thấy ba chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái. Chúng ta giả sử rằng trong biểu tượng trong hình tròn là B.

Bạn nhìn thấy gì trong vòng tròn màu xanh dưới đây? Tại sao?

12 **13** 14

Chúng ta thấy một dãy số. Chúng tôi giả định rằng ký hiệu trong vòng tròn là 13.

B hay 13?

A **B** C 12 **13** 14

Cả hai chuỗi đều có **cùng** chung một biểu tượng ở giữa!

Nhưng do sự sắp xếp những chữ số/chữ cái bên cạnh mà chúng ta **cho rằng** trong vòng tròn dãy thứ nhất là chữ B và dãy thứ hai là số 13. Suy nghĩ của chúng ta bị ảnh hưởng bởi yếu tố xung quanh và dẫn đến việc đưa ra các giả định. Các giả định có thể sai. Có thể dãy đầu tiên là "A13C" và dãy thứ hai là "12B14"?



Nhiệm vụ 6: Suy ngẫm

1. Chúng ta học được gì từ những ví dụ trên?
2. Bạn có ví dụ hay tình huống nào tương tự trong thực tế?
3. Sự hiểu biết của chúng ta sẽ được mở rộng nhờ vào khả năng hoài nghi và đặt câu hỏi tò mò của chúng ta. Trong các ví dụ trên, để có thêm thông tin chúng ta nên hỏi những câu hỏi nào?
4. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?



Nhiệm vụ 7: Hãy cùng quay trở lại nhiệm vụ 1 về chăm sóc trẻ ở trường và tại nhà.

Trong nhiệm vụ 1, bạn đã vẽ một bức tranh thể hiện mong muốn nuôi dạy trẻ ở nhà cũng như ở trường.

1. Hãy đưa ra các ví dụ về những niềm tin hay góc nhìn của cá nhân bạn dẫn đến việc bạn thể hiện bức tranh như vậy?
2. Sau khi tham gia các nhiệm vụ ở trên, có điều gì bạn muốn thay đổi trong những mong muốn nuôi dạy trẻ của mình mà bạn đã thể hiện trong bức tranh? Những điều bạn muốn thay đổi là gì?
3. Tại sao bạn lại muốn thay đổi những điều đó?
4. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
5. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

Từ những nhiệm vụ trên, chúng ta đã học được rằng không phải lúc nào chúng ta cũng biết tại sao chúng ta làm một số việc nhất định hoặc tại sao chúng ta tin vào một số điều nhất định. Đôi khi chúng ta xem xét các tình huống từ một góc nhìn, nhưng ở một góc nhìn khác sẽ đưa ra một câu trả lời khác. Đôi khi chúng ta suy nghĩ hoặc kết luận vấn đề dựa trên những giả định, nhưng chúng ta chưa thực sự hiểu sâu tại sao chúng ta có các giả định đó.

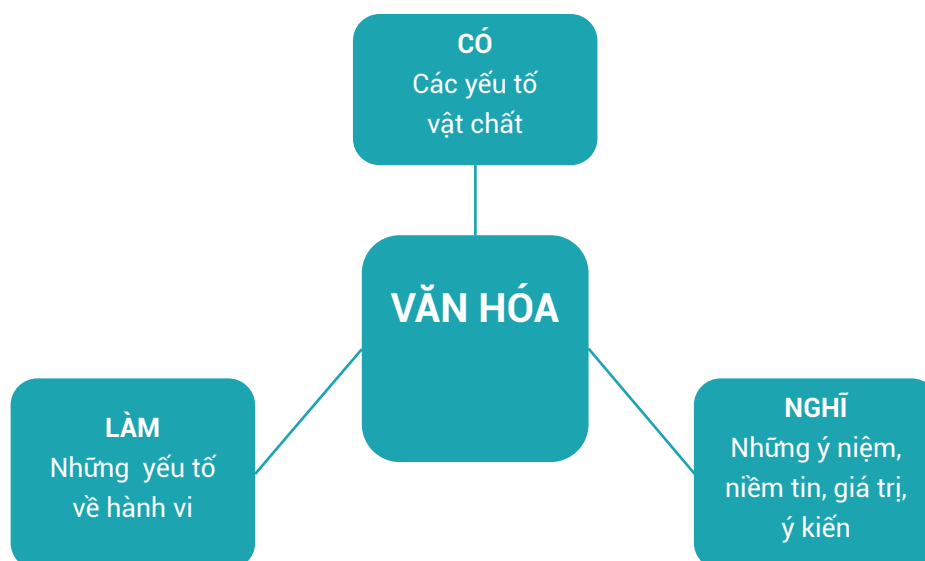
Sự hiểu biết của chúng ta sẽ được mở rộng nếu chúng ta luôn tò mò, muốn tìm hiểu thêm, và đặt các câu hỏi cho bản thân mình. Bằng cách đặt thêm những câu hỏi, chúng ta có thể biết điều chúng ta cho là đúng có thực sự đúng hay không. Niềm tin của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến cách chúng ta nghĩ và nhìn nhận về các nền văn hóa khác nhau. Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ cùng khám phá niềm tin của bản thân mình về văn hóa và cách chúng ta có thể nhìn nhận những sự khác biệt này theo hướng cởi mở hơn và tôn trọng sự khác biệt hơn.

6.4. Làm thế nào để đề cao sự đa dạng văn hóa?

1) Văn hóa là gì?

Thông thường, chúng ta thường nghĩ về văn hóa như một yếu tố đặc biệt mà con người có thể nhìn thấy trong cộng đồng của họ (chẳng hạn như các lễ hội, phong tục truyền thống, thực hành nghi lễ, v.v.). Văn hóa không chỉ là vật thể, nó là một quá trình. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa. Gary Ferraro (1995) đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: **"Văn hóa là những gì con người CÓ, những gì con người NGHĨ và những gì con người LÀM trên vai trò là một thành viên của xã hội"**. Vì vậy, trên thực tế, văn hóa là tất cả những gì diễn ra trong cộng đồng.

Văn hóa là những đặc điểm và kiến thức của một nhóm người cụ thể, bao gồm ngôn ngữ, tôn giáo, ẩm thực, những thói quen xã hội, âm nhạc và nghệ thuật. Mỗi thực hành hàng ngày của một cộng đồng luôn có một câu chuyện đằng sau nó và điều này có thể nói lên những điều đặc trưng của cộng đồng đó.



Nhiệm vụ 1: Những phong tục khác nhau

Phần a

1. Hãy xem bức ảnh dưới đây tại sông Hằng ở Ấn Độ.
2. Nhiều người dân Ấn Độ coi sông Hằng là dòng sông linh thiêng. Bạn có biết gì về các phong tục và nghi lễ được diễn ra ở sông Hằng không? Hãy tìm một vài thông tin về phong tục này.
3. Bạn nghĩ gì về những tục lệ hay văn hóa tâm linh của người dân nơi đây?
4. Bạn cảm thấy như thế nào?



Phần b

1. Ở miền Bắc Việt Nam, người dân có tục lệ "cải táng" và "thay nhà mới" trong văn hóa người Kinh. Bạn có biết về phong tục văn hóa này không?
2. Phong tục "cải táng" và "thay nhà mới" của người Việt có ý nghĩa gì?
3. Theo bạn những người không biết phong tục này, họ sẽ nghĩ gì về nó?
4. Bạn có biết bất kỳ nghi lễ mai táng nào khác ở Việt Nam hay trên thế giới không?



Nhiệm vụ 2: Suy ngẫm

1. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
2. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

2) Định kiến, khuôn mẫu, kỳ thị là gì?

Khi nói đến những khác biệt về văn hóa hoặc những sự khác biệt khác (như trong các ví dụ đã nêu ở trên), chúng ta có xu hướng tập trung đến các yếu tố như dân tộc, ẩm thực, ngôn ngữ, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, tín ngưỡng, địa lý, tuổi tác, giới tính.... Những điểm khác biệt này được gắn nhãn và dùng để phân biệt giữa “chúng tôi / chúng ta” và “họ / người ta”. Thông thường, chúng ta hay gắn các thuộc tính tiêu cực với sự khác biệt, còn được gọi là những **khuôn mẫu**. Đôi khi chúng ta nhanh chóng hình thành các ý tưởng và nhận xét không dựa trên những sự thật hoặc kinh nghiệm mà dựa trên những ý tưởng đã có từ trước. Đây được gọi là **định kiến**.

Điều này tập trung vào sự khác biệt, cùng với việc dán nhãn và khuôn mẫu, dẫn đến một số nhóm nhất định bị **kỳ thị**. Họ thường bị coi là kém cỏi và không đáng coi trọng.

Định kiến và khuôn mẫu có thể dẫn đến **phân biệt đối xử**. Toàn bộ quá trình dẫn đến sự mất cân bằng vị thế trong xã hội.

Quá trình này dựa trên những nhận thức chủ quan, hoặc những khái quát đơn thuần từ một vài quan điểm của cá nhân cho cả một cộng đồng dân tộc. Những nhận thức hoặc hành vi này có thể là vô thức hoặc có ý thức. Định kiến được lan truyền qua các phương tiện truyền thông, giáo dục, tin đồn, trong gia đình và các tổ chức.

Thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích
Khuôn mẫu	Khuôn mẫu là những hình ảnh hoặc ý tưởng cố định và được đơn giản hóa rộng rãi về một nhóm người hoặc sự vật cụ thể.
Định kiến	Định kiến là sự thiên vị trong cách nghĩ về ai đó / điều gì đó. Định kiến có thể dựa trên những khuôn mẫu.
Phân biệt đối xử	Phân biệt đối xử là sự đối xử bất công hoặc thành kiến đối với các nhóm người hoặc vật khác nhau.



Nhiệm vụ 3: Hãy tìm những câu nói bao hàm định kiến trong các ví dụ dưới đây:

1. Hãy đọc các đoạn văn ngắn dưới đây được trích từ các báo và tạp chí:

Xuất thân là một người H'mong, nhưng kết quả học tập của Sèo A Dính luôn đứng đầu lớp. Chúng ta cần giúp đỡ đồng bào vùng cao chuyển từ ở nhà sàn xuống nhà trệt để phù hợp với đời sống mới

Đúng với cái chất thật thà, chân chất của người miền núi, Giàng Seo Mi bảo tôi: "cái đất này là nơi nuôi tao, nó cũng sẽ là nơi đưa tao về với ông bà, tao không đi đâu cả".

Không có được vẻ hoạt bát, giọng nói truyền cảm và vóc dáng thanh tú hay trang phục thời trang như người Kinh ở thành phố, vẻ đẹp núi rừng của Vừ Sinh vẫn đủ làm say lòng bao gã đàn ông thành phố như tôi.

2. Hãy tìm những định kiến, khuôn mẫu và sự kỳ thị trong các câu trên không?
3. Hãy đưa ra những ví dụ khác về khuôn mẫu, kỳ thị và thành kiến không?
4. Bạn đã bao giờ bị định kiến hoặc kỳ thị chưa? Hãy mô tả lại trường hợp của mình.
5. Hậu quả của những định kiến và kỳ thị đó là gì?
6. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
7. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

Nhiều trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số không chỉ gặp khó khăn trong việc học một ngôn ngữ mới mà còn gặp khó khăn trong việc hiểu những gì được dạy ở trường do nội dung bài học trong nhiều trường hợp không được kết nối với cuộc sống hàng ngày của trẻ. Điều này dẫn đến những niềm tin sai lầm về việc học sinh là người dân tộc thiểu số năng lực thường kém hơn so với học sinh người Kinh. Những niềm tin này có ảnh hưởng đến những kỳ vọng và phương pháp sư phạm của giáo viên, từ đó có tác động tiêu cực trực tiếp đến kết quả học tập của học sinh.

3) Làm thế nào để tôn trọng và đề cao sự đa dạng văn hóa?

Tôn trọng sự đa dạng có nghĩa là **khám phá sự khác biệt giữa con người, cộng đồng, quần thể trong một môi trường an toàn, tích cực và được trân trọng**, không có khuôn mẫu, định kiến và kỳ thị.

Điều đó cũng có nghĩa là **hiểu nhau và làm việc cùng nhau với lòng khoan dung để bạn có thể tận dụng tối đa cá tính độc đáo mà mỗi cá nhân mang lại**.

Điều này dẫn đến tất cả mọi người và cộng đồng tự hào và tự tin về văn hóa của chính mình.



Nhiệm vụ 4: Cùng thảo luận

1. Hãy trò chuyện cùng một đồng nghiệp hoặc một thành viên trong cộng đồng để nói về những điều đã học được trong chương này. Bạn có thể học được gì từ những người khác?
2. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
3. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

Bạn có thể tham khảo một số ý tưởng dưới đây để có thể nhìn lại niềm tin của mình về các cộng đồng dân tộc thiểu số và cách bạn có thể chiêm nghiệm sự khác biệt về văn hóa. Khi giáo viên tìm hiểu và mở rộng quan điểm của họ, các phương pháp sư phạm sẽ được cải thiện. Những ý tưởng dưới đây có thể trở thành một phần của công tác phát triển chuyên môn giáo viên (xem Phần 4).

- Học ngôn ngữ bản địa. Điều này sẽ giúp giáo viên có thể kết nối với học sinh và cộng đồng tốt hơn.
- Thành lập các nhóm đọc sách với sự tham gia của giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường. Chia sẻ và đọc tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau về các chủ đề liên quan đến dân tộc thiểu số, đa dạng văn hóa, chăm sóc và phát triển trẻ em, v.v. Hãy suy ngẫm về cách mà các phương tiện truyền thông đang khắc họa và củng cố hình ảnh của các cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Chia sẻ với nhau: chia sẻ về các bài học và kinh nghiệm, và các tài liệu giảng dạy trên lớp - tích hợp vào trong các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tuần tại trường. Thúc đẩy sự thảo luận và suy ngẫm của giáo viên về các chủ đề cụ thể.
- Giờ chiếu phim: xem phim và cùng nhau thảo luận các vấn đề về chủng tộc, bình đẳng giới và những nhóm người thổ dân trên khắp thế giới.
- Tổ chức các chuyến thăm quan học tập để chia sẻ kinh nghiệm và học từ các đơn vị trường khác, từ các đơn vị kinh doanh, hay các doanh nghiệp xã hội về nội dung đa dạng văn hóa và làm thế nào để áp dụng đa dạng văn hóa vào trong môi trường làm việc.

Sự tham gia từ cộng đồng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động trải nghiệm học tập văn hóa của giáo viên và của chính cộng đồng đó. Trải nghiệm này giúp những người tham gia có vị trí bình đẳng để học hỏi và chia sẻ:

- Tổ chức những buổi thao giảng về các thực hành văn hóa địa phương giữa giáo viên và phụ huynh.
- Chia sẻ của phụ huynh và cộng đồng về những kiến thức bản địa ví dụ kiến thức về nông nghiệp hay các kỹ năng sinh tồn trong rừng...
- Tổ chức những buổi kể chuyện bên bếp lửa.

Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu thêm về cách thu thập những câu chuyện văn hóa từ cộng đồng và sử dụng những câu chuyện này để tổ chức các hoạt động học tập vui và giàu ngôn ngữ ở trường mầm non.

Chương 7: Sử dụng bối cảnh địa phương và những cách nhìn mới về văn hóa trong môi trường lớp học



Mục tiêu của chương này là:

- Giúp giáo viên có thể **thu thập** những tài liệu (bài hát, truyện dân gian, truyện truyền miệng ...) về văn hóa tại địa phương
- Đưa ra các hướng dẫn cụ thể để giáo viên **thiết kế** các hoạt động học thông qua chơi và giàu ngôn ngữ và sự tương tác mà sử dụng các câu chuyện và tài liệu đã thu thập được bằng các:
 - Sử dụng những kỹ thuật khác nhau tại góc chơi
 - Sử dụng các cách khác nhau để đưa ra các câu hỏi
 - Sử dụng các phương pháp kể chuyện
- Giúp giáo viên thử nghiệm và suy ngẫm về việc tổ chức các hoạt động trong lớp học
- Đưa ra các tình huống cụ thể giúp bạn có thể hiểu hiểu phương pháp tạo ra môi trường học tập đa dạng về văn hóa
- Giúp giáo viên nhìn nhận lại các phương pháp thực hành đang sử dụng và tìm ra các cách để cải thiện các thực hành đó

7.1. Giới thiệu

Rất nhiều trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số khi đến trường không những gặp khó khăn trong việc học một ngôn ngữ mới mà còn có những thách thức với trẻ trong việc hiểu những nội dung được dạy ở trường do nội dung đó không liên quan tới đời sống hàng ngày của trẻ.

Mặc dù có nhiều ví dụ về các sản phẩm địa phương được sử dụng làm vật trang trí hoặc cho các sự kiện đặc biệt, nhưng giáo viên cảm thấy khó khăn khi sử dụng văn hóa địa phương của trẻ để thiết kế các hoạt động học tập có ý nghĩa hoặc để điều chỉnh nội dung chương trình GDMN sao cho phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương.

Học sinh dân tộc thiểu số hiếm khi được đại diện hoặc ít được nêu trong tài liệu giảng dạy và học tập. Tài liệu giảng dạy và học tập hiếm khi bao gồm những câu chuyện tích cực và nâng cao vị thế của các dân tộc thiểu số.

Nhiều phụ huynh không thông thạo tiếng Việt, điều này làm ảnh hưởng đến sự tương tác giữa giáo viên với phụ huynh, cũng như ảnh hưởng đến sự tham gia của phụ huynh vào hoạt động giáo dục ở trường/ lớp.

Vậy nhà trường có thể làm gì để thay đổi?

Như đã được trình bày trong Phần 1 và 2, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các giao tiếp hàng ngày không những có lợi cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ (bao gồm cả tiếng Việt!) mà còn tạo ra một trường học an toàn và thân thiện, nuôi dưỡng trẻ em từ các dân tộc thiểu số khác nhau.

Một số hoạt động đề xuất:

- ❑ Thành lập các nhóm phụ huynh và giáo viên để thu thập tài liệu văn hóa từ nhiều nguồn khác nhau (ví dụ từ những người có uy tín trong làng, người lớn tuổi, các tài liệu, Internet, v.v.) và lưu giữ những tư liệu này dưới nhiều hình thức khác nhau (tài liệu giảng dạy, trò chơi, kịch, sách, phim tài liệu, triển lãm, bài đăng trên mạng xã hội, v.v.).
- ❑ Thiết kế các mô hình học tập dựa theo dự án: một chủ đề có thể được thảo luận dưới góc độ của các nền văn hóa khác nhau và với sự đóng góp khác nhau (ví dụ: lúa gạo, thực vật, động vật, lễ hội, v.v.).
- ❑ Thảo luận cùng trẻ về các vấn đề và các hoạt động xung quanh cuộc sống hàng ngày của trẻ. Sự đa dạng là ở những điều lớn và nhỏ. Nói chuyện với trẻ về những đa dạng trong cuộc sống hàng ngày khi có cơ hội đề cập về các hoạt động thường ngày: ẩm thực (không chỉ nói tới món ăn đó là gì, mà nên thêm các chi tiết liên quan), khi nào trẻ đi ngủ, tầm quan trọng của các trang phục trong những dịp nhất định, cách trẻ xưng hô với người lớn tuổi, cách trẻ gọt trái cây,...
- ❑ Triết học cho trẻ em: Thảo luận với trẻ về những vấn đề chưa có câu trả lời rõ ràng, ví dụ: Siêu nhân là gì và những đặc điểm của một siêu nhân là gì? Hỏi ý kiến của trẻ và để trẻ lắng nghe lẫn nhau.
- ❑ Sử dụng tiếng mẹ đẻ của trong lớp học thông qua các hoạt động trao đổi, giao lưu ngôn ngữ giữa các trẻ, giữa trẻ với giáo viên, giữa giáo viên với nhau. Khi cô đến trường, cô có thể chào trẻ bằng ngôn ngữ của trẻ.
- ❑ Tổ chức những chuyến thăm quan tới thôn bản nơi trẻ sống và đề nghị trẻ làm hướng dẫn viên.

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu cách giáo viên có thể thu thập các tư liệu từ văn hóa địa phương và làm thế nào để giáo viên có thể sử dụng các tư liệu về văn hóa địa phương trong môi trường lớp học.

7.2. Thu thập các tư liệu về văn hóa địa phương từ cộng đồng

Nếu chúng ta muốn đưa các yếu tố cộng đồng, bối cảnh và văn hóa của trẻ em vào môi trường lớp học, thì chúng ta cần thu thập các tư liệu văn hóa đó từ nhiều nguồn khác nhau. Vậy làm thế nào để làm được điều đó?

Thông qua việc khuyến khích sự tham gia của cha mẹ và cộng đồng, giáo viên và cha mẹ có thể cùng đưa ra các giải pháp nhằm giáo dục trẻ tốt hơn. Bằng cách làm việc cùng nhau, giáo viên và phụ huynh có thể khám phá thêm nhiều ý tưởng và niềm tin mới từ nhau khi nói đến sự khác biệt về văn hóa và cách nuôi dạy / dạy dỗ con cái. Trong cuốn tài liệu này, chúng tôi gợi ý một số cách khả thi để thực hiện nội dung này. Tuy nhiên việc này có thể được điều chỉnh theo nhu cầu và bối cảnh nơi bạn làm việc, hoặc thậm chí bạn có thể phát triển các cách tiếp cận khác phù hợp hơn với mình?

1) Làm thế nào để thu thập các câu chuyện?

1. **Hãy tỏ ra ngạc nhiên khi chia sẻ những kỷ niệm thời thơ ấu:** Thông qua một buổi chia sẻ về những ký ức tuổi thơ, cha mẹ và giáo viên sẽ hiểu được câu chuyện khó quên đằng sau mỗi đồ vật bình dị mà họ mang đến để chia sẻ. Đôi khi, những đồ vật bình thường đối với người này nhưng lại là một món đồ đặc biệt và có ý nghĩa với những người khác. Để hiểu một người, đặc biệt là một đứa trẻ, chúng ta không nên coi đó là điều hiển nhiên, hãy cởi mở và thể hiện sự ngạc nhiên. Nội dung này sẽ mở ra một không gian an toàn cho những người tham gia chia sẻ suy nghĩ của họ và gần gũi với nhau hơn.

Tại sao? Văn hóa không chỉ là những gì chúng ta có và làm, mà nó còn bao gồm những điều chúng ta nghĩ. Tại sao chúng ta làm những điều mà chúng ta đang làm? Điều gì ẩn chứa đằng sau những niềm tin? Những người tham gia sẽ cùng suy ngẫm sâu hơn về thực hành hàng ngày và từ đó nhận thấy các đặc điểm văn hóa của mình.

Thông qua buổi giao lưu này, phụ huynh và giáo viên có cơ hội khám phá những nét văn hóa trong cộng đồng. Đối với một số giáo viên, đây sẽ là lần đầu tiên được tìm hiểu sâu về văn hóa của các dân tộc khác mặc dù họ đã làm việc ở địa phương trong một thời gian dài. Thông qua những buổi trao đổi này sẽ nâng cao sự tự tin của phụ huynh và hỗ trợ họ trở nên tự hào về bản sắc văn hóa của mình.

2. Giáo viên cần lắng nghe và sử dụng **những câu chuyện cũng như kinh nghiệm của trẻ** (điểm hành động 4) để xây dựng các hoạt động. Đây có thể là những điều mà trẻ chia sẻ về những gì xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Ví dụ:

“Cô ơi, mẹ con đã đi chợ vào cuối tuần để mua đồ ăn cho cả nhà ạ”

“Cô ơi, ba con sẽ làm món “Cơm lam” trong ngày sinh nhật của con”

“Cô ơi, hôm qua con đã giúp mẹ rửa bát đấy ạ.”

“Cuối tuần thật là vui cô ạ, cả nhà con đã đi ăn kem đấy!”.

2) Làm thế nào để thu thập và mô tả lại các câu chuyện?

Các câu chuyện văn hóa địa phương sẽ như thế nào? Nếu câu chuyện chỉ mới đề cập đến các tác phẩm nghệ thuật, lễ hội hay tập tục thì cũng chưa đủ. Các câu chuyện thu thập nên chi tiết, nêu được ý kiến về các yếu tố này nói lên điều gì?

- Mô tả lại toàn bộ bối cảnh của câu chuyện. Bạn có thể sử dụng câu hỏi Tại sao, Ai, Ở đâu, Khi nào, và Như thế nào khi mô tả các câu chuyện. Câu hỏi **Tại sao** rất quan trọng! Khi sử dụng những câu hỏi này giúp bạn có thể hiểu văn hóa là những gì con người **có**, con người **làm** và những gì con người **nghĩ**. Cách con người **suy nghĩ** sẽ giải thích tại sao họ làm những gì họ đang **làm**.
- Cần đảm bảo rằng tất cả thông tin là chính xác. Cần hỏi nhiều người để xác minh thông tin hơn là chỉ hỏi một người. Hỏi những người biết thông tin, ví dụ những người lớn tuổi thường có đầy đủ kiến thức nền tảng về các tập quán văn hóa.
- Tìm ý nghĩa cơ bản ẩn chứa đằng sau của những tập tục văn hóa đó.
- Bổ sung thêm các hình ảnh và minh họa.
- Đảm bảo câu chuyện có trọng tâm chính thu hút sự chú ý của người đọc.

Dưới đây là ví dụ về một vài câu chuyện đã được thu thập bởi giáo viên và phụ huynh tại xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, Kon Tum với sự giúp đỡ của iSEE.



Ví dụ: Nghề đan lát

Ông A Chong ở thôn Vang Hra, xã Đak Ui, huyện Đak Hà, tỉnh Kon Tum là người làm nghề đan lát truyền thống. Đan lát là nghề có từ lâu đời, truyền từ đời nay sang đời khác và được lưu giữ đến ngày hôm nay. Và tới bây giờ con cháu ông vẫn tiếp tục nghề truyền thống đó. Có lẽ ngay từ khi sinh ra họ đã bao bọc bởi những cánh rừng bạt ngàn tre trúc, nứa và nhờ đó tâm hồn của họ luôn chất phác mộc mạc và gần gũi với thiên nhiên được thể hiện qua các sản phẩm đan lát của mình. Rất nhiều sản phẩm và đồ dùng được người dân nơi đây làm ra từ tre, trúc. Để làm ra các sản phẩm này cần rất nhiều công sức, sự tỉ mỉ, khéo léo, tìm tòi loại tre thích hợp để đan lát. Đó là những cây thẳng, không quá già, không quá non và thừa đốt để khi đan không bị gãy, dễ dàng trong việc lện vành. Cây mang về đốn khúc, chẻ nhỏ, vuốt chuốt trơn tru và phơi khô thì bắt đầu đan thành sản phẩm. Khó nhất là công đoạn lện vành đòi hỏi phải có đôi bàn tay chắc khỏe. Các sản phẩm nơi đây là từ trẻ phục vụ cho đời sống hàng ngày như thúng, nia, rổ, rá, sàng, gùi, giỏ đựng cua, cá đã giúp người dân dễ dàng hơn trong mọi công việc của mình. Và cho đến bây giờ nghề đan lát vẫn được lưu giữ và thực hiện cho đến bây giờ.





Ví dụ: Lễ thôi nôi

Ngày mà đứa trẻ chào đời sẽ được cả gia đình và làng xóm đều hân hoan chào đón. Nhưng họ khá dè dặt trong năm đầu của đứa trẻ. Cho đến khi ngày đứa bé tròn 1 tuổi thì cả gia đình mới vui mừng làm một cái lễ đón chào thành viên bé nhỏ ấy. Đó chính là lễ thôi nôi.

Lễ thôi nôi của người dân tộc Sơ Rá tại huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Lễ này có sự đa dạng về phong tục của từng miền và từng hộ dân. Nhưng chung quy lại, thì trong lễ thôi nôi sẽ có những nghi thức không thể thiếu như: Gia đình sẽ nuôi hoặc mua một con heo hay gà (tùy vào khả năng tài chính của mỗi nhà). Đến ngày thôi nôi của bé, gia đình sẽ cho đứa bé lấy tay phải sờ lên người con heo hay con gà với ý



nghĩa thông báo cho trời và các thần linh biết là hôm nay gia đình làm lễ thôi nôi cho cháu. Sau đó gia đình sẽ thịt con heo hay con gà ấy, để lấy lá gan (đã luộc chín) đặt lên đầu của cháu bé. Ông bà, cha mẹ và những người tới chúc mừng cháu cũng sẽ thay nhau đặt lá gan đó lên đầu cháu với ý nghĩa chúc cho cháu mạnh khỏe, không ốm đau, bệnh tật, thông minh, học giỏi. Còn lại thịt và bộ phận khác của heo hay gà sẽ đem chế biến thành các món ăn khác nhau để chiêu đãi người đến tham dự lễ thôi nôi.



Ví dụ: Ngủ rừng

Một nhóm lửa nhỏ, một nhà tạm hay một túp lều dựng đơn sơ nằm giữa rừng hay giữa những quả đồi cà phê. Ở đó, có cả một gia đình vui vẻ, quây quần trong màn đêm tối giữa thiên nhiên đại ngàn.

Ngủ rừng – có lẽ là một cụm từ xa lạ với rất nhiều người, nhưng ở nơi đây (xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, Kon Tum) thì vô cùng quen thuộc. Như có một sợi dân gắn kết giữa rừng núi và con người nơi đây, rừng đối với họ là một điều không thể thiếu. Rừng chính là nơi họ tìm kiếm thức ăn như: Sắn, mì, chuối, sâm, măng...





Ngày trước phương tiện đi lại chủ yếu là đi bộ lên rừng nên những người đi làm rẫy chọn cách ngủ lại rừng để tiết kiệm thời gian đi lại, họ dựng lều hoặc nhà tạm trên rừng để ngủ. Lâu dần, việc ngủ rừng không còn là do đường xa mà nó như là một văn hóa, niềm hạnh phúc của người dân nơi đây. Ngủ rừng, có nhiều gia đình còn đi cả tuần cả tháng, đối với họ rừng là nơi bình yên nhất mà họ có thể cảm nhận được.

Bên cạnh đó, những gia đình ở đây đều có nương rẫy ở xa xa những quả đồi; Trên những quả đồi ấy họ sẽ trồng những loại cây quả để sinh sống như: Củ mì, cà phê, chuối... cũng ở những quả đồi ấy, họ dựng lên một căn lều hay một nhà tạm để có thể tránh mưa gió hay canh những nông sản trong vụ mùa. Vào những ngày mùa vụ, đàn ông thường ngủ lại để trông các cây trái. Phụ nữ và người già sẽ về nhà để chăm lo cho những đứa con đi học. Rồi đến cuối tuần, niềm vui nhỏ bé của những đứa con là được cùng mẹ và ông bà đi ngủ rừng. Ban ngày, những người lớn thì làm nương làm rẫy, đi vào sâu vào rừng để tìm cây trái, củ rừng ăn. Phụ nữ và người già thì ngồi đan lát, còn những đứa bé lớn thì phụ bố mẹ trông những đứa em nhỏ. Mỗi người mỗi việc cho đến tối. Màn đêm buông xuống, cả gia đình cùng nhóm một đống lửa và cứ thế quây quần bên nhau.

Niềm hạnh phúc đơn sơ ấy là mối gắn kết bền chặt nhất của người Tơ Đra ở Đắk Ui với núi rừng. Rừng không chỉ là vàng là bạc mà là cả linh hồn của người dân nơi đây.



Nhiệm vụ: Hãy thu thập những câu chuyện riêng của mình

1. Hãy làm việc cùng trẻ và phụ huynh học sinh để thu thập những câu chuyện văn hóa địa phương như được mô tả ở trên?
2. Điều gì làm bạn thấy thú vị?
3. Bạn đã thu thập được những câu chuyện hay những ý tưởng mới nào?
4. Câu chuyện của bạn có được mô tả chi tiết không? Bạn có cần bổ sung thêm thông tin không?
5. Những bài học mà bạn rút ra được từ ví dụ này là gì?
6. Bạn sẽ áp dụng các bài học đó trong tương lai như thế nào?

7.3.Thiết kế các hoạt động vui chơi và giàu tương tác ngôn ngữ

1) Rà soát và lựa chọn các câu chuyện/ tư liệu văn hóa đã được thu thập

Bạn đã thu thập được nhiều câu chuyện mô tả về những phong tục văn hóa tại địa phương. Giáo viên có thể làm việc theo nhóm và thảo luận các câu chuyện này. Không phải tất cả các câu chuyện đều phù hợp với độ tuổi trẻ mầm non hoặc liên quan tới những sở thích của trẻ. Việc lựa chọn các câu chuyện dựa từ quan điểm của trẻ là rất quan trọng. Khi làm việc cùng nhau, giáo viên có thể lựa chọn câu chuyện nào là câu chuyện phù hợp giáo viên muốn đem vào dạy trong lớp. Dưới đây là một vài gợi ý để giúp bạn đưa ra quyết định cho việc lựa chọn các câu chuyện:

- ❑ Câu chuyện nào có thể thiết kế được các hoạt động học vui nhộn?
- ❑ Câu chuyện nào có thể tạo ra sự tham gia cao nhất của trẻ em?
- ❑ Câu chuyện nào sẽ phù hợp với độ tuổi của trẻ?
- ❑ Câu chuyện nào liên quan đến chủ đề trọng tâm của lớp học trong tuần/ tháng đó (Lưu ý: Các câu chuyện có thể được liên kết với chủ đề học, nhưng bản thân câu chuyện cũng có thể là một chủ đề học của lớp).

Dưới đây là một vài ví dụ phong tục văn hóa địa phương liên quan đến trẻ. Đây có thể là những câu chuyện văn hóa do giáo viên và phụ huynh sưu tầm, nhưng cũng có thể là những câu chuyện được các em chia sẻ trong lớp học.



Ví dụ: Lễ mừng lúa mới

Khi vụ mùa mới vừa được thu hoạch xong tại thôn Kon Năng Treang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, những người dân Sê Đăng sẽ tổ chức ăn mừng lúa mới. Họ ăn uống cùng nhau. Họ sẽ cùng nhau nhảy một điệu nhảy đặc biệt, trong đó đàn ông và phụ nữ nắm tay nhau và miêu tả những cảnh trong cuộc sống hàng ngày. Cùng với điệu nhạc, mọi người cầu chúc may mắn, sức khỏe và một vụ mùa bội thu trong tương lai.



Ví dụ: Ăn kem

Hôm nay, Lệ đi học và trong giờ hoạt động vòng tròn Lệ đã chia sẻ với cô giáo và các bạn trong lớp rằng ngày hôm qua mình được đi ăn kem. Cô giáo đã hỏi Lệ một vài câu hỏi về điều đó. Gia đình Lệ đã ăn mừng vì lý do gì? Lệ thích vị kem nào? Các bạn khác trong lớp có thích ăn kem không? Lệ đã đi ăn kem ở đâu?



Nhiệm vụ: Lựa chọn một câu chuyện trong số những tư liệu bạn đã thu thập được.

Xem lại các tài liệu và câu chuyện đã thu thập và chọn những gì bạn muốn làm việc trong lớp học của mình:

1. Câu chuyện nào có thể thiết kế được các hoạt động học vui nhộn?
2. Câu chuyện nào có thể tạo ra sự tham gia cao nhất của trẻ em?
3. Câu chuyện nào sẽ phù hợp với độ tuổi của trẻ?
4. Câu chuyện nào liên quan đến chủ đề trọng tâm của lớp học trong tuần/ tháng đó?

2) Thiết kế hoạt động

Rà soát lại các tài liệu văn hóa hoặc câu chuyện đã được chọn và bắt đầu suy ngẫm để thiết kế một số hoạt động góc có liên quan đến chủ đề của câu chuyện hoặc tài liệu văn hóa địa phương. Cần hỏi trẻ về những gì trẻ muốn được học hoặc trẻ quan tâm đến. Trẻ cũng có thể được tham gia vào quá trình thảo luận, suy ngẫm. Bắt đầu thiết kế từng hoạt động. Cần đảm bảo các hoạt động được thiết kế ra có ý nghĩa, vui và giàu tương tác ngôn ngữ (áp dụng các kỹ năng được viết trong Phần 2 của tài liệu). Ngoài ra, khi thiết kế các hoạt động cũng cần đảm bảo không củng cố những định kiến.



Ví dụ hoạt động 1: Lễ mừng lúa mới

Loại hoạt động	Giờ vòng tròn: Khám phá chủ đề
Nhóm trẻ	Tất cả trẻ trong lớp hoặc trong các nhóm nhỏ từ 5 đến 6 trẻ mỗi nhóm.
Đồ dùng	Một tờ giấy khổ lớn hoặc một bảng trắng, bút viết bảng; Các tranh/ ảnh về việc thu hoạch vụ mùa
Quá trình	Giáo viên chiếu một số hình ảnh thu hoạch ở làng quê và giới thiệu chủ đề. Lễ hội sau vụ thu hoạch trông như thế nào và điều gì diễn ra? Các con muốn tìm hiểu về điều gì? Mọi đóng góp của các em đều được liệt kê bằng lời nói và hình ảnh trên sơ đồ tư duy.
Từ vựng	Lễ hội, lúa, thu hoạch, ăn mừng, nhạc, chúc...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta thu hoạch gì từ vụ mùa vừa qua? Các con có giúp cha mẹ để thu hoạch lúa không? Việc đó diễn ra như thế nào? - Trong lễ hội này diễn ra những hoạt động gì? - Tại sao chúng ta lại ăn mừng? - Con cảm thấy thế nào trong lễ hội? Cha mẹ của các con cảm thấy thế nào? - Các con mong ước điều gì? - Các con muốn học gì về lễ hội hoặc về việc thu hoạch lúa?

Dựa trên sự khám phá đầu tiên này với trẻ em trong giờ hoạt động vòng tròn, giáo viên có thể thiết kế nhiều hoạt động khác nhau với trẻ trong lớp học.



Ví dụ: Lễ hội mừng lúa mới

Trong giờ hoạt động vòng tròn, trẻ chia sẻ rằng cha mẹ trẻ có cùng nhau nhảy một điệu nhảy đặc biệt và trẻ muốn học điệu nhảy này. Trẻ cũng quan tâm đến trang phục mà người lớn mặc trong ngày lễ. Một trẻ nói rằng cha mẹ của trẻ có uống rượu và cầu chúc những điều tốt đẹp sẽ đến. Tất cả những đóng góp của trẻ nêu trên sẽ trở thành những hoạt động cho cả lớp học thành các hoạt động góc. Dưới đây là 5 ví dụ về việc tổ chức các hoạt động trong lớp:

1. Nhảy múa
2. Vườn trường: Trồng cây và thu hoạch.
3. Trò chơi
4. Vẽ các điều ước
5. Khám phá và thiết kế trang phục

Nhiều hoạt động khác có thể được phát triển dựa trên chủ đề này phù hợp với sở thích của trẻ cũng như sử dụng và khám phá sự đa dạng của bối cảnh địa phương. Một số ý tưởng bổ sung:

6. Chơi nhạc cụ của địa phương, mời một thành viên từ cộng đồng đến biểu diễn và chơi nhạc cụ này với trẻ.
7. Cùng làm các nhạc cụ
8. Xây dựng nhà cộng đồng tại góc xây dựng, hoạt động này có thể tổ chức sau khi cả lớp đi thăm nhà cộng đồng (và trẻ sẽ tự lên kế hoạch xây dựng).
9. Thảo luận và chuẩn bị đồ ăn cho lễ hội, cùng nếm thử lúa mới.
10. So sánh các món ăn ở các vùng khác nhau của Việt Nam.



Ví dụ hoạt động 2: Lễ hội mừng lúa mới

Loại hoạt động	Nhảy múa
Nhóm trẻ	Tất cả trẻ trong lớp hoặc trong các nhóm nhỏ từ 5 đến 6 trẻ mỗi nhóm.
Đồ dùng	Không gian
Quá trình	Giáo viên mời một phụ huynh đến dạy trẻ điệu nhảy múa của địa phương theo một cách đơn giản với trẻ.
Từ vựng	Trái, phải, cầm tay, nhảy, đi bộ, quay, xuống, lên, cả hai...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<ul style="list-style-type: none">- Tên của điệu nhảy/ múa là gì? Tên này trong tiếng địa phương là gì? Tên điệu nhảy trong tiếng Việt là gì?- Tại sao chúng ta lại ăn mừng?- Chúng ta có nên nhờ cô X hướng dẫn chúng ta cách nhảy/ múa không? Ai sẽ hỏi cô ấy?- Khi cô X thực hiện động tác này, động tác đó trong sẽ như thế nào nhỉ?- Điệu nhảy này có khó không?- Hãy quan sát cô X nhảy kìa. Cô ấy đã làm gì với đôi tay của mình?- Khác nhau ở điểm nào?- Chúng ta sẽ phải thực hiện các động tác như thế nào?



Ví dụ hoạt động 3: Lễ hội mừng lúa mới

Loại hoạt động	Trồng cây và thu hoạch
Nhóm trẻ	Thực hiện trong một nhóm nhỏ khoảng từ 5 – 6 trẻ
Đồ dùng	Đất (có thể trồng ngoài đất tự nhiên hoặc cho đất vào các chậu, lọ nhỏ), các hạt giống, nước
Quá trình	<p>Trẻ cùng tham gia tạo một vườn cây nhỏ trong trường. Trẻ cùng tham gia trồng cây, tưới nước cho cây vào những thời gian nhất định. Và cuối cùng trẻ thu hoạch những loại cây này khi chúng đã lớn (ví dụ: các loại rau khác nhau)</p> <p>Hoạt động có thể bắt đầu từ quá trình thảo luận với trẻ trong giờ hoạt động vòng tròn. Giáo viên sử dụng sơ đồ tư duy để ghi lại những ý tưởng và kế hoạch thực hiện của trẻ (Đây là cách giáo viên áp dụng kỹ thuật số 9: Tài liệu hóa cùng trẻ, xem thêm chương 5, mục 5.2).</p> <p>Trẻ có thể mang thêm một vài loại hạt từ những cây được trồng ở nhà để trồng ở trường.</p>
Từ vựng	Hạt, trồng, thu hoạch, nấu, thắng, cà, đào, bàn tay, rửa,...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Để trồng cây, chúng ta cần sử dụng những công cụ nào? - Chúng ta sẽ trồng những cây gì? - Tại sao các con lại muốn trồng loại cây này? - Quá trình trồng cây được diễn ra như thế nào? - Làm thế nào để hạt có thể lớn lên và mọc thành cây? - Có phải tất cả các loài cây đều có nhu cầu dinh dưỡng giống nhau? Hay như thế nào? - Ba mẹ các con trồng cây ở nhà như thế nào? Các con đã hỏi ba mẹ về việc trồng cây chưa? - Khi trồng cây chúng ta sẽ phải bỏ hạt vào đất với độ sâu bao nhiêu?



Ví dụ hoạt động 4: Lễ hội mừng lúa mới

Loại hoạt động	Trò chơi
Nhóm trẻ	Hoạt động này tổ chức cho cả lớp hoặc cho từng nhóm nhỏ khoảng 5 – 6 trẻ
Đồ dùng	Danh mục các hoạt động hàng ngày; Có thể bổ sung thêm một tờ giấy trắng
Quá trình	<p>Trong lễ mừng lúa mới, các hoạt động hàng ngày của người dân đã được thể hiện trong điệu múa truyền thống. Giáo viên có thể tổ chức một hoạt động múa mà ở đó một nhóm trẻ sẽ thể hiện các hoạt động trong đời sống hàng ngày của người dân địa phương, một nhóm trẻ khác sẽ cùng đoán xem đó là hoạt động gì. Hoạt động này có thể tổ chức theo cách thú vị hơn bằng cách sử dụng một tờ giấy trắng khổ lớn, trẻ sẽ đoán hoạt động đó là gì thông qua bóng của trẻ hiện lên trên tờ giấy (một trẻ diễn tả một hoạt động hằng ngày phía sau tờ giấy, ở sau trẻ sẽ là một chiếc đèn chiếu sáng để bóng của trẻ hiện lên trên tờ giấy khổ lớn đó).</p> <p>Giáo viên có thể lập một danh sách các hoạt động, nhưng danh sách đó cũng có thể được trẻ vẽ ra, một khi trẻ hiểu điều gì sẽ xảy ra. Danh sách các hoạt động có thể được chuẩn bị thông qua một hoạt động suy ngẫm, thảo luận nhóm.</p> <p>Giáo viên thì thầm một hoạt động vào tai trẻ, trẻ sẽ thể hiện hoạt động đó, những trẻ còn lại sẽ đoán xem đó là hoạt động gì. Trẻ cũng có thể đưa ra hoạt động hoặc chủ đề nào đó để cùng thể hiện. Những từ vựng có thể sẽ có sự liên quan đến việc thu hoạch mùa vụ, nhưng tùy theo gợi ý của trẻ mà có thể sử dụng bất kỳ hoạt động nào trong cuộc sống hàng ngày.</p>
Từ vựng	Trồng, cắt, thu hoạch, cắt cỏ, nhảy múa, nấu ăn, chặt cây...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Cô tự hỏi không biết bạn X đang làm gì vậy nhỉ. Các con nghĩ bạn ấy đang mô tả hoạt động thường ngày nào của người dân ở đây? - Tại sao các con lại nghĩ như vậy? - Các bạn khác nghĩ thế nào? Ồ, bây giờ cô và các con sẽ hỏi bạn X nhé? - Các con có ý tưởng nào để thể hiện các hoạt động khác? Đó là những hoạt động nào? - Bạn nào muốn thì thầm một gợi ý cho bạn Y để bạn ấy thể hiện? - Có bạn nào muốn thử không? - Các con có thấy hoạt động này khó không? Tại sao?



Ví dụ hoạt động 5: Lễ hội mừng lúa mới

Loại hoạt động	Sưu tầm và vẽ những điều ước
Nhóm trẻ	Hoạt động được thiết kế cho cả lớp hoặc cho một nhóm nhỏ khoảng 5 – 6 trẻ
Đồ dùng	Bút sáp màu, sơn, giấy, bút chì
Quá trình	Khi mừng lễ lúa mới, những người dân thường cầu chúc có thêm sức khỏe và một vụ mùa mới bội thu. Đó là những điều ước của người dân. Một điều ước chính là điều mà con người mong muốn nó sẽ xảy ra. Nhưng chúng ta có thể cầu ước điều gì? Giáo viên có thể có một phần trao đổi với trẻ để khám ra những điều ước của trẻ là gì? Đó là phần suy ngẫm chung, cùng với trẻ. Sau đó trẻ sẽ cùng vẽ hoặc tô màu những điều mà mình mong ước. Khi trẻ vẽ xong những điều ước của mình, cô có thể mời trẻ chia sẻ lại điều mình mong ước với các bạn khác trong lớp. Cô giáo có thể giúp trẻ viết lên bức vẽ của mình: “Con mong ước...(điều mà trẻ ước)”. Cô giáo có thể thu thập tất cả các bức vẽ và tạo thành một cuốn sách có tên: “Cuốn sách lớn về những điều ước” của cả lớp.
Từ vựng	Mong ước, hy vọng, muốn, cảm thấy, nhìn thấy, những ý tưởng...
Các câu hỏi có thể sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Cô tự hỏi không biết các con mong ước điều gì? - Đó là điều con ước cho chính mình hay ước cho ai đó? - Tại sao con lại ước điều này? - Các bạn khác nghĩ gì về điều ước này? - Con có thể vẽ lên điều ước của mình không? - Con có thể chia sẻ với cô về điều ước của con không?



Ví dụ hoạt động 6: Lễ hội mừng lúa mới

Loại hoạt động	<p>Thiết kế trang phục</p> <p>Hoạt động này có thể chia thành ba hoạt động nhỏ sau:</p> <p>6.1. Cùng đến thăm gia đình một người dân trong thôn/bản mà họ có mặc các trang phục truyền thống</p> <p>6.2. Tìm hiểu về trang phục truyền thống của những dân tộc khác: Tìm hiểu qua sách báo hoặc qua internet.</p> <p>6.3. Hoạt động nghệ thuật, tạo hình, hoặc thủ công.</p>
Nhóm trẻ	Hoạt động thiết kế dành cho một nhóm nhỏ khoảng 5 – 6 trẻ
Đồ dùng	Bút sáp màu, màu nước, giấy, bút chì, các loại vật liệu tái chế khác nhau, vật liệu tự nhiên, điện thoại để chụp ảnh...
Quá trình	<p>Trong lễ mừng lúa mới, người lớn mặc các trang phục truyền thống. Những trang phục truyền thống của người dân ở đây trông như thế nào nhỉ? Ai đã may ra những bộ quần áo đó và tại sao người dân lại mặc những bộ trang phục đó trong những dịp như vậy? Có lẽ chúng ta cần ra ngoài và cùng nhau tìm hiểu thêm nhé? Hoạt động đầu tiên cô và trẻ có thể thực hiện là việc đến thăm một gia đình để tìm hiểu. Hoạt động thứ hai, trẻ có thể so sánh các trang phục truyền thống của người dân các cộng đồng dân tộc khác ở Việt Nam hoặc trên thế giới.</p> <p>Sau đó cô và trẻ sẽ cùng thảo luận về những điều tìm hiểu được xem sẽ tổ chức các hoạt động như thế nào: may quần áo, vẽ hay sơn quần áo? Hoạt động thứ 4 là thiết kế, tô màu và may trang phục trong lớp học.</p> <p>Cô có thể đề nghị những trẻ lớn phác thảo kế hoạch trước khi thực sự bắt tay vào thiết kế quần áo.</p>
Từ vựng	Trang phục, quần áo, màu sắc, dài, ngắn, váy, quần, vật liệu



Ví dụ hoạt động 6 Lễ hội mừng lúa mới

Các câu hỏi có thể sử dụng

- Chúng ta sẽ hỏi cô A điều gì?
- Các con muốn biết điều gì từ cô ấy? Điều gì mà các con đang quan tâm đến?
- Trong tiếng mẹ đẻ của các con, vật này được gọi là gì?
- Tất cả các trang phục truyền thống đều giống nhau? Điểm khác nhau là gì?
- Các con thích bộ trang phục nào nhất? Vì sao vậy?
- Hãy nói cho cô nghe con định thiết kế gì vậy?
- Các con có ý tưởng nào khác không?
- Làm thế nào để chúng ta có thể làm ra bộ trang phục này?
- Chúng ta sẽ cần những vật liệu nào để thiết kế trang phục?
- Chúng ta có thể làm gì với những nguyên vật liệu đã có trong lớp?
- Các con muốn sử dụng những hình mẫu/ hoa văn nào? Nó có khó không?
- Các con cảm thấy thế nào với những bộ trang phục mà mình thiết kế ra?

Các hoạt động kể trên không nhất thiết phải được thực hiện trong 1 ngày. Cần tập trung nói về một chủ đề học trong một khoảng thời gian nhất định. Giáo viên có thể thiết kế nhiều hoạt động học khác nhau cho tất cả trẻ hoặc cho một nhóm trẻ ở các hoạt động góc để chủ đề học hay các câu chuyện mà bạn thu thập được trong cộng đồng được thể hiện một cách rõ nét trong tất cả các đồ dùng dạy và học, trong các hoạt động, tại các góc và tương tác trong thời gian liên tục (ví dụ: trong khoảng 2 tuần). Giáo viên có thể cân nhắc việc không tổ chức các hoạt động tại một số góc mà không liên quan tới chủ đề này (ví dụ: không tổ chức hoạt động tại góc bác sĩ nếu chủ đề đang học không có gì liên quan tới góc này).

Quá trình tương tự có thể được thực hiện đối với những câu chuyện mà trẻ mang đến lớp học hoặc những trải nghiệm, sở thích và lo lắng mà trẻ chia sẻ với cô và các bạn trong lớp. Dưới đây là một ví dụ:



Ví dụ: Ăn kem

Hôm nay, Lệ đi học và trong giờ hoạt động vòng tròn Lệ đã chia sẻ với cô giáo và các bạn trong lớp rằng ngày hôm qua Lệ được đi ăn kem. Cô giáo đã hỏi Lệ một vài câu hỏi về điều đó. Gia đình Lệ đã ăn mừng vì lý do gì? Lệ thích vị kem nào? Các bạn khác trong lớp có thích ăn kem không? Lệ đã đi ăn kem ở đâu?



Ví dụ: Ăn kem

Trong giờ cả lớp ngồi vòng tròn quanh giáo viên, trẻ tỏ ra rất hào hứng với câu chuyện ăn kem của bạn Lệ. Các bạn muốn thiết kế và xây dựng một cửa hàng bán kem. Một số bạn thì muốn tìm hiểu làm thế nào để làm ra những cây kem, một số bạn khác thì muốn thiết kế một bảng thực đơn cho cửa hàng kem, và các bạn khác thì lại muốn làm ra những chiếc ly thật đẹp để đựng kem. Cô giáo đã ghi nhận tất cả các ý tưởng này của trẻ trong một sơ đồ tư duy.

Tất cả những ý kiến đóng góp trên của trẻ đều có thể tổ chức thành các hoạt động học cho cả lớp hoặc cho các góc chơi. Một số hoạt động gợi ý như sau:

1. Làm kem
2. Thiết kế toàn bộ lớp học như một cửa hàng bán kem.
3. Thiết kế bảng thực đơn cho cửa hàng kem.
4. Chuẩn bị để quảng cáo
5. Chế tạo một chiếc máy làm kem
6. Nếm và ngửi các hương vị kem khác nhau, khám phá về các giác quan.
7. ...

Còn nhiều hoạt động khác có thể được phát triển, thiết kế dựa trên chủ đề học, phù hợp với sở thích của trẻ...



Nhiệm vụ: Thiết kế các hoạt động

1. Thảo luận với trẻ về các hoạt động góc có thể có liên quan đến chủ đề của câu chuyện hoặc tài liệu văn hóa địa phương. Trẻ em muốn học hay tìm hiểu gì?
2. Thiết kế từng hoạt động. Cần đảm bảo rằng hoạt động được thiết kế có ý nghĩa, vui, và giàu ngôn ngữ (áp dụng tất cả các kỹ năng trong Phần 2).
3. Đảm bảo hoạt động được thiết kế không có thêm những định kiến về cộng đồng địa phương.
4. Sử dụng bảng kiểm dưới đây hoặc thiết kế bảng kiểm riêng của bạn để kiểm tra. Điều gì là quan trọng?

Bảng kiểm dưới đây sẽ giúp chúng ta biết chắc rằng những hoạt động được tổ chức có đề cao sự đa dạng, được thiết kế theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, vui và giàu ngôn ngữ.

	Có	Không	Giải thích tại sao/ như thế nào?
Đa dạng:			
a) Hoạt động có sử dụng bối cảnh văn hóa địa phương mà trẻ đã biết không?			
b) Hoạt động có được thiết kế với sự tôn trọng văn hoá địa phương không?			
c) Hoạt động có được thiết kế nhằm tôn trọng sự đa dạng (không bao gồm các khuôn mẫu)			
Các mục tiêu:			
d) Hoạt động có mối liên quan tới chương trình giáo dục mầm non hiện hành hay không?			
e) Hoạt động đó có sự liên quan tới các lĩnh vực phát triển trẻ hay không?			
Lấy trẻ làm trung tâm và vui:			
f) Hoạt động có lấy trẻ làm trung tâm không? Có bắt đầu từ những sáng kiến của trẻ không?			
g) Hoạt động có vui không?			
h) Đây có phải là một hoạt động có ý nghĩa với trẻ không?			
Môi trường giàu ngôn ngữ:			
i) Bạn có chuẩn bị trước những kỹ thuật sẽ áp dụng tại góc chơi hay không? Vai trò của bạn là gì? Xác định bạn sẽ làm gì tại góc?			
j) Bạn có chuẩn bị các từ vựng mà mình sẽ giới thiệu trong hoạt động này không? Đó là những từ vựng nào			
k) Bạn đã chuẩn bị những câu hỏi để hỏi trẻ trong hoạt động này chưa? Các câu hỏi này có đa dạng hay không?			
l) Bạn đã tham khảo và trao đổi với phụ huynh để có thêm ý kiến, tài liệu, sự hỗ trợ từ phụ huynh chưa?			

Tài liệu này được xuất bản vào tháng 02 năm 2021 bởi:

© 2021 VVOB – education for development
Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Bỉ
Điện thoại: +32 2 209 07 99; Website: www.vvob.org



Bảo lưu một số quyền

Tài liệu này là sản phẩm của các chuyên gia VVOB, dựa trên các kết quả, kinh nghiệm của các chuyên gia VVOB và các đối tác trong chương trình “Giảm thiểu rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non tại các huyện khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống”. Tài liệu này cũng được tham khảo thêm các tài liệu liên quan khác. Các kết quả, diễn giải, và kết luận được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VVOB, của Ban Giám đốc VVOB, hoặc của nhà tài trợ. VVOB không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu trong tài liệu này. Các đường biên giới, màu sắc, tôn giáo, và các thông tin được thể hiện trên hình minh họa trong tài liệu này không thể hiện quan điểm hay sự ủng hộ của VVOB về mặt pháp lý về biên giới của bất kỳ vùng lãnh thổ nào.

Quyền lợi và cấp phép xuất bản

Chịu trách nhiệm biên tập:

Sven Rooms

© 2021 VVOB - education for development



Tài liệu này được xuất bản và lưu hành dựa trên nguyên tắc tài sản sáng tạo công cộng (Creative Commons) và phi thương mại (CC BY-NC-SA 4.0). Quyền sao chép, phân phối, vận chuyển, và ứng dụng tài liệu này đều được cho phép với mục đích phi thương mại, và với các điều kiện sau đây:

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: *VVOB - education for development. 2021. “Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non - Hướng dẫn dành cho giáo viên nhằm xoá bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non”*

Mọi câu hỏi về bản quyền và quyền xuất bản vui lòng gửi về VVOB, Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium. Điện thoại: +32 2 209 07 99; E-mail: info@vvob.org; Website: www.vvob.org

Quyền phủ nhận

Tài liệu này có sử dụng trích dẫn và tham khảo một số ấn phẩm và trang web khác. VVOB không chịu trách nhiệm về các nội dung hiện tại và trong tương lai của các ấn phẩm và các trang web đó, cũng như không chịu trách nhiệm về ấn phẩm và các trang web đưa tin và trích dẫn tài liệu này của VVOB.

Tài liệu này được biên soạn và xuất bản với hỗ trợ tài chính từ chính phủ Bỉ và và Flanders. Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm của VVOB và không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ, do đó chính phủ Bỉ và Flanders không chịu trách nhiệm với bất kì nội dung nào của tài liệu này.

Được tài trợ bởi:



Belgium
partner in development



Flanders
State of the Art



3-5 Nguyễn Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
+84 (0) 236 3923332
<https://vietnam.vjob.org>
<http://fb.com/vjobvietnam>

NHỮNG TƯƠNG TÁC GIÀU NGÔN NGỮ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

Hướng dẫn dành cho giáo viên
nhằm xóa bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non



**PHẦN 4:
LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỖ TRỢ GIÁO VIÊN
ĐỂ TẠO MÔI TRƯỜNG GIÀU NGÔN NGỮ
VÀ CÁC TƯƠNG TÁC?**

Mục lục

Phần 4: Làm thế nào để hỗ trợ giáo viên để tạo môi trường giàu ngôn ngữ và các tương tác?

Chương 8: Tạo môi trường học tập thuận lợi.....	01
8.1. Môi trường thuận lợi cho giáo viên là gì?.....	01
8.2. Làm thế nào để tạo môi trường thuận lợi?.....	03
Chương 9: Khuyến khích học tập cộng tác.....	05
9.1. Tại sao cần học tập cộng tác?.....	05
9.2. Một vài ý tưởng cho học tập cộng tác.....	05
Chương 10: Hỗ trợ và khai vấn.....	08
10.1. Quan sát lớp.....	09
10.2. Hội thoại khai vấn và hỗ trợ.....	11
Phụ lục 3: Hướng dẫn quan sát môi trường giàu ngôn ngữ.....	14
Hướng dẫn quan sát góc chơi giàu ngôn ngữ.....	14
Hướng dẫn quan sát cho các hoạt động khác.....	16
Tham khảo	18



GIỚI THIỆU

Giáo viên mầm non đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ các rào cản ảnh hưởng đến việc học tập của trẻ, bao gồm những trẻ em dân tộc thiểu số, nhờ vậy mà cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong trường lớp sẽ được cải thiện. Vì vậy việc quan tâm đáp ứng các nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên là rất quan trọng.

Nội dung của phần này hướng tới cán bộ quản lý trường học, thành viên nhóm nòng cốt, và cán bộ các Phòng và Sở giáo dục và đào tạo. Phần này sử dụng một số phần nội dung của tài liệu phát triển chuyên môn giáo viên (VVOB - 2020): VVOB (2020). Hỗ Trợ Phát Triển Chuyên Môn Giáo Viên Do Trường Chủ Trì: Tài liệu tham khảo dành cho người điều hành phát triển chuyên môn giáo viên. Đà Nẵng, Việt Nam.

Bạn có thể tìm hiểu thêm tài liệu tại:

<https://vietnam.vvob.org/vi/resources/> hoặc tải trực tiếp theo mã QR:



PHẦN 4:
LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỖ TRỢ GIÁO VIÊN
ĐỂ TẠO MÔI TRƯỜNG GIÀU NGÔN NGỮ
VÀ CÁC TƯƠNG TÁC?



Chương 8: Tạo môi trường học tập thuận lợi



Mục tiêu của chương này là:

- Giúp bạn hiểu rõ hơn về môi trường học tập thuận lợi cho phát triển chuyên môn
- Phát huy vai trò của cán bộ quản lý, cán bộ phòng và sở giáo dục và đào tạo trong việc tạo môi trường học tập thuận lợi và hỗ trợ cho giáo viên

Mặc dù những kiến thức và kỹ năng mới có thể được giới thiệu thông qua các lớp tập huấn hoặc hội thảo, hoặc thông qua đọc tài liệu này, nhưng quá trình học thực sự sẽ diễn ra ở trường, trong môi trường lớp học, nơi mà giáo viên có thể thử áp dụng những kiến thức mới được học. Việc tham dự các lớp tập huấn về việc cải thiện môi trường học và các tương tác giàu ngôn ngữ chỉ là bước đầu tiên trong chu trình học tập đem lại sự thay đổi.

8.1 Môi trường thuận lợi cho giáo viên là gì?

Một môi trường nơi mà giáo viên cảm thấy an toàn khi thử áp dụng kiến thức mới, nơi mà giáo viên được phép sáng tạo cũng như tạo ra những sự thay đổi, nơi mà giáo viên cảm thấy mình được hỗ trợ, được tạo động lực để phát triển. Một môi trường như vậy được gọi là *Môi trường học tập thuận lợi*. Bảng dưới đây sẽ giải thích chi tiết hơn về các yếu tố quan trọng của một môi trường thuận lợi.



Nhiệm vụ

1. Bạn đang tạo ra một môi trường học tập thuận lợi cho giáo viên phát triển, nơi mà giáo viên có thể tự do sáng tạo và chịu trách nhiệm chính trong việc học của mình, nơi mà giáo viên nhận được sự hỗ trợ?
Hãy điền vào bảng kiểm dưới đây.
2. Xác định các cơ hội để cải thiện.

	Có	Không	Có thể cải thiện	Lưu ý: Nêu ra những thách thức và cơ hội, các bước tiếp theo...
Tin tưởng, an toàn và tôn trọng				
GV tin tưởng sự lãnh đạo và đồng nghiệp.				
GV dám chia sẻ những khó khăn của mình.				
GV cảm thấy an toàn khi thử nghiệm những điều mới và mắc sai lầm.				
Những cố gắng cải thiện của GV được công nhận và đánh giá cao.				
Những thành công cho dù là nhỏ vẫn được tuyên dương.				

Chia sẻ sự lãnh đạo:				
GV có thể chủ trì những chủ đề mà họ có chuyên môn.				
GV được giao trách nhiệm hỗ trợ GV khác để học tập và phát triển.				
GV được khuyến khích đưa ra sáng kiến.				
Văn hóa hợp tác:				
Mọi người có thói quen làm việc và học tập cùng nhau.				
Tất cả thành viên trong nhóm cần phải hợp tác với nhau để có thể đạt được kết quả mong muốn: Tạo được môi trường học tập giàu ngôn ngữ.				
Có cùng sự hiểu biết về ý nghĩa, tầm nhìn và sứ mệnh				
Tất cả GV có sự hiểu biết giống nhau về các khái niệm mới: Môi trường học tập giàu ngôn ngữ và các tương tác giàu ngôn ngữ trong lớp học.				
Tất cả giáo viên có cùng sự hiểu biết về tôn trọng các giá trị của sự đa dạng và bối cảnh địa phương.				
Có tầm nhìn và sứ mệnh chung: họ biết trường của mình đang ở vị trí nào, muốn phát triển như thế nào và tại sao				
Các phương pháp mới trở thành một phần của hướng dẫn thực hiện của cấp huyện.				
Trao đổi, giao tiếp một cách rõ ràng:				
Có sự giao tiếp rõ ràng về những kì vọng, sự đổi mới và thay đổi.				
Hỗ trợ cả quá trình:				
Có lộ trình nhiều hoạt động phát triển chuyên môn để giúp giáo viên phát triển theo từng bước				
Lập kế hoạch để hỗ trợ thường xuyên đối với từng bước là rất quan trọng.				
Giáo viên được phân bổ thời gian cho việc học của mình và quan sát đồng nghiệp.				
Kết luận và các bước tiếp theo:				
<i>Nếu rõ các hoạt động ưu tiên thực hiện. Bạn sẽ làm gì? Bằng cách nào? Khi nào?</i>				

8.2 Làm thế nào để tạo môi trường thuận lợi?

1. Vai trò của cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý có thể làm gì để hỗ trợ giáo viên?

- Phát triển tầm nhìn rõ ràng về ngôn ngữ và sự đa dạng trong trường của mình.
- Lòng ghép phát triển chuyên môn giáo viên do trường chủ trì về môi trường học tập giàu ngôn ngữ và đề cao những giá trị của sự đa dạng vào trong việc lập kế hoạch và giám sát.
- Xác định các nhu cầu học tập và được hỗ trợ của giáo viên.
- Tạo văn hóa học tập có lợi cho việc học tập cộng tác, thúc đẩy việc đưa ra các câu hỏi và xây dựng năng lực; Giáo viên có thể cùng nhau học tập và học hỏi lẫn nhau. Cán bộ quản lý hỗ trợ việc học tập bằng cách tạo điều kiện cho sự suy ngẫm về chuyên môn (khuyến khích giáo viên cùng nhau suy ngẫm về những gì đã quan sát được từ các lớp học và các bước hành động tiếp theo) và giải quyết vấn đề. Điều này có thể bao gồm việc học tập giữa các đồng nghiệp ở các trường, các huyện, các tỉnh.
- Tạo không gian cho các sáng kiến của giáo viên, sự chủ động của giáo viên trong việc thử nghiệm các cách tiếp cận mới và điều chỉnh kế hoạch và phương pháp hiện có.
- Tạo môi trường an toàn nơi giáo viên có thể chia sẻ những lo lắng, thách thức và các ý kiến và đó cũng là nơi giáo viên có thể thử nghiệm, mắc lỗi và phát triển.
- Giám sát mục tiêu về thực hành trong lớp học (môi trường, đồ dùng đồ chơi, sự tương tác, các hoạt động), ghi lại và tuyên dương những thành công đối với cảm giác thoải mái và sự tham gia của tất cả trẻ vào việc học.
- Tạo các điều kiện thực tế để thực hiện phát triển chuyên môn bằng cách cung cấp nguồn lực, tài liệu, không gian và thời gian để giáo viên học tập và phát triển.
- Áp dụng hỗ trợ và khai vấn (xem mục sau).

2. Vai trò của phòng giáo dục

Phòng Giáo dục và đào tạo có thể tạo môi trường học tập thuận lợi cho nhà trường và giáo viên bằng cách:

- Khuyến khích nhà trường phát triển tầm nhìn rõ ràng về ngôn ngữ và sự đa dạng, các hướng dẫn có sự liên quan đến các chính sách. Cán bộ quản lý và giáo viên cần phải cảm thấy an toàn khi thực hiện những thay đổi hướng đến chương trình giáo dục mầm non có chất lượng.
- Xác định các nhu cầu học tập và được hỗ trợ của nhà trường, cán bộ quản lý và giáo viên.
- Phát triển năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý dựa trên nhu cầu học tập đã xác định liên quan tới các tương tác giàu ngôn ngữ và đề cao giá trị của sự đa dạng thông qua phát triển chuyên môn (do trường chủ trì) có hiệu quả:
 - Khuyến khích việc chia sẻ thực hành tốt tại các buổi sinh hoạt chuyên môn cụm, tập huấn chuyên môn và các buổi trao đổi chéo giữa các trường.
 - Tạo điều kiện để suy ngẫm và cải tiến thông qua việc phân tích các thực hành hiện có và tìm kiếm các cơ hội để có nhiều hoạt động mà trẻ được tự do sáng tạo và thực hiện.
 - Hỗ trợ về nguồn lực và chuyên môn (hướng dẫn và video truyền cảm hứng...)
- Đảm bảo tất cả các hoạt động phát triển chuyên môn đưa tới cho nhà trường và giáo viên phù hợp với các cách tiếp cận giáo dục mầm non và các chính sách (ví dụ, quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường Tiếng Việt).

- Đảm bảo tất cả các hoạt động phát triển chuyên môn đưa tới cho nhà trường và giáo viên có chất lượng cao và hiệu quả.
- Hỗ trợ/phát triển năng lực cho cán bộ quản lý về cách hỗ trợ và khai vấn cho giáo viên nhằm nâng cao chuyên môn.
- Giám sát, ghi lại và thu hoạch những thực hành ở huyện. Phân tích và rút ra bài học kinh nghiệm từ những thực hành đó. Đưa ra kết luận và khuyến nghị cho cấp tỉnh và quốc gia.

3. Vai trò của Sở Giáo dục và đào tạo

Sở GDĐT tạo môi trường học tập thuận lợi cho huyện, nhà trường và giáo viên.

Bằng những cách dưới đây:

- Khuyến khích phòng GDĐT và nhà trường cam kết với các phương pháp sư phạm thông qua một tầm nhìn rõ ràng về ngôn ngữ và sự đa dạng, các hướng dẫn có sự liên kết với chính sách. Phòng giáo dục, cán bộ quản lý và giáo viên cần phải cảm thấy an toàn khi áp dụng những thay đổi hướng tới chương trình giáo dục mầm non có chất lượng.
- Xác định nhu cầu học tập và được hỗ trợ của phòng giáo dục đào tạo, nhà trường, cán bộ quản lý và giáo viên.
- Phối hợp với phòng giáo dục đào tạo để phát triển năng lực cho giáo viên và cán bộ quản lý về việc xác định nhu cầu thông qua phát triển chuyên môn (do trường chủ trì) hiệu quả.
 - ▣ Khuyến khích việc chia sẻ các thực hành tốt trong các buổi sinh hoạt chuyên môn cụm và các mạng lưới giáo dục cấp tỉnh và các buổi trao đổi chéo giữa các trường.
 - ▣ Tạo điều kiện để suy ngẫm và cải tiến thông qua việc phân tích các thực hành hiện có và tìm kiếm các cơ hội để có nhiều hơn các hoạt động do trẻ chủ động.
 - ▣ Hỗ trợ về nguồn lực và chuyên môn (hướng dẫn và video truyền cảm hứng, ...)
- Đảm bảo tất cả các hoạt động phát triển chuyên môn đưa tới cho nhà trường và giáo viên phù hợp với các cách tiếp cận giáo dục mầm non và các chính sách (ví dụ, quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường Tiếng Việt).
- Đảm bảo tất cả các hoạt động phát triển chuyên môn đưa tới cho nhà trường và giáo viên có chất lượng cao và hiệu quả.
- Hỗ trợ/phát triển năng lực cho cán bộ quản lý, thông qua phòng giáo dục, về cách hỗ trợ và khai vấn cho giáo viên nhằm nâng cao chuyên môn.
- Giám sát, ghi lại và thu hoạch những thực hành ở cấp huyện. Phân tích và rút ra bài học kinh nghiệm từ những thực hành đó. Đưa ra kết luận và khuyến nghị cho cấp quốc gia.
- Hoạt động như một trung tâm để trao đổi về các thực hành trong giáo dục mầm non và phát triển chuyên môn hiệu quả ở trong tỉnh.
- Tăng cường sự hiệp lực giữa cấp quốc gia, tỉnh và huyện về giáo dục mầm non.



Nhiệm vụ

1. Hãy xem lại nhiệm vụ trước. Đọc phần nội dung về các cơ hội để cải thiện mà bạn đã xác
2. Kiểm tra lại danh sách các gợi ý phía trên – mục **“Bằng những cách dưới đây”**: Bạn có thể sẽ có thêm một vài ý tưởng để hành động?
Hãy lên kế hoạch ít nhất ba điều bạn sẽ hành động để thay đổi: “Tôi sẽ...”

Chương 9: Khuyến khích học tập cộng tác



Mục tiêu của chương này là:

- Giải thích làm thế nào để cán bộ quản lý, cán bộ phòng, sở hoặc bất cứ ai phụ trách công tác phát triển chuyên môn giáo viên có thể khuyến khích giáo viên học tập cùng hoặc từ đồng nghiệp.

9.1. Tại sao cần học tập cộng tác?

Trong tài liệu này có nhiều phương pháp tiếp cận cũng như những ý tưởng mới sẽ được thảo luận. Việc áp dụng các phương pháp mới đồng nghĩa với việc sẽ thay đổi các thực hành dạy học của giáo viên. Việc thay đổi các thói quen là không dễ dàng. Điều quan trọng là giáo viên không đơn độc trong việc thay đổi những thực hành của mình và họ có thể hợp tác với nhau.

Việc học tập sẽ trở nên dễ dàng hơn khi giáo viên làm việc cùng nhau:

- Giáo viên có thể chia sẻ những kinh nghiệm của mình.
- Giáo viên có thể học từ những kinh nghiệm của các đồng nghiệp khác?
- Giáo viên có thể cùng nhau phát triển, thiết kế và thử nghiệm

Khi làm việc cùng nhau, giáo viên sẽ có nhiều ý tưởng hơn so với khi làm việc một mình. Giáo viên có thể cùng nhau tìm ra giải pháp cho các khó khăn mà mình gặp phải. Họ có thể truyền cảm hứng cho nhau.

Với vai trò là cán bộ quản lý, thành viên nhóm nòng cốt hoặc cán bộ phòng giáo dục và đào tạo bạn có thể khuyến khích giáo viên làm việc cùng nhau và học hỏi lẫn nhau.

9.2. Một vài ý tưởng cho học tập cộng tác

1. Đồng giảng

Giáo viên cùng nhau chuẩn bị một bài học hoặc một hoạt động bao gồm việc tạo môi trường giàu ngôn ngữ và các tương tác. Sau đó họ có thể thực hiện giảng dạy hoặc hoạt động cùng nhau, mỗi người đóng một vai trò chủ động và dành thời gian với trẻ. Sau bài học, giáo viên sẽ cùng suy ngẫm, ví dụ: sử dụng một bảng kiểm trong Chương 4: Tạo môi trường giàu ngôn ngữ.

2. Quan sát đồng đẳng

Một cách khác để giáo viên có thể học tập từ nhau, là thông qua quan sát và được quan sát. Bạn cũng có thể khuyến khích điều này. Đây là hai cách:

Quan sát một thực hành tốt của một giáo viên

Bạn có thích **điều giáo viên đang áp dụng** trong lớp học của mình? Hãy hỏi giáo viên đó nếu những đồng nghiệp khác có thể đến và thăm lớp học. Khuyến khích đồng nghiệp quan sát giáo viên đó áp dụng các điểm hành động cụ thể như thế nào. Kiểm tra xem nó có tác động đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ như thế nào.

Yêu cầu giáo viên thảo luận với giáo viên được quan sát về những gì họ đã học được.

Trong trường hợp này giáo viên được quan sát sẽ chia sẻ một thực hành tốt trong một bối cảnh tự nhiên. Người học là những người quan sát. Đây không phải là một bài học mẫu. Đó là một tiết học mà có thể được thực hiện vào bất cứ ngày nào trong năm học.

Yêu cầu phản hồi từ người quan sát

Có thể một vài giáo viên mong muốn nhận được những góp ý từ đồng nghiệp của mình về những gì mình đang thực hiện? Hãy khuyến khích giáo viên đề nghị một đồng nghiệp đến và quan sát tiết học của mình. Giáo viên được quan sát xác định cụ thể mình mong muốn đồng nghiệp tập trung quan sát điều gì. Có thể đó là một điểm hành động cụ thể? Có thể đó là tương tác với trẻ? Hay tác động của giáo viên đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của một số trẻ cụ thể trong lớp?

Sau khi quan sát, giáo viên được quan sát thảo luận với người quan sát về những gì họ quan sát được. Giáo viên được quan sát học được gì từ những điều đó? Người quan sát có thể truyền cảm hứng cho giáo viên để thực hiện các bước tiếp theo?

Trong trường hợp này, người học là giáo viên được quan sát. Người quan sát đưa ra những phản hồi và những ý tưởng để giáo viên được quan sát cải thiện các thực hành của mình.

3. Sinh hoạt chuyên môn

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn trường của bạn (SHCM) hoặc sinh hoạt chuyên môn cụm hoặc trong những thảo luận của bạn với đồng nghiệp, bạn có thể lồng ghép các chủ đề học tập liên quan đến chủ đề ngôn ngữ. Dưới đây là một vài ý tưởng:

a. Một **tình huống** để thảo luận:

1. Mời một giáo viên chia sẻ về một tình huống trong lớp của mình. Trường hợp được chọn dựa trên mục tiêu của buổi SHCM (Ví dụ: về cách đặt câu hỏi mở, sử dụng kí hiệu để sắp xếp lớp học, các tương tác vui trong lớp học...)

① Giáo viên bắt đầu nói về **tình huống**, giải thích tất cả các bước:

- Bạn đã quan sát được gì?
- Bạn đã thấy những rào cản nào?
- Bạn đã thay đổi hoặc đã thử nghiệm điều gì?

② Giáo viên **hỏi** đồng nghiệp để có thêm ý tưởng. “Tôi đã thử điều này, nhưng tôi vẫn muốn nghe thêm các ý tưởng của mọi người.”

③ Thảo luận các thách thức.

2. Yêu cầu đồng nghiệp khác làm tương tự như giáo viên đầu tiên hoặc làm trong buổi SHCM kế tiếp. Cứ như vậy, điều này trở thành thông lệ trong buổi SHCM của mỗi trường/cụm.

b. Tạo **cảm hứng** về môi trường giàu ngôn ngữ:

1. Tập trung vào một vòng tròn trong môi trường học tập giàu ngôn ngữ
2. Yêu cầu giáo viên chia sẻ các ví dụ về cách họ áp dụng những thay đổi liên quan đến vòng tròn này.
3. Bạn đã nghĩ đến việc ghi video hoặc hình ảnh để minh họa về vòng tròn đã áp dụng không? Cùng nhau xem video/hình ảnh và thảo luận.
4. Thách thức nhau để đưa ra nhiều ý tưởng sáng tạo hơn nữa!

c. Triển lãm các **thực hành tốt**:

1. Tất cả giáo viên chuẩn bị một tấm áp phích (có thể làm một mình hoặc theo cặp):

- ① mô tả một sự thay đổi thành công trong lớp học.
- ② sự thay đổi đó bắt đầu từ đâu?
- ③ sự thay đổi đó có hiệu quả như thế nào?

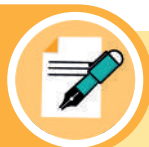
2. Tất cả người tham dự đến xem từng áp phích, đặt câu hỏi và tương tác.

d. **Thách thức và giải pháp**

1. Chia sẻ một thách thức về một chủ đề đã xác định.
2. Yêu cầu đồng nghiệp đóng góp giải pháp và ý tưởng.
3. Chọn một vài ý tưởng khả thi.
4. Cùng nhau thảo luận cách áp dụng giải pháp đó vào thực tế.

Bạn có thêm các ý tưởng khác, bạn có thể tìm hiểu Chương 3 tài liệu phát triển chuyên môn giáo viên (Tài liệu phát triển chuyên môn giáo viên VVOB (2020). Hỗ Trợ Phát Triển Chuyên Môn Giáo Viên Do Trường Chủ Trì: Tài liệu tham khảo dành cho người điều hành phát triển chuyên môn giáo viên. Đà Nẵng, Việt Nam).

Chương 10: Hỗ trợ và khai vấn



Mục tiêu của chương này là:

- Giải thích làm thế nào để cán bộ quản lý và cán bộ các phòng và sở hoặc bất kỳ ai phụ trách công tác phát triển chuyên môn giáo viên có thể khai vấn và hỗ trợ giáo viên trong quá trình học tập.

Phát triển chuyên môn giáo viên về môi trường học tập giàu ngôn ngữ, việc áp dụng và suy ngẫm về các kết quả và tìm ra cách để cải thiện có thể được thực hiện qua nhiều phương pháp phát triển chuyên môn giáo viên do trường chủ trì: phát triển chuyên môn theo từng chủ đề (tập huấn tại chỗ), sinh hoạt chuyên môn giáo viên, phân tích bài học...

Giáo trình phát triển chuyên môn giáo viên sẽ cung cấp cho bạn một vài những gợi ý cho các phương pháp phát triển chuyên môn giáo viên kể trên (chương 3).

Trong phần này, chúng tôi muốn tập trung vào làm thế nào cán bộ quản lý (cán bộ phòng, hay bất kỳ ai phụ trách công tác phát triển chuyên môn giáo viên) có thể hỗ trợ giáo viên thông qua thảo luận chia sẻ sau hoạt động dự giờ, quan sát tiết học. Các đoạn đàm thoại khai vấn sẽ trở nên hữu ích hơn nếu người khai vấn sử dụng các đoạn video quan sát được trong lớp học của giáo viên.

Khai vấn bằng video

Khai vấn bằng video được thực hiện không chỉ dựa trên những thông tin ghi chép được từ người quan sát, dự giờ tiết học, mà còn bao gồm cả những video được ghi lại trong giờ học đó. Hoạt động thảo luận với giáo viên sẽ trở nên thiết thực, thú vị hơn nếu giáo viên được xem lại những hình ảnh mà người quan sát (cán bộ quản lý) thấy trong lớp học của mình. Giáo viên có thể suy ngẫm và chia sẻ sâu hơn về những gì đã diễn ra trong lớp học sau khi xem những đoạn video này. Bằng việc xem lại các hình ảnh đó, giáo viên có thể tự nhận ra các điểm cần cải thiện.

Giáo viên có thể tự ghi lại các đoạn video này hoặc đề nghị đồng nghiệp hỗ trợ. Người khai vấn và giáo viên cùng nhau xem lại các đoạn video, sau đó thảo luận cùng nhau.

Tuy nhiên, giáo viên không phải lúc nào cũng cảm thấy thoải mái khi bị ghi hình trong lớp học.

Bạn có thể làm gì trong những tình huống này?

- Hãy *xin phép sự đồng ý* về quay lại các video trong lớp của giáo viên. Tôn trọng ý kiến của giáo viên.
- Hãy sử dụng *điện thoại của giáo viên* đó để quay các video. Bằng cách này giáo viên sẽ cảm thấy thoải mái hơn khi mình là người sở hữu các đoạn video đó.
- Hãy quay thành các đoạn video ngắn có những thực hành tốt, nhưng cũng là những đoạn video mà giáo viên nhìn thấy tiềm năng mình có thể cải thiện tốt hơn nữa.

Trọng tâm

Một yếu tố quan trọng trong phát triển chuyên môn giáo viên nói chung và trong hoạt động khai vấn là *trọng tâm*. Mục tiêu của việc quan sát lớp học càng cụ thể, chi tiết, thì hiệu quả của việc quan sát cũng như quá trình khai vấn của bạn sẽ càng được nâng cao. Hãy nhớ rằng, chính giáo viên mà bạn sẽ quan sát sẽ là người đặt ra các mục tiêu cho hoạt động quan sát này. Tuy nhiên, việc lập mục tiêu này có thể được thực hiện và thống nhất với sự tham gia của cả người khai vấn và giáo viên.



Ví dụ:

Nội dung trọng tâm trong phần quan sát lớp học của cô Nhung hôm nay là kỹ năng sử dụng các dạng câu hỏi khác nhau trong các hoạt động góc. Cán bộ quản lý (người khai vấn) sẽ không tập trung vào những nội dung khác như việc trang trí lớp mà chỉ tập trung cụ thể vào việc giáo viên sử dụng các câu hỏi khác nhau để kích thích sự tương tác và phù hợp với độ tuổi của trẻ. Cán bộ quản lý khi quan sát sẽ ghi chép lại các câu hỏi mà giáo viên sử dụng và đánh giá mức độ tác động, kích thích ngôn ngữ, cảm giác thoải mái và sự tham gia với trẻ của những câu hỏi này.



Nhiệm vụ:

- Hãy cùng so sánh hai mục tiêu quan sát giờ học dưới đây. Mục tiêu nào trọng tâm hơn
 - “sử dụng đa dạng các câu hỏi trong hoạt động góc của trẻ 4 tuổi”
 - “áp dụng phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm”
- Hãy tìm 3 ví dụ về mục tiêu cho hoạt động quan sát và khai vấn liên quan đến thiết lập môi trường giàu ngôn ngữ và tương tác. (Hãy nhớ rằng người được hỗ trợ khai vấn và được quan sát chính là người chuẩn bị các mục tiêu này!)



Đáp án:
Mục tiêu quan sát “sử dụng đa dạng các câu hỏi trong hoạt động góc của trẻ 4 tuổi” có trọng tâm hơn. Nó sẽ hướng dẫn người quan sát tập trung tìm kiếm các ví dụ và các cơ hội cụ thể để cải thiện kỹ năng đặt câu hỏi của giáo viên. Phân thảo luận hoặc hội thoại sau hoạt động quan sát sẽ đi đến chi tiết và cụ thể hơn. Việc xác định các điểm để cải thiện sẽ trở nên dễ dàng hơn. Ví dụ: “Tôi nên sử dụng các câu hỏi như thế nào và tại sao nhiều hơn trong thời gian chơi tại các góc”.

1. Quan sát lớp

Việc quan sát lớp học này của giáo viên không phải là để đánh giá giáo viên, mà nó chỉ hướng tới mục tiêu phát triển chuyên môn giáo viên. Bằng việc dự giờ, quan sát lớp, cán bộ quản lý sẽ giúp một cá nhân hay một nhóm giáo viên trong phát triển chuyên môn.

Trong bảng dưới đây, bạn sẽ tìm thấy một vài điểm cần lưu ý, các mẹo hay gợi ý. Bạn cũng có thể sử dụng bảng này như một bảng kiểm quan sát lớp.

Trước khi quan sát:

- Tôi tạo môi trường học thoải mái, an toàn và thân thiện mà ở đó tập trung vào học tập. Tôi giải thích rõ ràng rằng mục đích việc dự giờ, quan sát lớp này không phải để đánh giá giáo viên.
- Tôi làm việc với giáo viên để xác định ra các nhu cầu quan trọng cho việc hỗ trợ và khai vấn. Tôi sử dụng các nhu cầu này của giáo viên như là điểm xuất phát cho quá trình quan sát và học tập. Quá trình quan sát, dự giờ này cũng có thể giúp xác định ra các nhu cầu học tập khác của giáo viên.
- Chúng tôi cùng thống nhất về trọng tâm cụ thể của quá trình học tập và quan sát này.
- Chúng tôi đồng ý về công cụ quan sát (hoặc một phần của bộ công cụ) sẽ được sử dụng để quan sát.
- Tôi xin phép sự đồng ý của giáo viên để ghi lại một số đoạn video ngắn bằng điện thoại của giáo viên. Mục đích chính của việc ghi lại các đoạn video này là để sử dụng cho phần họp phản hồi sau hoạt động dự giờ, quan sát lớp.

Công cụ quan sát

Công cụ quan sát thực chất là một mẫu biểu giúp bạn tập trung vào trong tâm trong quá trình quan sát. Công cụ cần phải tương ứng với mục tiêu của quá trình quan sát, dự giờ. Hoạt động dự giờ càng trọng tâm thì càng cải thiện được tiềm năng học tập của hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên.



Ví dụ:

- Trong phụ lục số 3 bạn có thể tìm thấy một công cụ quan sát được dùng để quan sát môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Công cụ này cung cấp hướng dẫn chi tiết cho quá trình quan sát cho hoạt động chơi tại các góc cũng như các hoạt động khác.
- Bảng kiểm trong chương 5 cũng có thể được sử dụng như một công cụ quan sát, dự giờ.

Bạn có thể sử dụng toàn bộ nội dung trong hai công cụ này hoặc chỉ một phần nội dung trong đó cho quá trình quan sát, dự giờ, tùy thuộc vào mục tiêu của phần quan sát, dự giờ của bạn và hoạt động khai vấn.

Trong khi quan sát:

- Tôi tạo một môi trường thoải mái, an toàn và thân thiện, tập trung vào việc chia sẻ, tương tác và tập trung vào mục tiêu học tập.
- Tôi xin phép sự đồng ý của giáo viên để ghi lại các đoạn video ngắn bằng điện thoại của giáo viên đó.
- Tôi sử dụng công cụ quan sát để quan sát giờ học.
- Tôi quan sát cách tiếp cận của giáo viên liên quan tới những hành động của trẻ (bằng lời hoặc không lời).
- Tôi ghi chép lại những gì tôi nhìn thấy/ nghe được (những quan sát), tôi không suy diễn hay đánh giá thêm dựa trên những gì tôi nhìn thấy.
- Tôi ghi lại những đoạn video ngắn thể hiện những thực hành tốt nhưng nó cũng bao gồm những cơ hội, tiềm năng để giáo viên cải thiện.
- Tôi có mặt và tập trung vào hoạt động quan sát.

Sau khi quan sát:

- Tôi cảm ơn giáo viên đã cho phép quan sát, dự giờ lớp học.
- Chúng tôi cùng đồng ý dành một khoảng thời gian để thảo luận nội dung quan sát được sau phần dự giờ.
- Tôi dựa trên những ghi chép của mình (những điều quan sát được) và xác định:
 - o Những ví dụ hay và tích cực trong lớp học của giáo viên thể hiện môi trường học tập giàu tương tác và ngôn ngữ.
 - o Các cơ hội để giáo viên có thể mở rộng cơ hội học tập ngôn ngữ.
- Tôi lựa chọn các đoạn video thể hiện những tiềm năng học tập chú trọng vào trọng tâm quan sát đã thống nhất từ trước.



Nhiệm vụ:

1. Hãy lập kế hoạch dự giờ, quan sát lớp học cùng với một trong số những giáo viên trong trường của bạn.
2. Sử dụng phần hướng dẫn phía trên để áp dụng.
3. Sau hoạt động quan sát và dự giờ lớp học, bạn có thể sử dụng các điểm lưu ý, các mẹo hay gợi ý như bảng kiểm của bạn. Bạn đã làm tốt điều gì? Bạn có thể cải thiện điều gì?
4. Xác định ít nhất ba điểm hành động của bạn: “Lần tới, tôi sẽ...”

2. Hội thoại khai vấn và hỗ trợ

Nội dung khai vấn này không phải để thẩm định hay đánh giá chất lượng, năng lực của giáo viên. Nó là một công cụ rất hữu ích cho việc phát triển chuyên môn giáo viên. Cán bộ quản lý có thể giúp từng cá nhân hoặc một nhóm giáo viên để phản hồi, xác định các điểm để cải thiện hoặc các bước tiếp theo cho quá trình phát triển chuyên môn của giáo viên.

Thay vì đưa ra các hướng dẫn trực tiếp, một người khai vấn hướng tới việc mở khóa tiềm năng của một người để tối đa hóa hiệu suất làm việc của họ. Điều này thiên về hỗ trợ người học hơn là dạy họ. Với vai trò của một người khai vấn, **bạn không cần phải đưa ra các câu trả lời**, hoặc các giải pháp hay lời khuyên. Thực tế bạn sẽ giúp người mà bạn khai vấn tự tìm ra các câu trả lời cho chính mình và cách để tiến bộ.

Trước khi quan sát:

- Xem mục “Sau khi” quan sát lớp.

Trong khi quan sát:

- Tôi cảm ơn giáo viên cho hoạt động quan sát.
- Tôi dành thời gian cho cuộc trò chuyện và giữ trọng tâm cho cuộc trò chuyện đó.
- Trong trường hợp khai vấn sử dụng các đoạn video: Chúng tôi xem các đoạn video cùng nhau.
- Tôi mời giáo viên tự đánh giá và nhận xét về những gì họ cảm thấy hài lòng và những gì chưa hài lòng liên quan tới các mục tiêu đã xác định ban đầu về việc xây dựng môi trường giàu ngôn ngữ và các tương tác.
- Tôi chia sẻ những quan sát của mình khi phù hợp.
- Tôi hỏi các câu hỏi sau. Tôi sâu chuỗi cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ đến các hành động của giáo viên.
- Tôi giúp giáo viên giữ tập trung chia sẻ và phản hồi sâu về những điểm đã quan sát được. Tôi chia sẻ và sử dụng các ví dụ cụ thể mà tôi quan sát được (các hành động của giáo viên và hiệu quả của hành động đó trên trẻ).
- Tôi mời giáo viên đề xuất làm thế nào để thay đổi/ điều chỉnh môi trường học tập ngôn ngữ và các tương tác.
- Tôi giúp giáo viên đưa ra các đề xuất cụ thể và khả thi.
- Tôi hỏi giáo viên về những hỗ trợ mà giáo viên cần cho những bước tiếp theo.
- Tôi liên kết kết quả dự giờ đến các cơ hội khác để phát triển chuyên môn:
 - o Chia sẻ và cùng thảo luận về tài liệu hỗ trợ như video, giáo án/kế hoạch bài học...;
 - o GV tận dụng cơ hội để thử nghiệm đề xuất về các cách tiếp cận đã điều chỉnh;
 - o GV có thể quan sát một thực hành tốt của đồng nghiệp (cùng trường hoặc cùng huyện) có kinh nghiệm hơn trong một lĩnh vực nào đó (ví dụ, đồng nghiệp đó có kỹ năng tốt trong cách đặt câu hỏi mở);
 - o GV có thể cộng tác với các GV khác để cùng học về một chủ đề đã chọn.
- Tôi hỏi giáo viên về việc họ cảm thấy thế nào qua đoạn hội thoại khai vấn vừa rồi. “Có điều gì đó trong phương pháp của tôi cần cải thiện không?”, “Để cho lần quan sát và chia sẻ tới có hiệu quả hơn và biến nó trở thành một trải nghiệm học tập đáng giá hơn, chúng ta cần thay đổi điều gì?”

Sau khi quan sát:

- Tôi tạo các cơ hội và dành thời gian để giáo viên thử nghiệm/ thực hành các phương pháp mới.
- Tôi liên kết phần quan sát với các cơ hội phát triển chuyên môn khác:
 - o Tôi chia sẻ và cùng thảo luận những hướng dẫn như việc sử dụng các đoạn video, các kế hoạch bài giảng...
 - o Giáo viên có cơ hội để thử nghiệm những phương pháp được đề xuất mà có sự điều chỉnh cho phù hợp.
 - o Giáo viên có thể quan sát các thực hành tốt của đồng nghiệp (trong trường hoặc huyện) có nhiều kinh nghiệm hơn trong lĩnh vực này (Ví dụ: Giáo viên này có kỹ năng tốt trong việc đặt các câu hỏi mở).
 - o Giáo viên có thể hợp tác cùng các giáo viên khác để cùng học và chia sẻ về các chủ đề khác.
- Tôi theo dõi việc thực hiện và áp dụng của giáo viên dựa trên những gì đã cùng đồng ý và thống nhất.
- Tôi khích lệ và chúc mừng những thành công của giáo viên.
- Tôi suy ngẫm về quá trình khai vấn của mình bằng việc trả lời các câu hỏi trong bảng “nhiệm vụ” phía trên.

Tài liệu hỗ trợ phát triển chuyên môn giáo viên có thể cung cấp thêm cho bạn nhiều gợi ý khác:

- Chương 3.4: Ví dụ về đàm thoại khai vấn sau dự giờ?
- Chương 4.8: Làm thế nào để khai vấn và hỗ trợ?



Nhiệm vụ:

Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây sau đoạn hội thoại khai vấn của bạn với giáo viên:

1. Bạn đã tập trung vào nội dung được thống nhất trước đó chưa?
2. Bạn có sử dụng nhiều cách phản hồi khác nhau không?
3. Bạn đặt câu hỏi hay nói là chủ yếu?
4. Bạn có cùng với người được khai vấn xác định các bước tiếp theo không?
5. Buổi đàm thoại khai vấn có sự tôn trọng và mang tính xây dựng không?
6. Nhìn chung buổi khai vấn diễn ra như thế nào?
7. Bạn đã học hỏi được điều gì?

Phụ lục 3: Hướng dẫn quan sát môi trường giàu ngôn ngữ

Với việc sử dụng hướng dẫn quan sát này, quá trình quan sát giờ học sẽ trở nên trọng tâm hơn và phần thảo luận với giáo viên sau quá trình quan sát sẽ có nhiều tác động tích cực hơn.

Một vài gợi ý:

- Thống nhất trước với giáo viên về những nội dung trọng tâm của hoạt động quan sát là gì
- Hãy viết ra những quan sát cụ thể chứ không bao gồm những đánh giá hay diễn giải
- Trước khi quay các video trong lớp học, hãy hỏi ý kiến đồng ý của giáo viên. Nên ghi lại những đoạn video ngắn và trọng tâm. Cân nhắc sử dụng điện thoại của giáo viên mà bạn dự giờ để quay lại một đoạn video trong tiết học đó. Sử dụng các đoạn video ngắn đó để thảo luận với giáo viên cùng với hướng dẫn quan sát.

1. Hướng dẫn quan sát góc chơi giàu ngôn ngữ

Cách tổ chức các góc	Bạn quan sát thấy gì? Hãy viết ra các ví dụ cụ thể?
1. Cách bố trí các góc có phù hợp với trẻ không? Trẻ có thể làm việc độc lập tại góc không? Bạn đã nhìn thấy gì?	
2. Sự tương tác giữa góc đó và các góc khác như thế nào?	
3. Các nhóm được phân chia như thế nào? (trẻ trai và trẻ gái, độ tuổi, năng lực)?	
4. Các đồ dùng đồ chơi và hoạt động trong các góc có liên quan đến chủ đề và mục tiêu học tập không? Như thế nào?	

1. Môi trường lớp học tích cực và an toàn

1. Trẻ có thể tự mình trải nghiệm không? Trẻ có được tự do sáng kiến và tham gia các hoạt động không? Hãy nêu một ví dụ bạn đã quan sát thấy.	
2. Trẻ có cơ hội để phát biểu không? Ngôn ngữ của trẻ có được tôn trọng không (ngôn ngữ ở nhà, tiếng địa phương, tiếng mẹ đẻ)?	
3. Góc hoạt động có ấm cúng không? Những gì bạn đã quan sát thấy thể hiện rằng trẻ cảm thấy thoải mái khi tham gia góc đó (trẻ có cười đùa không,...)? (những hành vi có thể quan sát được)?	
4. Cách sắp xếp và trang trí của góc đó có gần gũi thế giới của trẻ như thế nào? Có chú ý đến môi trường ở nhà của "tất cả" trẻ hay không?	

2. Những đề xuất và hoạt động có ý nghĩa

1. Trong góc có đủ đồ dùng đồ chơi liên quan đến mục tiêu đã đặt ra không?	
2. Các góc được điều chỉnh theo sở thích và môi trường sống của trẻ như thế nào?	
3. Đồ dùng đồ chơi và trò chơi có thiết thực, gần với thực tế, phong phú và đa dạng không? Trẻ có thể nhận ra các tình huống giống với cuộc sống xung quanh không? Như thế nào?	
4. Góc đó thử thách trẻ như thế nào? "Khoảng cách" giữa những gì trẻ có thể làm và những gì trẻ nên làm có quá lớn không? Trẻ có cơ hội để phát triển ở các lĩnh vực khác nhau (năng lực) không? Lĩnh vực nào?	
5. Các vật liệu trong góc đáp ứng đủ cho các trò chơi mở như thế nào (do trẻ tự nghĩ ra/có sự khác biệt)?	
6. Cách sắp xếp và đồ dùng đồ chơi tạo cơ hội cho sự tương tác giữa trẻ với trẻ như thế nào?	
7. Mục tiêu hoạt động góc có phù hợp với mục tiêu phát triển và chương trình giáo dục không? Hoạt động góc có phải là phương tiện để đạt được các mục tiêu học tập không? Bạn đã nhìn thấy gì?	

3. Hỗ trợ ngôn ngữ thông qua tương tác

1. Giáo viên có dành thời gian quan sát các hoạt động góc liên quan đến phát triển kỹ năng xã hội/ngôn ngữ/... không? Khi nào và như thế nào?	
2. Giáo viên chơi cùng trẻ trong góc chơi như thế nào? Giáo viên khuyến khích phát triển ngôn ngữ của trẻ như thế nào (đặt câu hỏi/làm rõ vấn đề/kết nối những gì trẻ đang làm)?	
3. Giáo viên làm gì để giúp trẻ hiểu được ngôn ngữ của mình trong khi chơi (lặp lại bằng các từ ngữ khác nhau/hỗ trợ trực quan bằng cử chỉ - tranh ảnh - vật dụng...)?	
4. Giáo viên có cố gắng tìm hiểu xem trẻ có hiểu đúng những gì giáo viên nói và giáo viên có hiểu đúng những gì trẻ nói hay không? (nghĩa là khi trao đổi với nhau)? Như thế nào?	
5. Giáo viên đưa ra phản hồi như thế nào để tập trung chủ yếu vào những gì trẻ muốn nói hơn là cách trẻ nói (sử dụng ngôn ngữ chính xác)?	
Nhận xét chung:	

2. Hướng dẫn quan sát cho các hoạt động khác

1. Môi trường lớp học tích cực và an toàn

1. Điều gì khiến bạn nhìn thấy trẻ đang cảm thấy dễ chịu?	
2. Giáo viên đã thảo luận với trẻ về các hoạt động bằng cách nào?	
3. Trẻ có phản hồi nhanh chóng khi nói chuyện với nhau không? Khi nói chuyện với giáo viên? Như thế nào? Khi nào?	
4. Điều gì khiến lớp học hấp dẫn, đẹp, trang nhã và ấm cúng?	
5. Trẻ có được ghi nhận một cách tích cực không? Như thế nào?	
6. Bạn cảm thấy không khí lớp học như thế nào? Lưu ý, đôi khi lớp học ồn ào cũng là dấu hiệu tích cực	

2. Những đề xuất và nhiệm vụ có ý nghĩa

1. Bạn đã nhìn thấy những dấu hiệu nào của sự tham gia của trẻ khi tham gia hoạt động? Hãy nêu một vài ví dụ!	
2. Bạn nhìn thấy những dấu hiệu nào của các sáng kiến? Trẻ có thể đưa ra sự lựa chọn của riêng mình không? Trẻ có đưa ra đề xuất nào không?	
3. Trẻ có tham gia sâu vào hoạt động không? Trẻ có nhiệt tình không? Bạn đã nhìn thấy những gì?	
4. Những hoạt động nào được tổ chức theo chủ đề?	
5. Các hoạt động có phù hợp với mức độ phát triển của trẻ mầm non không? Cho ví dụ.	

3. Hỗ trợ ngôn ngữ thông qua tương tác

1. Giáo viên thảo luận với trẻ về hoạt động như thế nào?	
2. Giáo viên có khuyến khích trẻ tự giải quyết vấn đề không? Bằng cách nào?	
3. Giáo viên làm cách nào để hiểu được trẻ? Giáo viên làm sao để chắc chắn rằng trẻ hiểu được mình?	
4. Giáo viên có dựa vào sở thích và năng lực của trẻ khi tổ chức hoạt động không? Giáo viên có khuyến khích trẻ học thêm điều mới và tìm tòi khám phá không? Bằng cách nào? Cho ví dụ.	
5. Giáo viên đã hỏi những câu hỏi nào? Có câu hỏi mở và câu hỏi kích thích trẻ tư duy không?	
6. Giáo viên có đưa ra phản hồi cho trẻ không? Trong hoạt động nào? Qua sản phẩm, nội dung, quá trình nào?	
7. Bạn nghe thấy giáo viên động viên trẻ như thế nào?	

Nhận xét chung:

Tham khảo

- Allport, G. (1954), *The nature of prejudice*, Addison-Wesley Publishing Company. <https://archive.org/details/natureofprejudic00allprich>
- Berebrouckx, A. (1998). *De eend van Jules*. Antwerpen: Uitgeverij Zwijzen Belgie Nv.
- Colpin, M., e.a. (1994). *Taal-Materiaal. Talig omgaan met materialen in de kleuterklas*. Deurne: Wolters Plantyn.
- Colpin, M., e.a. (1995). *Taal-Verhaal. Prentenboeken, verhalen en drama in de kleuterklas*. Deurne: Wolters Plantyn.
- Colpin, M., e.a. (1997). *Taal-Centraal. Taalbeschouwing in de kleuterklas*. Deurne: Wolters Plantyn.
- Cummins, J. (1979). Linguistic interdependence and the educational development of bilingual children. *Review of educational research*, 49, pp. 222-51.
- Cummins, J. (1984). *Bilingualism and Special Education. Issues in the Assessment and Placement*. Clevedon: Multilingual Matters.
- Grøver, V., Rydland, V., Gustafsson, J.-E., & Snow, C. (2020). Shared book reading in preschool supports bilingual children's second language learning: A cluster-randomized trial. To appear in *Child Development*.
- Hadley, E. B., & Dickinson, D. K. (2019). Cues for word-learning during shared book-reading and guided play in preschool. *Journal of child language*, 46(6), 1202-1227.
- Hadley, E., Newman, K., & Mock, J. (2020). Setting the Stage for TALK: Strategies for Encouraging Language Building Conversations. *The Reading Teacher*, <https://doi.org/10.1002/trtr.1900>
- Jaspaert, k. (ed.) (2003). *Taal-verhaal. Prentenboeken, verhalen en drama in de kleuterklas*. Mechelen: Wolters Plantyn.
- Regan A. R. Gurung, Loreto R. Prieto, 2009. *Getting Culture: Incorporating Diversity Across the Curriculum*. Stylus Publishing: Virginia.
- Schubert, D., Schubert, I. (1986). *Monkie*. Rotterdam: Lemniscaat.
- Socialist Republic of Vietnam (2016). plan to implement the project "Strengthening Vietnamese for preschool and primary school children from ethnic minority areas" for the period 2016 - 2020 with a vision to 2025. Decision no. 1008/QĐ-TTg02. Hanoi: Ministry of Education and Training.
- Verhelst, M. (Ed.) (2009). *Framework of reference for Early Second Language acquisition*, Strasbourg: Council of Europe.
- Stephenson, G. R. (1967). Cultural acquisition of a specific learned response among rhesus monkeys. In: Starek, D., Schneider, R., and Kuhn, H. J. (eds.), *Progress in Primatology*, Stuttgart: Fischer, pp. 279-288.). https://www.throwcase.com/wp-content/uploads/2015/08/Cultural-Acquisition-of-Specific-Learned-Response_Stephenson_1966.pdf
- Verhelst, M. (2010). A box full of feelings. Promoting infants' languages acquisition all day long in The task based approach to language education, from theory to practice (Van den Branden, K. Ed.).
- VVOB. 2020. *Thực hành quan sát trẻ theo quá trình trong trường mầm non – Tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên*.
- VVOB (2020). *Hỗ Trợ Phát Triển Chuyên Môn Giáo Viên Do Trường Chủ Trì: Tài liệu tham khảo dành cho người điều hành phát triển chuyên môn giáo viên*. Đà Nẵng, Việt Nam.
- White, P., Laxton, J. & Brooke, R. (2009). *Reflection: importance, theory and practice*. Leeds: University of Leeds.
- Zipoli, R. P., Jr., Coyne, M. D., & McCoach, D. B. (2011). Enhancing Vocabulary Intervention for Kindergarten Students: Strategic Integration of Semantically Related and Embedded Word Review. *Remedial and Special Education*, 32(2), 131-143.
- <http://earlyyearsblog.eu/7-tips-to-make-shared-book-reading-even-more-beneficial-for-dual-language-learners/>
- <https://kleutergewijs.wordpress.com/2020/02/26/5-tips-voor-krachtige-voorleesmomenten-met-meertalige-kleuters/>
- <https://www.teachervision.com/teaching-strategies/getting-know-your-students>
- <http://www.oecd.org/education/cei/oecdtoolkitonteachingfordiversity.htm>
- <https://www.arts.kuleuven.be/cto/materialen/kleuter/taalverwerving/Taal-materiaal-verhaal-centraal>
- <https://meertaligheid.be/assets/pdf/meertalige-taalverwerving.pdf>
- http://taalunieversum.org/onderwijs/taalforum/toon_vraag.php?vraagid=104
- <https://metrotaal.be/content/3-bouwstenen/1-kennis/bronnenkaart-meertalige-taalverwerving.pdf>

Tài liệu này được xuất bản vào tháng 02 năm 2021 bởi:

© 2021 VVOB – education for development
Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Bỉ
Điện thoại: +32 2 209 07 99; Website: www.vvob.org



Bảo lưu một số quyền

Tài liệu này là sản phẩm của các chuyên gia VVOB, dựa trên các kết quả, kinh nghiệm của các chuyên gia VVOB và các đối tác trong chương trình “Giảm thiểu rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non tại các huyện khó khăn và có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống”. Tài liệu này cũng được tham khảo thêm các tài liệu liên quan khác. Các kết quả, diễn giải, và kết luận được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VVOB, của Ban Giám đốc VVOB, hoặc của nhà tài trợ. VVOB không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu trong tài liệu này. Các đường biên giới, màu sắc, tôn giáo, và các thông tin được thể hiện trên hình minh họa trong tài liệu này không thể hiện quan điểm hay sự ủng hộ của VVOB về mặt pháp lý về biên giới của bất kỳ vùng lãnh thổ nào.

Quyền lợi và cấp phép xuất bản

Chịu trách nhiệm biên tập:

Sven Rooms

© 2021 VVOB - education for development



Tài liệu này được xuất bản và lưu hành dựa trên nguyên tắc tài sản sáng tạo công cộng (Creative Commons) và phi thương mại (CC BY-NC-SA 4.0). Quyền sao chép, phân phối, vận chuyển, và ứng dụng tài liệu này đều được cho phép với mục đích phi thương mại, và với các điều kiện sau đây:

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: *VVOB - education for development. 2021. “Những tương tác giàu ngôn ngữ trong trường mầm non - Hướng dẫn dành cho giáo viên nhằm xoá bỏ các rào cản ngôn ngữ trong trường mầm non”*

Mọi câu hỏi về bản quyền và quyền xuất bản vui lòng gửi về VVOB, Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium. Điện thoại: +32 2 209 07 99; E-mail: info@vvob.org; Website: www.vvob.org

Quyền phủ nhận

Tài liệu này có sử dụng trích dẫn và tham khảo một số ấn phẩm và trang web khác. VVOB không chịu trách nhiệm về các nội dung hiện tại và trong tương lai của các ấn phẩm và các trang web đó, cũng như không chịu trách nhiệm về ấn phẩm và các trang web đưa tin và trích dẫn tài liệu này của VVOB.

Tài liệu này được biên soạn và xuất bản với hỗ trợ tài chính từ chính phủ Bỉ và và Flanders. Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm của VVOB và không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ, do đó chính phủ Bỉ và Flanders không chịu trách nhiệm với bất kì nội dung nào của tài liệu này.

Được tài trợ bởi:



Belgium
partner in development



Flanders
State of the Art



3-5 Nguyễn Bình, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
+84 (0) 236 3923332
<https://vietnam.vvob.org>
<http://fb.com/vvobvietnam>